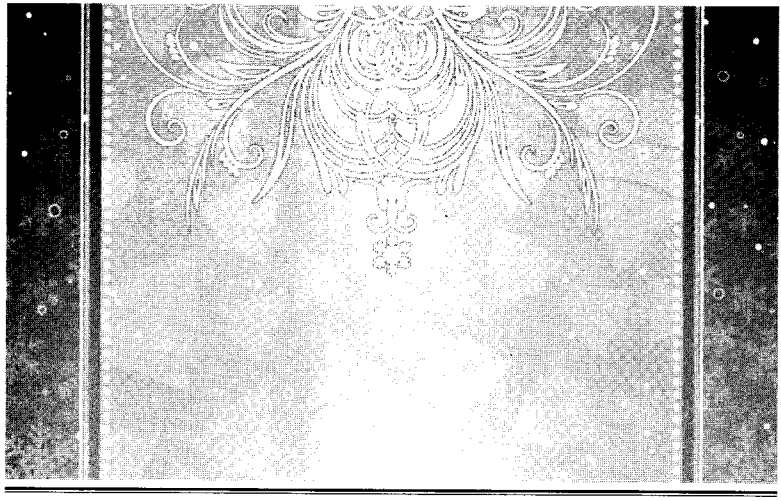

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Quyển 77

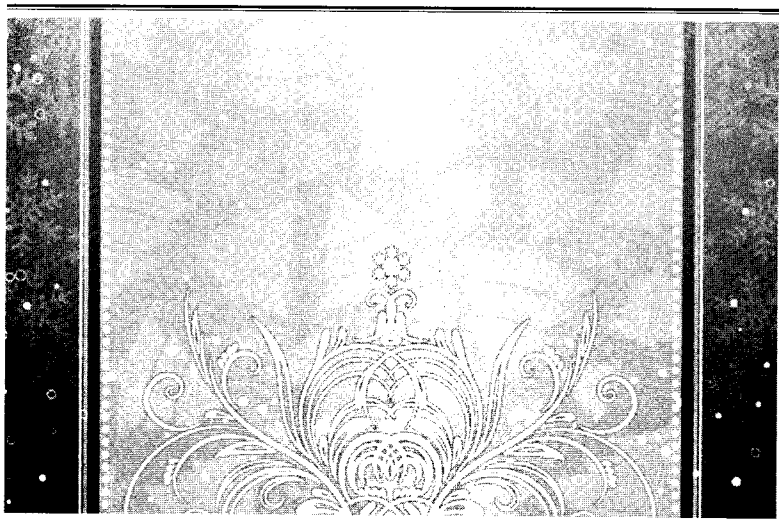

Phẩm Thứ Sáu Mươi Mốt
(TIẾP THEO)

Mộng Trung Bất Chứng (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là tướng của Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hư không tướng là tướng Bát nhã Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp đều tùy duyên sanh. Như vậy, tướng của các pháp cũng đồng như tướng của Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Tướng của các pháp cũng đồng như tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp đều là ly tướng, đều là vô tướng. Bởi vậy nên nói tướng của các pháp cũng đồng như tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp đều là ly tướng, đều chẳng có tướng, thì làm sao có thể biết được tâm chúng sanh là cấu hay là tịnh?

Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là ly tướng, là chẳng có tướng, thì cũng là chẳng cấu, chẳng tịnh. Như vậy, thì cũng chẳng có Vô Thượng Bồ Đề. Vì ly tướng và chẳng có tướng, thì chẳng có pháp nào có thể đắc được vậy.

Bạch Thế Tôn! Trong ly tướng, trong vô tướng, thì chẳng có Bồ tát đắc Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy làm sao con có thể hiểu được pháp nghĩa mà Phật vừa dạy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sanh có hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bạch Thế Tôn! Chúng sanh vẫn thường hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ngã tâm và ngã sở tâm có phải là ly tướng, có phải là vô tướng chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngã tâm và ngã sở tâm là ly hướng, là vô tướng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ngã tâm và ngã sở tâm có qua lại trong các nẻo đường sanh tử chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngã tâm và ngã sở tâm của chúng sanh có qua lại trong các nẻo đường sanh tử.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm, khiến phải qua lại trong các nẻo đường sanh tử, nên là có cấu, có não.

Nếu chúng sanh chẳng có hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm, chẳng chấp trước các tâm ấy, thì chẳng còn qua lại trong các nẻo đường sanh tử. Nếu chẳng qua lại trong các nẻo đường sanh tử, thì cũng chẳng có cấu, chẳng có não. Như vậy là được tâm thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành thức, chẳng hành nội không... dẫn đến

chẳng hành vô pháp hữu pháp không, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng hành 8 thánh đạo, chẳng hành 10 Phật lực... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì hết thảy đều là bất khả đắc. Như vậy là chẳng có người hành pháp, chẳng có chỗ hành pháp, chẳng có pháp để hành.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên hết thảy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng thể hàng phục được; hết thảy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể bằng được. Vì sao? Vì Bồ tát này trú ở nơi "vô sở trú", nên chẳng có ai sánh kịp. Đó là Bồ tát vị.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát này hành đúng với Tác Bà Nhã tâm, nên chẳng có ai sánh kịp.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này hành như vậy, nên mau được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao! Nếu hết thảy chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề đều được thân người, đều hành nhân đạo, ... dẫn đến đều được Vô Thượng Bồ Đề; lại có thiện nam, thiện nữ suốt đời cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng các thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề.

Phước đức của những người ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phước đức của những người ấy nhiều vô lượng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của những người ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ, ở giữa đại chúng, thuyết giảng kinh Bát nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt để cho đại chúng hiểu rõ nghĩa kinh; và tự mình đúng theo nghĩa kinh mà thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Phước đức của thiện nam, thiện nữ này rất thù thắng. Phước đức của hết thảy chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới, hành pháp như những người nói trên, cộng hợp lại, cũng chẳng sao bằng được.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu hết thảy chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề đều được thân người; lại nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cho họ hành 10 thiện đạo, 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, rồi tùy hỷ hết thảy thiện căn công đức ấy, để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phước đức của người ấy rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, vì chúng sanh thuyết giảng, khai thị, phân biệt để chúng sanh được rõ nghĩa kinh.

Phước đức của thiện nam, thiện nữ này rất thù thắng. Phước đức của hết thảy chúng sanh cõi Diêm Phù Đề cùng với phước đức của thiện nam, thiện nữ kia, cộng hợp lại, cũng chẳng sao bằng được.

Vì sao? Vì Thiện nam, thiện nữ này, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, mà hành Bát nhã Ba-la-mật, là bờ mé tột cùng của các phước điền. Ngoại trừ Phật ra, chẳng có ai có được thế lực bằng vị đại Bồ tát này.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát này trọn chẳng ly

tâm đại từ đối với chúng sanh; vì thấy chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, nên khởi tâm đại bi; vì khởi tâm đại bi đối với hết thảy chúng sanh, nên khi hành Bồ tát đạo vẫn thường giữ tâm hoan hỷ; vì chẳng chấp niệm tưởng, nên thường được tâm đại xả.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát được đại trí quang minh , tức là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này, dù chưa thành Phật mà đã là ruộng phước lớn nhất cho hết thảy chúng sanh, chẳng hề thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Khi thọ sự cúng dường, Bồ tát này cũng hành đúng như thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật, quyết định đền báo ơn của hàng tín thí. Bồ tát này hành pháp như vậy, nên mau đến được Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát này chẳng muốn thọ suông sự cúng dường, nên nguyện báo ơn hàng tín thí, nguyện khai thị 3 thừa đạo cho chúng sanh, nguyện làm ngọn đuốc sáng để dẫn đạo chúng sanh, nguyện cứu vớt chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, nguyện khiến chúng sanh có được mắt trí huệ. Bồ tát muốn nguyện như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải thường chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Khi thuyết pháp, Bồ tát cũng phải y theo Bát nhã Ba-la-mật mà thuyết, chẳng để cho các tạp niệm khởi sanh, tâm luôn luôn hướng về Bát nhã Ba-la-mật, chẳng bao giờ ngưng nghỉ.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người cầu được ngọc ma ni mà được nắm giữ bảo vật ấy trong tay, thì rất vui mừng, hớn hở. Nếu chẳng may bị đánh mất, ắt sẽ rất đau buồn, tâm thường nhớ nghĩ đến bảo vật đó, và tự niệm rằng, "Nếu ta tìm lại được viên ngọc quý này, ta quyết định chẳng

bao giờ xa rời nữa". Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng bao giờ xa rời Tát Bà Nhã tâm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thảy niệm đều là tự tánh ly, tự tánh không. Như vậy làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng ly Tát Bà Nhã tâm được? Vì nếu các pháp là tánh ly, là tánh không, thì cũng chẳng có Bồ tát, chẳng có niệm, chẳng có Nhất thiết chủng trí vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chính vì Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp là như vậy, là tự tánh ly, là tự tánh không, chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng phải do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ tát làm ra... dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra, lại biết rõ hết thảy các pháp tướng là thường trú, là pháp như, là pháp tánh, là thật tế nên mới hành Bát nhã Ba-la-mật, mà trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tánh ly, là tánh không, là chẳng tăng, chẳng giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh ly, tự tánh không, thì làm sao Bồ tát hợp cùng với Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cùng với Bát nhã Ba-la-mật là bình đẳng, là bất tăng, bất giảm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp như, pháp tánh, thật tế, là chẳng tăng, chẳng giảm là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bồ tát nào nghe nói tướng của Bát nhã Ba-la-mật là như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ tát đã thành thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã an trú nơi bậc bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành không, hành vô sở hữu là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ly không có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi Bát nhã Ba-la-mật có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ly Bát nhã Ba-la-mật có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi 5 ấm có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ly 5 ấm có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi 6 pháp Ba-la-mật có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi 4 niệm xứ... dẫn đến trú nơi 18 bất cộng pháp có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành 5 ấm không... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp không, hành pháp vô sở hữu, hành pháp như, hành pháp tướng, hành

pháp tánh, hành pháp trụ, hành pháp vi, hành thật tế có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hành tất cả các pháp đó mà chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông có thấy pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, và có người hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp mà ông chẳng thấy có phải là pháp khả đắc chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là pháp khả đắc vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp ấy là bất khả đắc, thì pháp ấy có sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng sanh vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu được vô sanh pháp nhẫn như vậy, nên được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật hành pháp như vậy, nên được vô sở úy, vô ngại trí. Bởi vậy nên, nếu Bồ tát tinh tấn, nhất tâm hành pháp như vậy, thì sẽ được Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề là bất tăng, bất giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các

pháp đều chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều chẳng sanh, cũng chẳng phải chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, làm sao Bồ tát biết có pháp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng có thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký, chẳng thấy có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có người được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nếu ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát đều vô sở đắc, đều chẳng khởi niệm mình được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng khởi niệm dùng các pháp đó để được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng khởi niệm có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy mới gọi là Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng khởi ức tưởng phân biệt, do biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ ức tưởng phân biệt vậy.

LUẬN

Hỏi: *Trước đây đã nói nhiều về tướng của Bát nhã Ba-la-mật rồi. Sao nay còn nói nữa?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu đệ nhất, nên

người nghe chẳng có khi nào nhàm chán. Vì sao? Vì pháp thâm diệu này là vô tướng pháp.

Nên biết các bậc Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, còn chưa biết đầy đủ thâm nghĩa, huống nữa là ngài Tu Bồ Đề.

Vì ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, nên mới thưa hỏi thêm, để xin Phật rộng giải thêm về các tướng của thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phật dạy: Như hư không tướng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì hư không tướng là vô sắc tướng, là phi vô sắc tướng, là vô sở hữu tướng; Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Vì sao nói hết thảy pháp tướng đều là Bát nhã Ba-la-mật tướng?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp tướng đều rốt ráo là không, rốt ráo là ly, cho nên nói hết thảy pháp tướng đều là Bát nhã Ba-la-mật tướng. Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là ly tướng, đều là chẳng có tướng, thì làm sao biết được tâm chúng sanh là cấu hay là tịnh? Lại nữa, trong ly tướng, trong vô tướng, thì làm sao Bồ tát tu tập có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Vì chúng sanh chấp ngã và ngã sở, nên bị vô minh che tâm, khiến thấy tâm có cấu, có tịnh.

Trên đây, Phật muốn dạy rằng: "Ngã và ngã sở đều rốt ráo là không, rốt ráo là ly, nhưng chúng sanh, do cuồng vọng điên đảo, mà chấp có ngã và có ngã sở, rồi khởi sanh các tướng phiền não. Vì có các phiền não như vậy, nên mới khởi

sanh các nghiệp, cùng các nghiệp chủng nhân duyên, khiến chúng sanh cứ phải luân chuyển mãi trong các nẻo đường sanh tử, mà chẳng biết rằng phiền não cũng là rốt ráo không. Vì sao? Vì do tâm hư vọng chấp, mà thấy có ngã và ngã sở; do ngã và ngã sở tác duyên, mà khởi sanh các pháp hư vọng.

Dùng lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật, mà quán 5 ấm là vô thường, vô khổ, là vô ngã, là tự tướng không, là tự tướng ly, thì sẽ biết rõ rằng ngã và ngã sở, từ vô thỉ đến nay, vẫn là rốt ráo bất sanh; khi tâm và tâm sở đều diệt, thì các phiền não cũng diệt, khiến các duyên nghiệp tác khởi qua lại trong các đường sanh tử cũng đoạn; lúc bấy giờ, sẽ được tâm thanh tịnh. Lại cũng nên biết, vì các pháp tướng rốt ráo không, nên là chẳng có cấu, chẳng có tịnh.

Đến đây, ngài Tu Bồ Đề tư duy về lời Phật dạy, rồi bạch Phật: Bồ tát hành như vậy là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành thức, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng hành 8 thánh đạo v.v...

Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp để hành, chẳng thấy có pháp để chứng, chẳng thấy có người chứng.

Bồ tát hành như vậy, thì các hàng trời, người, A-tu-la đều chẳng có thể hàng phục được. Vì sao? Vì hàng trời, người còn chấp có danh pháp, khiến khởi sanh các quả báo hư vọng; còn Bồ tát trú nơi rốt ráo không, mà chẳng chấp không, huống nữa là chấp các pháp, nên chẳng ai có thể hàng phục được vậy.

Bồ tát hành pháp như vậy, nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao sánh kịp. Bởi vậy nên Bồ tát vào pháp vị bất thối chuyển rồi, thì ma chẳng còn có thể phá hoại được.

Bồ tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly Tát Bà

Nhã tâm, nên mau đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát, tuy chẳng chấp hết thảy pháp, mà vẫn tinh tấn tu tập hết thảy các trợ đạo pháp.

Phật ấn chứng lời của ngài Tu Bồ Đề, và tán thán các công đức tự lợi và lợi tha của Bồ tát.

-o0o-

Sau đó, Phật muốn phân biệt các phước đức quả báo của Bồ tát, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu hết thảy chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề đều được làm thân người, và đều được Vô Thượng Bồ Đề; lại nếu có người trọn đời cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, và đem hết thảy thiện căn hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Phước đức của những người ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều.

Phật dạy: Phước đức của những người ấy chẳng sánh bằng được phước đức của Bồ tát, ở giữa đại dương, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt rõ ràng để mọi người được rõ; và tự mình theo đúng như pháp mà thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Đây mới là phước đức thù thắng nhất, mới là bờ mé tột cùng của các phước điền. Vì sao? Vì y theo Bát nhã Ba-la-mật mà hành, thì sẽ được phước đức vô lượng, vô biên...dẫn đến sẽ được thành Phật đạo. Tất cả các phước đức khác, do ly Bát nhã Ba-la-mật, nên phải có ngày đoạn tận; còn phước đức xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật là phước đức vô tận.

Bồ tát hành bình đẳng nhẫn, nên dù hành pháp không, mà vẫn dùng 4 vô lượng tâm, để làm lợi ích cho chúng sanh.

Trong 4 vô lượng tâm, thì tâm đại bi là căn bản. Bồ tát thấy chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, chịu bao nhiêu khổ đau như kẻ tử tội sắp bị hành hình, nên phát đại bi, muốn làm phước điền cho chúng sanh. Bồ tát chẳng muốn thọ ơn suông của quốc gia, của tín thí, nên nguyện dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật độ chúng sanh thoát khổ, khiến họ được phước đức vô tận. Đó là cách đền ơn cao cả nhất. Như vậy, từ sơ phát tâm... dẫn đến khi vào Niết bàn, Bồ tát thường vì chúng sanh, khai thị 3 thừa đạo, và vì chúng sanh khai thị Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, Bồ tát muốn cứu thoát chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, muốn cứu thoát chúng sanh ra khỏi các triền phược, muốn khiến chúng sanh được 5 nhãn, nên phải thường hành Bát nhã Ba-la-mật, phải thường giữ tâm tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật; khi diễn nói cũng phải diễn nói đúng theo như Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy các pháp tử: "Khi sống chung với nhau, phải giữ hòa hợp; khi sống chung với quần chúng, phải giữ im lặng như bậc Thánh Hiền, hoặc phải nói pháp Thánh Hiền. Khi giữ im lặng, phải tùy Bát Nhã tâm; khi nói pháp, phải tùy Bát Nhã hạnh. Thuyết Bát nhã Ba-la-mật rồi, lại quay về Bát nhã Ba-la-mật tâm, chẳng bao giờ để tâm duyên theo pháp trần. Bồ tát ngày đêm vẫn thường hành như vậy, chẳng bao giờ ngưng nghỉ".

Phật nêu thí dụ về người nghèo, khi nắm ngọc ma ni trong tay, tự nghĩ chẳng bao giờ rời bảo vật ấy. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng bao giờ ngưng nghỉ, trọn chẳng bao giờ ly Tát Bà Nhã tâm, ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy liền bạch Phật: Nếu hết thảy niệm đều là không, thì vì sao nói Bồ tát chẳng bao giờ ly Tát Bà Nhã tâm được?

Trong "không", thì Bồ tát là bất khả đắc, Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc vậy.

Phật dạy: Bồ tát biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không, là tự tánh ly, là chẳng do Thanh Văn, Bích Chư Phật, Bồ tát làm ra... dẫn đến chẳng do Phật làm ra, biết rõ hết thảy pháp đều là pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Phải biết đó là Bồ tát chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật hạnh, vì Bát nhã Ba-la-mật là không, là ly, là bất tăng, bất giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu Bát nhã Ba-la-mật là tánh không, thì làm sao Bồ tát hợp cùng với Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát cùng với Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tăng, chẳng giảm, là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp như, pháp tánh, thật tế; và pháp như, pháp tánh, thật tế là Bát nhã Ba-la-mật. Hết thảy pháp đều là như, chẳng phải hai, chẳng phải khác; Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô biên, vô tướng, vô tác là bất tăng, bất giảm.

Nếu Bồ tát thấu triệt được như vậy, thể nhập được như vậy là đã gần đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nghe được như vậy, mà thông đạt vô ngại, thì dù chưa được thành Phật, cũng đã vào được thật trí huệ. Do đã có được thật trí huệ như vậy, đã có tín lực như vậy, nên ở nơi Phật pháp Bồ tát chẳng còn nghi, chẳng còn sợ hãi. Vì sao? Vì phàm phu còn chấp ngã và ngã sở, nên mới sợ hãi. Trái lại, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy nên an trú nơi bậc bất thối chuyển, và thành tựu đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật hạnh.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật khai thị về chánh hạnh Bát nhã Ba-la-mật, nên hỏi Phật: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát quán hết thảy pháp đều là không, là vô sở hữu, là chẳng kiên cố. Như vậy, thì hành không, hành vô sở hữu là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì nếu là không, là vô sở hữu, thì chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ly không là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì nếu hết thảy pháp là không, là vô tướng, là vô tác, thì ly không cũng chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: "Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy pháp", nên lại hỏi: Trú nơi Bát nhã Ba-la-mật là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì pháp chẳng tự hành, mà phải nương nơi các pháp khác mới hành được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ly Bát nhã Ba-la-mật, thì có pháp để hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại nghĩ về danh tự, và về nhân duyên, nên hỏi Phật: Trú nơi 5 ấm là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì 5 ấm là hư vọng. Do duyên hòa hợp sanh, nên 5 ấm là chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi 5 ấm mà hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trú nơi 6 pháp Ba-la-mật là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì cũng như 5 ấm, các pháp Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi 6 pháp Ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trú nơi 4 niệm xứ ... dẫn đến trú nơi 18 bất cộng pháp là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng.

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì cũng như 5 ấm, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi các pháp ấy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Hành 5 ấm không...dẫn đến hành 18 bất cộng pháp không, hành pháp vô sở hữu, hành pháp không, hành pháp như, hành pháp tướng, hành pháp tánh, hành pháp trụ, hành pháp vị, hành thật tế có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì hết thảy pháp ấy đều bất sanh, bất diệt, đều là tự tánh không, nên chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu nói Bồ tát chỉ là giả danh, chẳng hành được Bát nhã Ba-la-mật, nếu nói các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được, thì như vậy ai là người hành Bát nhã Ba-la-mật?

Nếu nói chẳng có người hành Bát nhã Ba-la-mật thì vì sao nói Bồ tát do hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông dùng huệ nhãn có thấy pháp nào quyết định hành Bát nhã Ba-la-mật chăng.

Vì ngài Tu Bồ Đề đã vào được 3 giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác", nên biết rõ thật tướng pháp, biết rõ hết thảy pháp đều là bất khả đắc, huống nữa là có pháp để tác chứng, và có người tác chứng. Nghĩ như vậy, nên ngài bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, và cũng chẳng thấy có người hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Ông có thấy chỗ hành xứ của Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy.

Vì sao? Vì vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì hết thảy quán hạnh đều diệt khiến chẳng thấy có một định pháp nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật cả. Bởi vậy nên chẳng thể chỉ bày được.

Phật dạy: Nếu dùng huệ nhãn mà chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật, thì pháp ấy là có hay là chẳng có?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng có vậy.

Vì sao? Vì Phật đã dạy huệ nhãn là thật trí huệ, còn nhục nhãn và thiên nhãn đều là hư dối, mà ngài Tu Bồ Đề dùng huệ nhãn chẳng thấy có định pháp nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, nên ngài đáp: "Chẳng có vậy".

Phật lại hỏi: Nếu pháp ấy là không, là bất khả đắc, thì pháp ấy có sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng sanh vậy.

Vì sao? Vì ngài nghĩ rằng: "Từ vô thỉ đến nay, các pháp vẫn là không, là vô sở hữu. Dù nói các pháp là không, hay nói các pháp là có, thì cũng đều là hý luận cả. Lại nữa, pháp diệt rồi, thì làm sao có sanh lại được nữa?".

Phật dạy: Nếu ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát đều thông đạt như vậy, mà chẳng nghi, chẳng sợ, thì Bồ tát sẽ đủ trí lực và huệ lực, để vẫn an trú trong pháp ấy, mà vào được vô sanh pháp nhẫn.

Tuy ở nơi 5 ấm giả danh, mà Bồ tát vẫn an trú nơi pháp ấy để hành Bát nhã Ba-la-mật.

Tuy rằng pháp thế gian chẳng có nói đến đệ nhất nghĩa đế, chẳng có nói đến vô sanh pháp, nhưng vì đệ nhất nghĩa đế dung nhiếp hết thảy pháp, nên Bồ tát thường an trú nơi đệ nhất nghĩa đế, thường an trú nơi vô sanh pháp, mà vào được vô sanh pháp nhẫn... dẫn đến được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phật lại dạy: Nếu Bồ tát nhất tâm, tinh tấn thành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng sợ, chẳng nghi, chẳng hề hối chuyển, lại tùy vô sanh pháp mà hành trì, thì sẽ được đại trí huệ.

Vì sao? Vì trong kinh nói: "Nếu chẳng có nhân, chẳng có duyên, thì chẳng có quả báo". Nếu nhân duyên chưa đầy đủ, thì quả báo chưa có thể thành tựu được. Nay Bồ tát đã được vô sanh pháp nhẫn là đã hội đủ các nhân duyên để được quả báo "Bồ tát vị" vậy. Bồ tát gieo nhân "xả thân sanh tử", và được quả là "pháp tánh nhân".

Bồ tát đầy đủ các nhân duyên Phật pháp như vậy, thì ở nơi thân rốt sau sẽ tọa đạo tràng... dẫn đến được đầy đủ quả Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì chỉ nhất tâm thẳng tiến, chẳng bao giờ thối chuyển. Trái lại, người chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, thì còn ái chấp các pháp thế gian, nên còn bị các phiền não ngăn che tâm trí. Người chưa được vô sanh pháp nhẫn, thì dụng lực rất gian nan; còn Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, nên dụng lực rất tự tại.

Bởi vậy nên Bồ tát rất quý vô sanh pháp nhẫn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Được vô sanh pháp nhẫn là được thọ ký chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì vô sanh pháp nhẫn là bất sanh, bất diệt, là bất khả đắc. Tướng của vô sanh pháp nhẫn đã là bất khả đắc, thì làm sao có tướng thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp chẳng sanh, thì có được thọ ký chăng?

Phật dạy: Chẳng được như vậy.

Vì sao? Vì pháp chẳng sanh cũng là hư vọng, nên chẳng thể được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp chẳng sanh cũng chẳng phải chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì cả hai bên đều là lầm lỗi cả.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu như vậy, thì ai được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông dùng huệ nhãn có thấy pháp thọ ký, và người được thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Con chẳng thấy vậy.

Vì sao? Vì pháp, từ vô thỉ đến nay, vẫn là tịch diệt. Ở nơi tịch diệt, thì chẳng thể nói là thấy hay chẳng thấy, được thọ ký hay chẳng được thọ ký vậy. Bởi vậy nên nói chẳng thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy có người đắc Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây, Phật muốn phá trừ mọi ức tưởng phân biệt.

Bởi vậy nên khi ngài Tu Bồ Đề hỏi: "Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn rồi, có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?". Phật đã đáp lại rằng: "Chẳng được vậy".

Vì sao? Vì khi Bồ tát đã hiểu được lý vô sanh rồi, thì hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn khởi ức tưởng phân biệt nữa.

Đây là Phật mật ý nói: "Bồ tát phải được vô sanh pháp nhẫn rồi, thì mới được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề".

Vì trong chúng hội nhiều người chưa rõ lý vô sanh, còn thấy có chỗ đắc "vô sanh pháp nhẫn", nên Phật đã đáp như trên.

Trường hợp này cũng giống như trường hợp ông Phạm Chí Bà Sa hỏi Phật về ngã và vô ngã.

Ông Phạm Chí hỏi Phật: "Có ngã chăng?". Phật giữ im lặng. Ông Phạm Chí lại hỏi Phật: "Có vô ngã chăng?". Phật

cũng vẫn giữ im lặng. Sở dĩ Phật giữ im lặng, chẳng đáp lời ông Phạm Chí, vì Phật biết ông Phạm Chí đã dụng tâm chấp ngã khi nêu lên hai câu hỏi này, và muốn hý luận về 'ngã và vô ngã'. Phật giữ im lặng để ông Phạm Chí biết rằng: "Ngã và vô ngã đều chẳng nên chấp".

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề biết có việc thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nhưng còn nghi chưa rõ là "Có định pháp Vô Thượng Bồ Đề chăng?". Do vậy mà ngài mới hỏi Phật: Làm sao Bồ tát biết có pháp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề, trú trong 3 giải pháp môn, dùng huệ nhãn quán thấy các pháp đều là không, là vô tướng, là pháp như, là pháp tánh... nên chẳng có định pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký, chẳng có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến chẳng có người được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Tự niệm như vậy, tâm ngài liền tự giải, chẳng còn nghi nữa, nên ngài bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có người được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật ấn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Như chỗ ông nói ra: "Chẳng có pháp để đắc, chẳng có người đắc pháp" mới là thật pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ ức tưởng phân biệt vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Sáu Mươi Hai

Đồng Học

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, chẳng có thể ức tưởng, phân biệt, vì là rốt ráo không vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng xen các tạp tâm và tạp tâm sở, thì phải biết vị ấy chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà đến vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Người nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng để xem tạp tâm và tạp tâm sở, thì phải biết người ấy chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà đến được.

Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao! Nếu trong cõi Diêm Phù Đề có chúng sanh thành tựu 10 thiện đạo, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, lại có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết công đức của thiện nam, thiện nữ này so với công đức của người trước bằng trăm, ngàn, muôn, ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

Lúc bấy giờ, có một vị Tỷ-kheo nói với vị Đế Thích

rằng: Công đức của thiện nam, thiện nữ ấy còn thù thắng hơn công đức của ngài rất nhiều.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nói: Bạch Đại đức! Ngay từ khi Vô Thượng Bồ Đề tâm thì thiện nam, thiện nữ ấy cũng đã có công đức thù thắng hơn tôi rất nhiều, huống nữa là đã nghe Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Thiện nam, thiện nữ ấy chẳng phải chỉ hơn tôi, mà còn hơn tất cả các hàng trời, người, A-tu-la, hơn cả các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, hơn cả các Bồ tát hành 5 Ba-la-mật kia nhưng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, hơn cả các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật nhưng chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ ấy theo đúng như thuyết mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng đoạn giống Phật, thường thấy chư Phật, thường tọa đạo tràng, gần đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Thưa đại đức! Bồ tát ấy học Bát nhã Ba-la-mật, nhằm cứu độ hết thảy chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử. Bồ tát ấy học Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chẳng học Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Bồ tát ấy học như vậy, nên 4 vị thiên vương đều đến chỗ Bồ tát, và thưa rằng: "Ngài nên tinh tấn tọa đạo tràng, tinh tấn tu hành sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề. Chúng tôi sẽ dâng bát cúng dường ngài, như chúng tôi đã dâng bát cúng dường chư Phật trong quá khứ. Chư vị thiên tử khác... dẫn đến Đại Tự Tại Thiên cũng sẽ đến cúng dường, và hộ niệm ngài. Ngài sẽ chẳng còn bị 404 thứ bệnh do các loại trùng gây ra nơi thân thể". Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà Bồ tát ấy, ở hiện đời, được công đức như vậy.

Ngài A Nan tự niệm: Vị Đế Thích đã tự mình nói ra như vậy, hay là phải nhờ Phật lực mới nói được như vậy?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ tâm niệm của ngài A Nan, nên nói: Thưa đại đức A Nan! Những lời tôi vừa nói đều nhờ oai thần của Phật.

Phật bảo ngài A Nan: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan! Các lời mà vị Đế Thích vừa nói ra đó đều do nơi thần lực của Phật.

Này A Nan! Khi biết có vị Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì trong khắp cõi đại thiên thế giới, các ác ma đều sanh lòng nghi rằng: "Bồ tát sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay giữa đường sẽ tác chứng quả Thanh Văn hay quả Bích Chi Phật đây!".

Này A Nan! Nếu biết Bồ tát ấy chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma sẽ rất sầu khổ, đau nhói như bị tên bắn thủng tim. Thế rồi, ác ma sẽ khiến gió, lửa nổi lên ở khắp cả 4 phương, nhằm làm cho Bồ tát ấy phải khiếp sợ, mà giải đãi việc tu tập, xa rời Tát Bà Nhã tâm... dẫn đến khởi các niệm loạn động.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là Bồ tát bị ma nhiễu loạn?

Phật dạy: Này A Nan! Ở đời trước, có Bồ tát đã được nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng tín giải, nên nay bị ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát khi nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà khởi tâm nghi, chẳng rõ Bát nhã Ba-la-mật là thật pháp, hay chẳng phải là thật pháp.

Do khởi tâm nghi như vậy, nên bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát xa lìa thiện tri thức, gần gũi ác tri thức, nên chẳng nghe Bát nhã Ba-la-mật. Vì chẳng nghe Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng biết, chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng nói về Bát nhã Ba-la-mật. Vì chẳng hỏi, nên chẳng biết phải tu hành như thế nào. Do vậy mà bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, để thọ trì các pháp khác, nên bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma nghĩ rằng: "Bồ tát này là bè đảng của ta, làm cho ta mãn nguyện". Vì sao? Vì Bồ tát này tự mình lạc vào Nhị thừa địa, và cũng khiến người khác lạc về Nhị thừa địa, nên bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, rồi nói với người khác rằng: "Ta còn chẳng thấu hiểu được thâm pháp này; các ngươi học làm gì?". Do vậy mà bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát khinh khi các Bồ tát khác mà nói rằng "Ta hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp viễn ly, các ngươi chẳng có được công đức như ta". Do vậy mà bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma nghe Bồ tát nói như vậy rất vui mừng, hớn hở, vì biết rằng: "Bồ tát này ỷ danh tánh mình được nhiều người biết đến, nên khinh khi các Bồ tát khác. Bồ tát này thật chẳng có công đức của bậc bất thối chuyển. Do chẳng thật có công đức, nên dễ khởi sanh phiền não, chỉ chấp lấy hư danh, mà khinh khi các Bồ tát khác, cho là họ chẳng có chỗ chứng đắc như mình". Ác ma biết như vậy, nên liền nghĩ: "Cung điện của ta sẽ chẳng còn trống rỗng nữa; 3 đường ác rồi đây sẽ đông đúc thêm". Nghĩ như vậy, ác ma giúp thêm oai lực cho Bồ tát này, khiến số người do tin theo Bồ tát này mà bị lầm lạc càng lâu càng thêm đông đảo.

Có Bồ tát cùng những người hàng Thanh Văn đạo khởi cạnh tranh, nên bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma tự nghĩ rằng: "Như vậy là Bồ tát này đã xa lìa Tát Bà Nhã tâm".

Có Bồ tát cùng Bồ tát khởi cạnh tranh, mắng nhiếc lẫn nhau, sân hận nhau, nên bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma tự nghĩ rằng: "Cả hai Bồ tát này đều đã xa lìa Tát Bà Nhã tâm".

Này A Nan! Nếu có Bồ tát chưa được thọ ký mà khởi cạnh tranh, mắng nhiếc Bồ tát đã được thọ ký, thì tùy theo chỗ khởi niệm nhiều hay ít, mà sẽ trải qua số kiếp thọ lãnh tội báu lâu hay mau, mới được tiêu tội. Nếu chẳng xả tát bà nhã tâm thì đến kiếp Đại Trang Nghiêm mới được bổ xứ.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khởi ác tâm như vậy trải qua rất nhiều kiếp mới được tiêu tội. Như vậy ở chặng giữa có trường hợp nào tội được xuất trừ chăng?

Phật dạy: Này A Nan! Chẳng phải ta chỉ nói ngươi cầu Bồ tát đạo đấu tranh với người cầu Thanh Văn đạo là có tội, mà ta còn nói người cầu Bồ tát đạo đấu tranh với người cầu Bồ tát đạo cũng là có tội. Bồ tát cùng Bồ tát đấu tranh, sân hận, mắng nhiếc lẫn nhau, mà chẳng ăn năn, sám hối, thì phải trải qua nhiều số kiếp thọ tội mới được tiêu tội. Nếu Bồ tát này muốn ăn năn, sám hối, thì phải tự niệm rằng: "Tôi đã phạm tội rất lớn; tôi phải thành tâm sám hối với hết thảy chúng sanh, và phải tự nguyện từ nay cho đến mãi mãi về sau tôi giữ được hòa hợp với hết thảy chúng sanh; tôi sẽ nhận mọi sự dẫm đạp của tất cả chúng sanh, y như là họ giẫm đạp trên chiếc cầu bắc ngang qua sông; tôi sẽ xem mình như kẻ điếc, người câm. Vì trước đây tôi đã mắng nhiếc người tức là tôi đã phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, đã tự phá hoại tâm

cầu Vô Thượng Bồ Đề của tôi rồi vậy. Bởi vậy nên tôi phải nguyện khi được Vô Thượng Bồ Đề, thì tôi phải độ hết thảy chúng sanh ra khỏi các khổ não, chẳng bao giờ khởi sân nhuế, mắng nhiếc chúng sanh".

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát cùng sống chung với Bồ tát khác, phải xử sự như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát cùng sống chung với nhau phải xem nhau như là Phật. Vì sao? Vì Bồ tát phải tự niệm rằng, "Đây là pháp lữ của tôi, cùng nhau ngồi chung trên một chiếc thuyền, cùng nhau tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến sẽ cùng nhau đến Nhất thiết chủng trí. Nếu Bồ tát pháp lữ của tôi có tạp hạnh, ly Tát Bà Nhã tâm, thì tôi chẳng nên học theo như vậy. Nếu pháp lữ của tôi chẳng có tạp hạnh, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì tôi phải học theo như vậy.

Này A Nan! Bồ tát cùng học với nhau như vậy gọi là bạn đồng học.

LUẬN:

Vị đế thích nói rằng: Nếu thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng xen tạp tâm, thì sẽ được vô lượng công đức. Nếu trong khi hành Bát nhã Ba-la-mật mà có xen tạp tâm, thì chẳng có được công đức như vậy.

Có thuyết nói: Chẳng để xen tạp tâm là chẳng khởi tâm xan tham, sân hận.

Có thuyết nói: Chẳng để xem tạp tâm là chẳng để cho các ác tâm tăng trưởng. Khi mống khởi ác tâm, thì phải quyết dứt trừ ngay.

Có thuyết nói: Chẳng để xen tạp tâm là chẳng khởi tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật.

Có thuyết nói: Chẳng để xem tạp tâm là chẳng để tâm tán loạn hoặc vô ký. Tâm vô ký, dù chẳng khởi ác niệm, nhưng vẫn làm chướng ngại cho sự tu học Bát nhã Ba-la-mật.

Vị Đế Thích nói thêm rằng: Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng xen tạp tâm, thì phải biết vị Bồ tát ấy chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà đến.

Phật ấn chứng lời của vị Đế Thích, nhưng vì muốn phân biệt thế lực của các hạnh thanh tịnh, nên dạy rằng: Nếu hết thảy người trong cõi Diêm Phù Đề đều thành tựu 10 thiện đạo, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, thì công đức đó đem so sánh với công đức của người Thiện nam, thiện nữ thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì trong trăm, ngàn, muôn, ức phần chẳng sao bằng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để sánh kịp.

Vì sao? Vì những người trong cõi Diêm Phù Đề tuy thành tựu được nhiều công đức như vậy, nhưng vì xa lìa thật tướng pháp, nên các công đức kia cũng vẫn chỉ là công đức hữu vi, vẫn là hư vọng, chẳng kiên cố, vẫn chịu sự chi phối của luật vô thường. Ví như cỏ rác, tuy nhiều vô lượng, mà chẳng có giá trị bằng hạt kim cương nhỏ bé.

Hỏi: *Vì sao có Tỳ-kheo nói: "Công đức của thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn công đức của vị Đế Thích rất nhiều"?*

Đáp: Thiên Đế Thích là vị Thiên chủ có quả báo phước đức rất lớn, có uy đức thù thắng trong các hàng trời, người. Thế nhưng công đức của vị Thiên chủ đó cũng chỉ là hữu lậu, chẳng sao bằng được công đức của Bát nhã Ba-la-mật.

Vị Tỷ-kheo đã biết rõ công đức tối diệu của Bát nhã Ba-la-mật, lại vì đã có nghe nói vị Thiên chủ này chỉ mới được đạo Thanh Văn, nên mới nói như vậy.

Thiên Đế Thích, do đã được đạo, đã thâm nhập vào Phật pháp, nên khi nghe vị Tỷ-kheo nói: "Phước đức của các vị Đế Thích chẳng bằng được phước đức của người thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật", ngài đã chẳng sanh tâm đố kỵ, mà còn tán thán rằng: "Bồ tát chỉ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề đã có công đức thù thắng hơn tôi rất nhiều, huống nữa là thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và đúng như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật".

Vì sao? Vì Thiên Đế Thích tự biết phước báo của mình còn cạn mỏng, còn hữu lậu, là vô thường; lại biết rõ phước đức của vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy rất là thâm hậu.

Nên biết rằng, vị Thiên Đế thích hưởng phước đức trong cảnh lạc thú cõi trời, nên chỉ là phước đức hữu lậu, vô thường; Bồ tát, vì hết thảy chúng sanh, đem công đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nên phước đức của Bồ tát là vô lậu, thậm thâm.

-o0o-

Trong chúng hội có rất nhiều người nghe vị Tỷ-kheo nói về Thiên Đế Thích như vậy, mà ngài vẫn hoan hỷ nhẫn thọ, nên khởi tâm nghi.

Bởi vậy nên Thiên Đế Thích lại nói thêm rằng: "Chẳng những thù thắng hơn tôi, mà còn thù thắng hơn các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chưa có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật; miệng nói mình đúng như pháp tu hành, mà tâm vẫn chẳng ly các tâm và tâm sở pháp".

Trên đây, vị Đế Thích nêu lên các nhân duyên Bồ tát đúng như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng đoạn dứt giống Phật; do vậy mà thành tựu được công đức ngay ở hiện đời.

Hỏi: *Vì sao ngài A Nan lại nghĩ rằng: "Chẳng biết lời của vị Đế Thích nói ra là do tự lực, hay là phải nương theo Phật lực?".*

Đáp: Thiên Đế Thích chỉ chứng quả Thanh Văn, mà chỗ nói ra lại quá thâm sâu, vượt quá trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bởi vậy nên ngài A Nan sanh nghi mà hỏi như vậy.

Hỏi: *Thiên Đế Thích có thể tự dùng trí để đáp được; sao lại phải nhờ đến Phật lực?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vô lượng, vô biên, rất khó nói ra. Ở nơi khác mà diễn nói còn khó thay, huống nữa là tại giữa chúng hội, và trước đức Thế Tôn. Bởi vậy nên Thiên Đế Thích mới nói là "nhờ Phật lực gia trì".

Có thuyết nói: "Do Phật dùng quang minh vi diệu gia bị cho vị Đế Thích, nên ngài mới nói được như vậy".

Phật dạy: Này A Nan! Vị Đế Thích nói ra được như vậy là nhờ ông ấy đã hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Khi thấy có Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma thường khởi tâm nghi: "Chẳng biết Bồ tát này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay sẽ tác chứng thật tế, khiến sẽ bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa".

Vì sao? Vì ác ma là oán tặc của Bồ tát, chờ có dịp thuận tiện để nhiễu loạn Bồ tát.

Khi thấy có Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma sầu khổ, sợ hãi. Bởi vậy, nên ác ma liền hóa hiện ra gió

mạnh, lửa lớn, để làm nao núng tâm Bồ tát, khiến Bồ tát khiếp sợ... dẫn đến thối tâm, giải đãi.

Trái lại, nếu thấy Bồ tát giải đãi, thì ác ma vô cùng hoan hỷ, vì biết rằng Bồ tát ấy rồi đây sẽ bị đọa lạc.

-o0o-

Có thuyết nói: "Tất cả các Bồ tát theo đúng như pháp tu hành đều bị ác ma nhiễu loạn". Cũng vì lý do đó mà ngài A Nan hỏi Phật: Bồ tát phải làm như thế nào để khỏi bị ác ma nhiễu loạn?

Phật dạy: Nếu Bồ tát thâm tâm thanh tịnh hành Bồ tát đạo, thì chẳng bị ác ma nhiễu loạn. Nếu trái lại, thì sẽ bị ác ma nhiễu loạn.

Hỏi: *Phật thường dạy: "Hết thảy các pháp hữu vi đều có thể chuyển, có thể xả. Vì sao ngài A Nan còn khởi tâm nghi, mà hỏi Phật rằng, "Bồ tát khởi ác tâm mắng nhiếc, khinh khi Bồ tát khác phải trải qua nhiều kiếp mới được tiêu tội. Như vậy, ở chặng giữa có trường hợp nào tội được xuất trừ chăng?".*

Đáp: Ngài A Nan biết rõ công đức của Bát nhã Ba-la-mật vô lượng, vô biên. Bồ tát nào tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật đúng như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật sẽ được vô lượng công đức. Công đức cứ như vậy tăng trưởng mãi cho đến khi Vô Thượng Bồ Đề, nên tội sân hận, mắng nhiếc để hành Bồ tát đạo cũng vô lượng, vô biên. Đây là lý do vì sao ngài A Nan nêu lên câu hỏi này.

Phật dạy: Trong pháp của ta có nói đến nhiều trường hợp xuất tội. Thế nhưng, nếu Bồ tát cùng nhau khởi sân hận, đấu tranh, mà chẳng liền xả ác tâm đó, thì chẳng thể xuất tội

được. Vì sao? Vì như vậy là trong thâm tâm vẫn còn si mạn. Do vậy nên dù có tạo tác rất nhiều công đức, mà tâm vẫn chẳng được thanh tịnh. Vì chẳng thanh tịnh, nên chẳng có được các công đức lực. Vì chẳng có các công đức lực, nên chẳng sao tiêu tội được. Nếu Bồ tát đã phạm tội, mà nay muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì cũng phải thành tâm sám hối trải qua nhiều số kiếp, mãi cho đến kiếp Đại Trang Nghiêm mới được bổ xứ.

Hỏi: *Nếu trong thâm tâm còn sân hận, thì phải làm sao để diệt được?*

Đáp: Phải tu tập các nhân duyên phá sân hận, như trong kinh đã dạy.

Ngài A Nan biết rõ chúng sanh bị nghiệp duyên trói buộc, chẳng có được tự tại, nên thường ôm ấp trong tâm niềm lo âu, sợ hãi, khó có thể thoát ly ra khỏi các khổ được. Do vậy mà ngài hỏi Phật: Bồ tát cùng chung sống với nhau phải xử sự với nhau như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát phải xem nhau như Phật; phải cung kính, cúng dường nhau như cung kính, cúng dường Phật. Bồ tát phải xem Bồ tát cùng sống chung với mình như là pháp lữ của mình, cùng nhau đi trên thuyền Bát Nhã, nương theo dòng nước vô lậu, để đến bờ giải thoát.

Bồ tát phải xem người hành Bát nhã Ba-la-mật như pháp lữ của mình, như anh em ruột thịt của mình, chẳng nên cùng nhau khởi đấu tranh. Nếu Bồ tát pháp lữ chẳng có tạp hạnh, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì phải học theo họ; trái lại, nếu Bồ tát lữ có tạp hạnh, thường ly Tát Bà Nhã tâm, thì chẳng nên học theo họ.

Nếu Bồ tát học được như vậy, thì tâm khinh mạn, tâm sân hận liền tự diệt. Như vậy gọi là đồng học.

Phẩm Thứ Sáu Mươi Ba

Đẳng Học

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là đẳng pháp mà Bồ tát phải học?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là đẳng pháp của Bồ tát. Sắc và sắc tướng không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Vô Thượng Bồ Đề tướng không là đẳng pháp của Bồ tát.

Bồ tát học các pháp bình đẳng mà đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát vì sắc tận, sắc ly, sắc diệt, sắc bất sanh nên học. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Bồ tát vì 4 niệm xứ tận, 4 niệm xứ ly, 4 niệm xứ diệt, 4 niệm xứ bất sanh... dẫn đến vì 18 bất cộng pháp tận, 18 bất cộng pháp ly, 18 bất cộng pháp diệt, 18 bất cộng pháp bất sanh nên học. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp là tận, là ly, là diệt, là bất sanh nên Bồ tát học. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc như... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các pháp như là có tận, có diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học các pháp như ấy có phải là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Bồ tát học các pháp như ấy là học Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì học các pháp như, nên chẳng có tác chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn vậy. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học như vậy là học 6 pháp Ba-la-mật, học 4 xứ niệm... dẫn đến học 18 bất cộng pháp. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí. Học như vậy là học đến tận bờ mé của các môn học. Học như vậy thì ma cùng thiên ma chẳng phá hoại được. Học như vậy là thẳng đến Bất Thối Chuyển địa. Học như vậy là học đạo sở hành của chư Phật. Học như vậy là học đại từ bi, học thành tựu chúng sanh, học thanh tịnh Phật độ.

Này Tu Bồ Đề! Học như vậy là học 3 phen chuyển 12 hạnh pháp luân. Học như vậy là học độ chúng sanh. Học như vậy là chẳng đoạn dứt hạt giống Phật. Học như vậy là mở cửa Cam Lồ. Học như vậy là khai thị vô vi tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hạng người hạ liệt chẳng thể học như vậy được.

Người học như vậy là người muốn cứu vớt chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử.

Người học như vậy thì trọn chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; trọn chẳng sanh ở biên địa; trọn chẳng sanh vào nhà hạ tiện; trọn chẳng bị các tật bẩm sanh như đui, điếc, câm, ngọng, què, thọt..., mà được sanh với các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu; trọn chẳng bị cô độc, bần cùng.

Người học như vậy thì trọn chẳng sát sanh, chẳng có tà kiến, chẳng có tà mạng... dẫn đến chẳng gần người xấu ác, chẳng gần người phá giới.

Người học như vậy là có đầy đủ các lực phương tiện, nên chẳng sanh lên cõi trời Trường Thọ thiên.

* Thế nào là có lực phương tiện?

Này Tu Bồ Đề! Như trước đây đã rộng giải: "Bồ tát do có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên tự tại nhập vào 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, mà chẳng tùy theo thiền vị dẫn sanh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, do học như vậy, mà ở nơi hết thảy pháp đều được thanh tịnh, như thanh tịnh tâm Thanh Văn, thanh tịnh tâm Bích Chi Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thảy pháp vốn đã thanh tịnh rồi. Như vậy vì sao còn nói ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát đều được thanh tịnh?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thảy pháp vốn thanh tịnh. Nếu Bồ tát, ở nơi hết thảy pháp, mà tâm được thông đạt, chẳng vướng mắc, chẳng mê muội, thì vào được Bát nhã Ba-la-mật. Phàm phu chẳng có biết, chẳng có thấy hết thảy các pháp đều thanh tịnh như vậy, nên Bồ tát này vì họ mà tu Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tu Bát nhã Ba-la-mật, tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học như vậy, nên được 10 trí lực, 4 vô sở úy, 4 ngại trí. Bồ tát học như vậy, nên biết rõ tâm hết thảy chúng sanh, nhằm dẫn dắt học vào Phật đạo.

Ví như ở trong quả đất có rất ít khu vực có vàng, có bạc, có các châu báu khác. Cũng như vậy, trong chúng

sanh chỉ có số ít người học được Bát nhã Ba-la-mật, còn phần đông lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Ví như trong loài người chỉ có số ít tạo duyên nghiệp Chuyển Luân Thánh Vương, còn số người tạo duyên nghiệp Tiểu Vương thì lại nhiều hơn. Cũng như vậy, chỉ có số ít người hành Bát nhã Ba-la-mật, cầu Nhất thiết chủng trí, còn phần đông chỉ muốn hành đạo Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Trong hàng Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề, thì cũng rất ít Bồ tát theo đúng như pháp mà tu hành. Trong khi đó, thì có rất nhiều Bồ tát lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa; có rất nhiều Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có lực phương tiện, nên rất ít Bồ tát trú được nơi Bất Thối Chuyển địa.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên này, nên Bồ tát muốn trú Bất Thối Chuyển địa thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Khi học Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng nên khởi niệm tham lam, sân hận, giải đãi, tán loạn, phá giới; chẳng nên sanh tâm thủ chấp 5 tướng, thủ chấp 4 niệm xứ... dẫn đến thủ chấp Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì hành Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có pháp khả đắc.

Vì chẳng có pháp khả đắc, nên ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát chẳng sanh tâm chấp thủ tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy là tổng nhiếp hết thảy các pháp Ba-la-mật, khiến hết thảy các pháp Ba-la-mật đều được tăng trưởng. Vì sao? Vì hết thảy các pháp Ba-la-mật đều tùy thuộc Bát nhã Ba-la-mật; vì Bát nhã Ba-la-mật thâu nhiếp hết thảy các pháp Ba-la-mật khác vào bên trong.

Ví như "ngã kiến" thâu nhiếp hết thảy 62 tà kiến chấp. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật thâu nhiếp hết thảy các pháp Ba-la-mật.

Ví như khi người chết, thì mạng căn hoại diệt, cho nên các căn khác cũng tùy đó mà diệt theo. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì các pháp Ba-la-mật khác đều tùy tùng theo.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên muốn các Ba-la-mật khác được thành tựu rốt ráo, thì Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, sẽ vượt lên trên hết thảy chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Trong cõi đại thiên thế giới, chúng sanh có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề còn rất nhiều, huống nữa là trong cõi đại thiên thế giới.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu hết thảy chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới đều được thân người, và đều được Vô Thượng Bồ Đề; lại có vị Bồ tát suốt đời cúng dường "tứ sự" cho từng ấy vị Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức của vị Bồ tát ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba-la-mật, chánh ức niệm và đúng như thuyết tu hành.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật có thế lực làm cho Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, Bồ tát muốn vượt lên hết thảy chúng sanh, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật; muốn cứu độ chúng sanh, muốn làm chỗ quy y cho chúng sanh, muốn làm con đường cứu cánh cho chúng sanh, muốn làm đôi mắt sáng cho những chúng sanh mù, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ tát muốn được hết thảy công đức như Phật, muốn làm Phật, muốn được tự tại du hý, muốn có tiếng nói uy hùng như sư tử rống, muốn đánh trống pháp, muốn thổi loa pháp, muốn tọa đạo tràng thuyết pháp, muốn đoạn nghi cho hết thảy chúng sanh, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có công đức lành nào mà chẳng thành tựu được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy cũng thành tựu được công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy được hết thảy công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhưng chẳng an trú trong đó, mà chỉ dùng trí quán, rồi liền nhập thẳng vào Bồ tát vị.

Bồ tát học như vậy là gần được Nhất thiết chủng trí, mau được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát học như vậy là làm phước điền cho hết thảy thế gian, Trời, người và a-tu-la. Bồ tát học như vậy là vượt lên trên hết thảy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, gần được Nhất thiết chủng trí. Bồ tát học như vậy là chẳng xả, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nào học và hành thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất

thối chuyển, gần được Nhất thiết chủng trí; là bậc Bồ tát đã xa rời Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát khởi niệm rằng: "Đây là Bát nhã Ba-la-mật; do hành Bát nhã Ba-la-mật này mà sẽ được Nhất thiết chủng trí", thì phải biết đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát khởi niệm nghĩ rằng: "Đây là Bát nhã Ba-la-mật, đây là người hành Bát nhã Ba-la-mật, đây là pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, đây là người hành Bát nhã Ba-la-mật gần được Vô Thượng Bồ Đề", thì phải biết đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát tự niệm rằng: "Chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có người hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có người hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề", thì phải biết đó mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là pháp như, pháp tánh, thật tế, đều là thường trú. Bồ tát hành như vậy mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật về sự tác nghiệp của những người cầu Phật đạo đấu tranh lẫn nhau. Ngài đã được Phật dạy rằng: "Nếu đã đồng học với nhau, thì phải giữ tâm thanh tịnh, hòa hợp với nhau, chẳng khởi đấu tranh với nhau, khinh khi lẫn nhau".

Nay ngài hỏi Phật về chỗ Bồ tát dụng tâm bình đẳng học các pháp; tức là hỏi về thâm nghĩa của chỗ Bồ tát sở hành.

Phật dạy: Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là đẳng pháp của Bồ tát. Sắc và sắc tướng không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Vô Thượng Bồ Đề tướng không là đẳng pháp của Bồ tát. Bồ tát học các pháp bình đẳng, mà đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

"Đẳng nhẫn" ở đây có hai nghĩa. Đó là:

- Thượng phẩm đẳng pháp nhẫn.

- Chúng sanh đẳng pháp nhẫn.

Ở phẩm này rộng nói về "đẳng pháp nhẫn".

Ví như hai đầu cân phải bằng nhau. Cũng như vậy. Bồ tát phải dụng tâm bình đẳng mà học các pháp.

Vì nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, cùng hết thảy các pháp đều là không, nên Bồ tát phải dụng tâm bình đẳng để học các pháp vậy.

Phàm phu thấy các pháp, mỗi mỗi đều sai khác, còn người tu khi đã vào được pháp không, thì sẽ thấy hết thảy các pháp đều bình đẳng, chẳng có gì sai khác, biết rõ hết thảy các pháp đều là tự tướng không.

Bồ tát dụng tâm bình đẳng, trú trong bình đẳng pháp như vậy, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bồ tát vì sắc tận, vì sắc ly, vì sắc diệt, vì sắc bất sanh, nên học. Học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Vì sắc là vô thường, vì niệm sanh diệt, chẳng trú, nên khi đã quán tâm bình đẳng, thì ly được sắc; khi đã ly được sắc rồi, thì các phiền não liền diệt, khi tận diệt các phiền não rồi, thì được vô sanh pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Sắc như ...dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các pháp như đó có tận, có diệt, có đoạn chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì các pháp đều là tánh như. Pháp như, từ vô thỉ đến nay, chẳng có tập tán, nên là chẳng tận; vốn là chẳng sanh (vô sanh), nên là chẳng diệt (vô diệt); vốn chẳng có định tướng, nên là chẳng đoạn.

Phật dạy: Bồ tát học các pháp như đó là học Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì như là chân thường, là chẳng thể chứng, chẳng thể diệt, chẳng thể đoạn. Nói tận, nói ly, nói đoạn v.v... là chỉ nhằm tận trừ các phiền não, chẳng phải là rốt ráo. Nay nói về nghĩa rốt ráo, chẳng hư vọng, chẳng điên đảo, nên nói chẳng chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn.

-o0o-

Lúc bấy giờ, Phật tán thán: Bồ tát học như vậy là học 6 pháp Ba-la-mật, học 4 niệm xứ... dẫn đến học 18 bất cộng

pháp. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí, học đến chỗ bờ mé của sự học.

Người học được như vậy được vô lượng công đức được đầy đủ huệ trí, nên ma vương, ma dân chẳng có thể phá hoại được.

Học như vậy là chánh học, nên người học như vậy thẳng tiến vào Bất Thối Chuyển địa, mau thành Phật đạo.

Người học như vậy được chư Phật và chư Đại Bồ tát trong khắp 10 thường hộ niệm.

Người học như vậy là người chẳng có tà kiến, chẳng có tà mạng. Là người thường khởi đại bi niệm đối với hết thảy chúng sanh, thường giáo hóa chúng sanh, nhằm dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Người học như vậy được tâm thanh tịnh, nên được Phật giới thanh tịnh. Được Phật giới thanh tịnh là thành tựu được 3 phen chuyển 12 hạnh pháp luân; dùng 3 thừa pháp để giáo hóa vô lượng chúng sanh; dùng Đại thừa Pháp giáo hóa hàng Bồ tát, khiến giống Phật chẳng đứt đoạn. Vì chẳng đoạn giống Phật, nên ở nơi hết thảy chúng sanh thường khai thị pháp Cam Lồ, chỉ cho chúng sanh thấy được tự tánh vô vi của các pháp. Đó là pháp như, pháp tánh, thật tế, là Niết bàn tịch tịnh vậy.

-o0o-

Vào được trong "vô vi tánh" rồi là vào được 3 giải thoát môn. Người căn tánh hạ liệt, giải đãi, phóng dật, chẳng ưa nghe Phật pháp, chẳng nhất tâm cầu Phật đạo. Hạng người này chẳng có thể học được pháp môn này, vì họ nghĩ rằng: "Ta lo cho thân ta, lo giúp đỡ cho các thân bằng quyết thuộc của ta là đủ rồi. Bao nhiêu chúng sanh khác chẳng có liên

hệ gì với ta đâu, mà ta phải xả thân bố thí để cho họ được an vui? Hết thảy người ở trên thế gian này đều tìm đủ mọi phương tiện để cầu vui; vì sao ta lại phải bỏ vui, mà cầu khổ?". Hoặc họ sanh tà kiến mà nghĩ rằng: "Chúng sanh vô lượng, vô biên, thì làm sao có thể độ hết được?".

Hoặc họ sanh tà kiến mà nghĩ rằng: "Phật thuyết hết thảy pháp đều là không, là chẳng sanh, chẳng diệt, thì ta còn cầu Phật đạo để làm gì nữa? Phật đạo là như mộng, như huyễn, thì cầu Phật đạo cũng chẳng có lợi ích gì".

Người căn tánh hạ liệt dùng các tà kiến như vậy, để tự biện minh cho sự si mê, nhiễm chấp của mình. Hạng người như vậy chẳng có thể học được đại pháp.

Trái lại, các bậc đại trí, do vào được nơi thật tướng pháp, nên biết rõ các pháp đều chẳng phải thường, chẳng phải vô thường,chẳng phải có biên (phi hữu biên), chẳng phải chẳng có biên (phi vô biên), chẳng phải có (phi hữu), chẳng phải không (phi vô). Do tư duy như vậy, nên phá được các tướng điên đảo, thẳng vào pháp tánh thường trú, được tâm thường thanh tịnh.

Vì chúng sanh chẳng biết rõ như vậy, nên Bồ tát khởi đại bi tâm, thương xót chúng sanh, mà tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu các lực công đức Ba-la-mật mãi cho đến khi được thần thông tự tại, được trí huệ vô ngại giải thoát, … dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát phương tiện dùng mọi pháp môn để rộng độ chúng sanh. Hạng người như vậy, ở thế gian này, rất ít có vậy.

Hỏi: *Trước đây đã nói chúng sanh vô lượng, vô biên; nay lại nói chúng sanh là không. Như vậy thì còn có chúng sanh đâu để mà độ nữa?*

Đáp: Hạng người căn trí hạ liệt mới nói như vậy.

Hạng người căn trí hạ liệt, là hạng người nhiều tà kiến, hoặc chấp các pháp là thường, là thật có, hoặc chấp các pháp có biên bờ hay chẳng có biên bờ, hoặc chấp các pháp là không, là vô sở hữu v.v... Tất cả các tà kiến chấp đó đều ở trong 62 tà kiến chấp, nhằm bênh vực cho tâm tham dục cá nhân.

Hạng người tham dục lúc nào cũng mong cầu lợi lạc riêng cho mình. Còn bậc đại nhân chẳng có các tà kiến điên đảo, nên thường an trú trong pháp tánh thật tế, khởi tâm đại bi, thường làm các việc lợi ích cho chúng sanh. Ví như thường hành tài thí và pháp thí.

Người hành Bồ tát đạo, khi hành bố thí, chẳng trú tâm chấp, nên được đại công đức. Vậy nên, muốn cứu độ chúng sanh ra khỏi vũng lầy sanh tử, Bồ tát phải học như vậy.

-o0o-

Bồ tát học như vậy, nên thường thương xót chúng sanh, thường quán thật tướng pháp, chẳng sanh sân tham, sân hận, nên chẳng bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Bồ tát học như vậy, nên khi nghe Phật thuyết 12 bộ kinh, 8 vạn 4 ngàn pháp môn, thường hiểu rõ chẳng có lầm lẫn.

Bồ tát học như vậy, nên chẳng sanh vào nơi biên địa. Lại nữa, vì thường cúng dường, tôn trọng các bậc thiện nhân, nên phá được tâm kiêu mạn; do vậy mà chẳng sanh vào nhà bần cùng, hạ tiện.

Bồ tát học như vậy, nên thâm tâm thường thương xót chúng sanh, nhớ nghĩ đến chúng sanh, làm đầy đủ các hạnh lợi tha; do vậy mà được thân đầy đủ, chẳng có tật nguyền.

Bồ tát học như vậy, thường được thật pháp giáo hóa chúng sanh, nên được quyến thuộc thành tựu; thường thâm ái giới pháp, nên chẳng tác thành ác đạo; chẳng riêng tự lợi, chẳng gần người xấu ác, chẳng gần người phá giới, thường giữ giới, thường giữ thân, khẩu, ý thuần thiện.

Hỏi: *Ví như thuốc hay được dùng để trị các bệnh nan y, khó chữa; Bồ tát ra đời để cứu độ chúng sanh. Như vậy, vì sao nói Bồ tát chẳng nhiếp độ kẻ xấu ác, kẻ phá giới?*

Đáp: Có kẻ xấu ác, phá giới chẳng thể độ được. Nếu nhiếp thủ họ, cùng ở chung với họ, là tự hoại mình và hoại đạo pháp. Đối với hạng người đó, thì muốn nhiếp độ họ cũng chẳng có ích gì.

Ví như đang ở ngoài biển khơi chẳng may thuyền gặp nạn, nếu người chỉ biết bơi chút ít mà ra sức cứu người khác, thì cả hai đều bị chết chìm cả. Cũng như vậy, người mới tu hành, chưa có đầy đủ lực công đức, mà thường gần gũi hạng người xấu ác, thì rất dễ bị lôi cuốn theo. Bởi vậy nên Phật dạy các Bồ tát sơ phát tâm: "Phải xa lìa kẻ xấu ác mới tu hành được".

-o0o-

Người hành thiền định, khi đã được tâm nhu nhuyến rồi, thì mới chẳng còn đắm chấp thiền vị, dẫn đến khi mạng chung cũng chẳng tùy theo thiền cảnh dẫn sanh.

Phật dạy ngài Tu Bồ Đề: Bồ tát học như vậy thì ở nơi hết thảy các pháp vẫn giữ được tâm thanh tịnh, nhiếp phục được tâm Nhị thừa, nên chẳng bị lạc về Nhị thừa địa. Vì sao? Vì Nhị thừa chưa được rốt ráo thanh tịnh, xa rời rốt ráo không, xa rời vô sở hữu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu nói các pháp, từ vô thỉ đến nay, vốn thanh tịnh, vốn rốt ráo không, thì vì sao còn nói ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát đều được thanh tịnh?

Phật dạy: Đúng như vậy! Các pháp, từ xưa đến nay, vốn là rốt ráo không, là rốt ráo thanh tịnh. Nếu Bồ tát ở nơi hết thảy các pháp mà tâm được thông đạt, chẳng vướng mắc, chẳng nghi, chẳng sanh tà kiến, thì mới vào được Bát nhã Ba-la-mật. Phàm phu do chẳng biết, chẳng thấy các pháp bản lai thanh tịnh, nên mới phải chìm đắm trong khổ đau. Bồ tát biết rõ như vậy, nên mới vì chúng sanh hành 6 pháp Ba-la-mật, hành các trợ đạo pháp, để phương tiện giáo hóa chúng sanh.

Bồ tát phải được thanh tịnh ở nơi hết thảy pháp, thì mới xa lìa được 3 cõi hư vọng, mới vượt lên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật được. Do được thanh tịnh ở nơi hết thảy các pháp, nên Bồ tát được vô lượng các lực công đức, thấu rõ tâm nguyện của chúng sanh ở khắp 10 phương, để tùy thuận theo căn trí của từng đối tượng, mà thuyết pháp, nhằm khai hóa họ, dẫn dắt họ vào Phật đạo, khiến họ được nhiều lợi ích".

Bồ tát được các công đức như vậy là nhờ học Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là chỗ tận cùng của sự tu học.

Vì có rất ít người học được như vậy, nên Phật nêu các thí dụ để chúng hội hiểu rõ nghĩa: Ví dụ trong quả đất ít chỗ có vàng, có bạc, có các châu báu khác; ví như trong loài người có rất người gieo nghiệp duyên Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng như vậy trong số các người tu hành, chỉ có số ít người học Bát nhã Ba-la-mật, cầu Nhất thiết chủng trí, còn phần đông chỉ muốn hành đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật vậy.

-o0o-

Khi học Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng khởi tâm xan tham, tật đố. Vì sao? Vì học Bát nhã Ba-la-mật là tiêu trừ được xan tham, tật đố, cùng các phiền não khác.

Dù phiền não chưa được tận đoạn, nhưng chẳng còn sanh khởi nữa. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, nên biết rõ các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng nên chấp. Bồ tát chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng chấp Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát chẳng trú chấp "có -không", mà theo "trung đạo" để tu tập Bồ tát hạnh.

Phật dạy: "Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy chẳng có pháp đắc, chẳng thấy có người đắc pháp. Vì dụng tâm vô sở đắc như vậy, nên Bồ tát tu tập hết thảy các pháp, mà chẳng chấp các pháp tướng, dù đó là thiện pháp".

Bồ tát học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật, là tổng nhiếp hết các Ba-la-mật khác, là ly hết thảy tà kiến.

Hỏi: *Ngã kiến và mạng căn có khác nhau chăng?*

Ngã kiến cũng như các tà kiến khác đều có tướng riêng khác. Vì sao nói: "Hết thảy các kiến chấp đều nhiếp ở trong ngã kiến cả?"

Đáp: Tuy rằng biệt tướng có sai khác, nhưng tất cả các kiến chấp đều y nơi ngã kiến làm gốc. Lại nữa, do vô minh duyên khởi mà có chấp ngã.

Bồ tát biết rõ ngã kiến cùng các kiến chấp khác đều là hư vọng, chẳng có thật. Phàm phu, do chấp 5 ấm thân, mà dẫn sanh ngã kiến; từ đó khởi sanh các chấp khác, như: Chấp thường, chấp đoạn, chấp 5 dục lạc thế gian, chấp chẳng có nhân quả v.v... Tất cả các chấp như vậy đều là điên đảo, là tội lỗi.

Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật, nên là thù thắng bậc nhất trong thế gian, vượt trên các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Bởi vậy nên dạy ngài Tu Bồ Đề rằng: Chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới nhiều vô lượng. Nếu hết thảy chúng sanh đều được thân người và đều được Vô Thượng Bồ Đề, và nếu có người suốt đời cúng dường "tứ sự" cho từng ấy đức Phật, thì phước đức của người ấy cũng chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật, chánh ức niệm và như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Do học như vậy nên Bồ tát ấy xa lìa tâm Nhị thừa, gần được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật lại dạy: Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn dấy niệm: "Ta có tu Bát nhã Ba-la-mật; do tu Bát nhã Ba-la-mật, mà ta sẽ được Nhất thiết chủng trí", thì như vậy là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ tát chẳng biết rõ do 5 ấm thân hòa hợp mà giả danh có ngã, có Bồ tát, lại trú chấp vào cái TA đó, thì như vậy cũng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì trú chấp vào pháp tu, vào quả tu chứng, vào người tu được chứng quả, là đã xa lìa Bát nhã Ba-la-mật rồi. Pháp Bát nhã Ba-la-mật là pháp vô đắc, vô trước, là đệ nhất nghĩa đế vậy.

Nếu Bồ tát tùy nơi pháp ấy mà sanh ngã tâm, muốn Bát nhã Ba-la-mật có sở tác tướng, chấp mình học Bát nhã Ba-la-mật sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết Bồ tát tác niệm như vậy là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, là chẳng phải hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng tác niệm như vậy, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Trước đây đã hai lần nói về "tác niệm và chẳng tác niệm" rồi. Sao nay còn nói thêm nữa?*

Đáp: Vấn đề này tuy được nói đến ba lần, nhưng mỗi lần đều có mục đích riêng khác.

Có thể nói là:

- Lần thứ nhất: Nói về tà hạnh tướng.

- Lần thứ hai: Nói về sự ngăn tà hạnh tướng, nhưng chưa nói về chánh hạnh tướng.

- Lần thứ ba: Nói về chánh hạnh tướng.

Cũng có thể nói là:

- Lần thứ nhất: Nói về chấp thủ tướng.

- Lần thứ hai: Nói về phá chấp tướng, nhưng chưa nói về thật tướng pháp.

- Lần thứ ba: Nói về phá tà chấp, và hiển bày thật tướng pháp.

Bồ tát phải biết rõ, ở nơi hết thảy Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có sở tác tướng.

Bồ tát cũng chẳng nên sanh tâm chấp ngã, chẳng nên tác niệm mình có hành Bát nhã Ba-la-mật, mình hành Bát nhã Ba-la-mật sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát phải biết rõ hết thảy pháp tướng đều là thường trú, là như pháp tánh thật tế, mà ở nơi đó thì chẳng có sự tương đãi.

Bởi nhân duyên này, nên phải nói thêm lần thứ ba.

(Hết quyển 77)

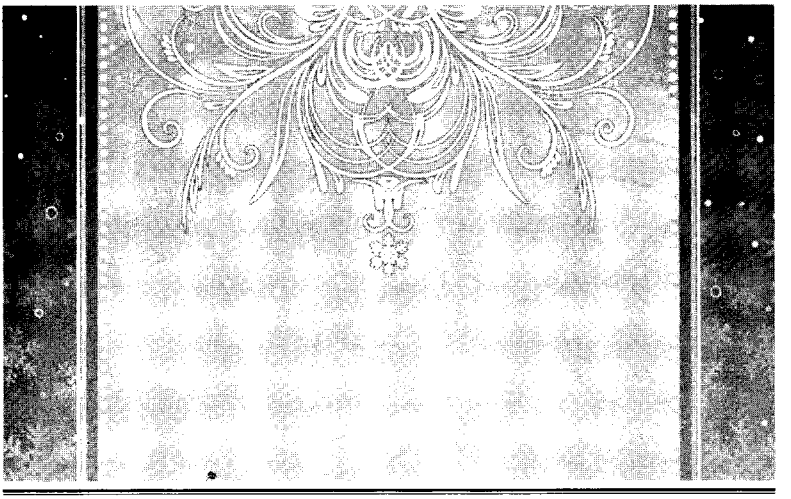

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Quyển 78

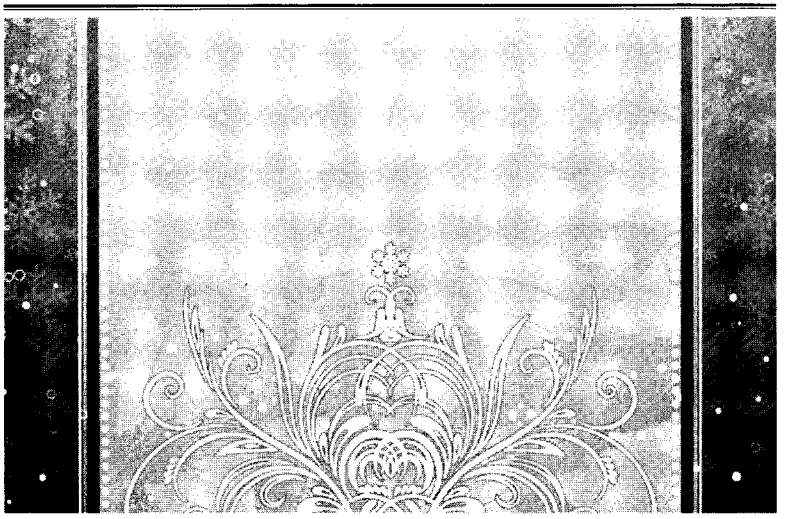

Phẩm Thứ Sáu Mươi Bốn

Tịnh Nguyện
(Nguyện Thanh Tịnh)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự niệm rằng: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, hành 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, đã vượt lên trên hết thảy chúng sanh rồi, huống nữa là khi đã được Vô Thượng Bồ Đề.

Trong các chúng sanh, nếu có người nghe thuyết về Nhất thiết chủng trí mà tín giải được, thì phải biết, ở trong loài người, người ấy được nhiều phước lành, được thọ mạng lâu dài, huống nữa là còn phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Nếu có chúng sanh nào phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì những chúng sanh khác phải nên vui mừng, nên mong ước được như vậy.

Rồi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đem hoa "mạn đà la" tán lên Phật, và phát nguyện rằng: Bạch Thế Tôn! Con xin đem công đức này để nguyện cho người phát Vô Thượng Bồ Đề tâm được đầy đủ các Phật pháp, đầy đủ nhất thiết trí, đầy đủ tự nhiên trí, nguyện cho người cầu Thanh Văn đạo được đầy đủ Thanh Văn pháp.

Bạch Thế Tôn! Con nguyện cho Bồ tát đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm trọn chẳng mống lên một niệm thối chuyển, chẳng sanh một niệm trở về với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm.

Bạch Thế Tôn! Con nguyện cho chư Bồ tát càng thêm tinh tấn ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, để cứu độ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ đau trong các nẻo đường sanh tử, để đem lại lợi ích cho hết thảy thế gian, trời, người, a-tu-la, với tâm niệm rằng: "Khi được tự độ rồi, tôi sẽ độ người chưa được độ; khi được giải thoát rồi, tôi sẽ giải thoát người chưa được giải thoát; khi được an ổn rồi, tôi sẽ an ổn người chưa được an ổn; khi được diệt độ rồi, tôi sẽ làm cho người chưa được diệt độ cũng được diệt độ".

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ tùy hỷ công đức của vị Bồ tát sơ phát tâm, thì được bao nhiêu phước đức? Nếu tùy hỷ công đức của vị Bồ tát đã phát tâm từ lâu, thì bao nhiêu phước đức? Nếu tùy hỷ công đức của vị Bồ tát Bất Thối Chuyển, thì được bao nhiêu phước đức? Nếu tùy hỷ công đức của vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ, thì được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Cả 4 châu thiên hạ có thể cân lường mà biết được; còn phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường được. Cõi đại thiên thế giới có thể cân lường mà biết được; còn phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường được.

Này Kiều Thi Ca! Nếu cõi đại thiên thế giới đều tràn đầy nước biển, và nếu đem một sợi tóc chẻ ra làm trăm phần, rồi lấy một phần sợi tóc đó nhúng vào trong nước biển, để cho nhỏ giọt, thì còn có thể đếm được số giọt nước nhỏ xuống. Thế nhưng, phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường mà biết được.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh nào chẳng sanh tâm tùy hỷ công đức của người cầu Vô Thượng Bồ Đề đều là quyến thuộc của ma.

Các chúng sanh ấy đều từ cõi ma sanh về đây. Vì sao? Vì những người muốn phá cảnh giới ma, mới phát tâm tùy hỷ công đức của Bồ tát. Thế nên, người ái kính Tam bảo ắt phải sanh tâm tùy hỷ, và đem tâm tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, vì tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng là chẳng phải một tướng, cũng chẳng phải hai tướng vậy.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu có người nào đem công đức của Chư Bồ tát mà tùy hỷ hồi hướng như vậy, thì phải biết người ấy đã thường gặp chư Phật; trọn chẳng thấy ác sắc, chẳng nghe ác thanh, chẳng ngửi ác hương, chẳng nếm ác vị, chẳng chạm ác xúc, chẳng khởi ác niệm; trọn chẳng xa rời chư Phật. Người ấy đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận, cúng dường chư Phật, gieo giống các thiện căn.

Vì sao? Vì trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, người ấy đã tùy hỷ công đức của chư vị Bồ tát sơ phát tâm, của chư vị Bồ tát từ Nhị Địa... dẫn đến Thập địa, của chư vị Bồ tát nhất sanh bổ xứ, rồi đem các công đức ấy hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Do nhân duyên gieo trồng thiện căn như vậy, nên người ấy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát ấy, khi được Vô Thượng Bồ Đề, sẽ độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh.

Này Kiều Thi Ca! Bởi vậy nên thiện nam, thiện nữ tùy hỷ công đức của chư Bồ tát sơ phát tâm, rồi hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì tâm tủy hỷ hồi hướng đó là chẳng phải tâm (phi tâm), chẳng phải rời tâm (phi ly tâm). Dẫn đến tủy hỷ công đức của chư Bồ tát đã phát tâm từ lâu, của chư Bồ tát bất thối chuyển, của chư Bồ tát nhất sanh bổ xứ, rồi hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì tâm tùy hỷ

hồi hướng đó cũng chẳng phải tâm (phi tâm), chẳng phải rời tâm (phi ly tâm).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tâm là như huyễn. Như vậy, tâm đó làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông có thấy tâm như huyễn chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy huyễn cũng chẳng thấy tâm như huyễn.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng thấy có huyễn, cũng chẳng thấy có tâm như huyễn thì ông có thấy tâm đó chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ly huyễn và ly tâm như huyễn, thì ông có thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Con chẳng thấy ly huyễn và ly tâm như huyễn lại có pháp được Vô Thượng Bồ Đề.

Con chẳng thấy có pháp nào là được, hay là chẳng được, vì pháp tướng là rốt ráo ly, nên chẳng đọa về CÓ (hữu), cũng chẳng đọa về KHÔNG (vô). Nếu pháp là rốt ráo ly, thì chẳng có pháp được Vô Thượng Bồ Đề.

Vậy nên, Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, 5 pháp Ba-la-mật rốt ráo ly, ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Nếu pháp là rốt ráo ly, thì chẳng nên tu, chẳng nên hoại. Hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng chẳng có pháp khả đắc (có thể được), vì là rốt ráo ly vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly,

thì làm sao có thể do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Trong hai pháp ly đó, vì sao lại có pháp khả đắc?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, 5 pháp Ba-la-mật kia rốt ráo ly... dẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly, nên có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là rốt ráo ly... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng phải rốt ráo ly, thì chẳng gọi là Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là rốt ráo ly, nên chẳng phải do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải do nơi ly mà được ly.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỗ sở hành của Bồ tát có nghĩa rất thâm sâu.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chỗ sở hành của Bồ tát có nghĩa quá thâm sâu. Chư Bồ tát Ma-ha-tát làm những việc rất khó làm. Đó là hành chỗ thâm nghĩa, mà chẳng tác chứng Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa mà con được nghe Phật dạy, thì sở hành của Bồ tát chẳng phải là khó. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng đắc thâm nghĩa đó để tác chứng, chẳng đắc Bát nhã Ba-la-mật để tác chứng, cũng chẳng có người tác chứng.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thảy pháp đều chẳng thể đắc, thì tác chứng có nghĩa gì; thế nào là Bát nhã Ba-la-mật tác chứng; thế nào là người tác chứng, và tác chứng rồi được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! Như vậy gọi là Bồ tát, ở nơi vô sở đắc, mà hành Bồ tát hạnh. Bồ tát hành như vậy, nên ở nơi hết thảy pháp đều được minh liễu.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nghe thâm pháp như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng trầm một, thì đó mới gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng thấy hành Bát nhã Ba-la-mật ắt sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng dấy niệm: "Thanh Văn và Bích Chi Phật cách xa ta, cách xa Bát nhã Ba-la-mật; còn ta thì gần Nhất thiết chủng trí, gần Thế Tôn".

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không chẳng dấy niệm phân biệt có pháp ở xa, có pháp ở gần, vì hư không là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng dấy niệm phân biệt rằng: "Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta", vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như người huyễn chẳng dấy niệm phân biệt rằng: "Huyễn sư ở gần ta, các khán giả ở cách xa ta", vì người huyễn là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm phân biệt rằng "Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta", vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như ảnh trong gương chẳng dấy niệm phân biệt vật ở trước gương là xa hay là gần, vì ảnh là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm phân biệt rằng: "Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta", vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thương, cũng chẳng ghét. Vì sao? Vì tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Ví như Phật chẳng có tâm thương ghét, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thương ghét.

Bạch Thế Tôn! Ví như Phật đã đoạn sạch các niệm tưởng phân biệt, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Vì sao? Vì các niệm tưởng đều là rốt ráo không.

Bạch Thế Tôn! Ví như Phật hóa hiện ra các hóa nhân. Những hóa nhân đó chẳng dấy niệm rằng: "Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta", vì các hóa nhân đó đều là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm rằng: "Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta", vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như do có chỗ làm nên hóa tác ra các việc, mà các việc hóa tác ra đó đều là vô phân biệt. Cũng như vậy, do có các việc phải làm, mà phải tu tập, khiến các việc ấy được thành tựu, mà Bát nhã Ba-la-mật cũng vẫn là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như người thợ có chỗ đặt hàng, mới cùng với học trò bỏ công ra làm người gỗ, ngựa gỗ, trâu gỗ, dê gỗ v.v... Các tượng gỗ đó cũng làm nên việc, nhưng

đều là vô phân biệt. Bát nhã Ba-la-mật cũng vậy. Vì có các việc phải làm, nên nói Bát nhã Ba-la-mật thành tựu các việc, nhưng Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt, hay 5 Ba-la-mật kia cũng là vô phân biệt?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! 5 Ba-la-mật kia cũng đều là vô phân biệt cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Sắc... dẫn đến thức, nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn xúc... dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ... dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là vô phân biệt chăng?

4 thiền, 4 vô lượng, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp, Vô Thượng Bồ Đề, vô vi tánh cũng đều là vô phân biệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc... dẫn đến vô vi tánh cũng đều là vô phân biệt cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu hết thảy các pháp đều là vô phân biệt, thì làm sao phân biệt được 6 đạo chúng sanh; làm sao phân biệt được 4 quả Thanh Văn; làm sao phân biệt được quả Bích Chi Phật, quả Phật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Do nhân duyên chúng sanh điên đảo tạo 3 nghiệp ở thân khẩu và ý, rồi tùy theo nghiệp dẫn mà thọ thân vào 6 đạo chúng sanh, gồm: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người và a-tu-la.

* Làm sao phân biệt quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có quả Phật chăng?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Do vô phân biệt mà có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, ... dẫn đến cũng do vô phân biệt mà có quả Phật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật trong quá khứ cũng do vô phân biệt, do dứt đoạn phân biệt nên có vậy.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Phải biết rằng hết thảy pháp đều là vô phân biệt, vì đều chẳng có tướng hoại, đều là như pháp tánh thật tế.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bởi vậy nên Bồ tát phải hành vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật. Hành vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật rồi là liền được vô phân biệt Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Thiên Đế Thích hoan hỷ, tự niệm rằng: "Bồ tát hành Bồ tát đạo đã có công đức thù thắng hơn hết thảy thế gian, huống nữa là khi được đạo Vô Thượng Bồ Đề".

Tự niệm như vậy rồi, ngài tự nguyện thủ hộ chư Bồ tát, khiến được tinh tấn, chẳng bao giờ thối chuyển.

-o0o-

Nên biết trong chúng sanh, có hạng đã phát tâm, có hạng chưa phát tâm. Trong số người đã phát tâm, thì Bồ tát là thù thắng hơn hết. Vì sao? Vì Bồ tát phát nguyện học hết thảy Phật pháp, nhằm cứu độ chúng sanh, khiến họ xa lìa được các khổ, hưởng được an vui. Chư vị A-la-hán, dù đã được lậu tận, cũng chẳng bằng được Bồ tát sơ phát tâm. Ví như thái tử, tuy chưa được lên ngôi vua, mà đã thù thắng hơn vị đại thần.

Cũng như vậy, Bồ tát, tuy chỉ mới sơ phát tâm, đã thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

Có hai hạng Bồ tát sơ phát tâm. Đó là:

- Hạng người phát tâm làm Bồ tát hạnh, hành 6 pháp Ba-la-mật.

- Hạng người chưa phát tâm, mà đã làm Bồ tát hạnh, hành 6 pháp Ba-la-mật.

Cả hai hạng người này, tuy chưa thành tựu được Bồ tát đạo, nhưng đã thắng hơn hết thảy chúng sanh.

Ví như chim Ca Lăng Tần Già, vừa mới từ trong trứng ra, mà đã thắng hơn các loài chim khác. Cũng như vậy, Bồ tát, tuy chưa thành Phật đạo, nhưng khi hành Bồ tát đạo đã nói ra thật tướng các pháp phá tan hàng ma vương, ngoại đạo; tuy chưa đoạn sạch phiền não, mà các nghiệp thân khẩu ý đã được thanh tịnh. Bởi vậy nên Bồ tát thù thắng hơn hết thảy chúng sanh.

Chúng sanh chỉ cầu vui cho riêng mình; Thanh Văn chỉ tự diệt khổ, cầu vui Niết bàn; Thanh Văn tu hành vì tự độ hơn vì độ tha.

Trái lại, Bồ tát trải rộng tâm đại bi, thương xót chúng sanh và nguyện độ hết thảy chúng sanh, nên thù thắng hơn nhiều.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện sau đây:

Có một vị Sa-di làm thị giả cho một vị A-la-hán, thường theo sát bên thầy.

Một hôm, vị Sa-di mống tâm cầu Vô Thượng đạo, cầu được chứng Niết bàn Phật thừa. Vị A-la-hán biết được tâm

niệm của vị Sa-di, liền lùi lại, ôm đãy đựng y bát theo sau vị Sa-di. Một lúc sau, vị Sa-di suy nghĩ Phật đạo khó thành, chúng sanh ở trong các nẻo đường sanh tử đang thọ vô lượng khổ, nên mống tâm cầu chứng Niết bàn Thanh Văn. Vị A-la-hán lại trao đãy đựng y bát cho vị Sa-di, và bảo vị này đi theo sau mình.

Vị Sa-di thưa: Bạch thầy, vì sao thầy mới bảo con đi trước, nay lại đổi ý bảo con đi sau?

Vị A-la-hán đáp: Trước con đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, muốn được làm Phật. Tâm ấy rất quý, vì đó là tâm Phật, nên ta phải nhường con đi trước, Bích Chi Phật còn cung kính, cúng dường Phật, huống nữa là ta chỉ mới là A-la-hán. Thế nhưng ngay sau đó con lại thối chuyển, muốn trở lại với tâm Thanh Văn, nên con phải đi theo ta vậy.

Vị Sa-di nghe thầy nói sanh tâm sợ hãi, biết rằng thầy đã biết mình đã có lần phát Bồ tát tâm, cũng biết rằng Bồ tát chỉ mới phát tâm cũng đã thù thắng hơn A-la-hán rồi, huống nữa là thành tựu Vô Thượng Đạo.

Bởi vậy nên biết rằng chỉ một phen phát tâm muốn thành Phật để độ thoát chúng sanh, là đã thù thắng hơn biết bao nhiêu người tu thiền định, giải thoát rồi vậy.

Trong kinh *Ma Ha Diễn* luận rằng: Có người phát Đại thừa tâm, tuy còn trong hàng tệ ác, tiểu nhân, mà đã thù thắng hơn hàng Nhị thừa. Vì Bồ-tác Đại thừa là người đại giải thoát, ly nhị biên, hành trung đạo. Bởi vậy nên, ngay khi vừa phát tâm đã thù thắng hơn hết thảy chúng sanh, huống nữa là khi thành Phật quả. Người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà sanh được tín tâm thanh tịnh là đã có được đại lợi ích vậy. Có thuyết nói: Bồ tát khi đã được bất thối chuyển rồi, thì chẳng còn bị đọa vào các đường ác.

Có thuyết nói: Bồ tát trú trong quả báo thần thông, đi khắp cả 10 phương, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh. Bồ tát dùng mọi phương tiện để giáo hóa chúng sanh, nên được thọ mạng lâu dài.

"Mạng" nói trên đây có hai nghĩa. Đó là:

- Mạng căn.

- Huệ mạng.

Người được "trí huệ mạng" được người đời quý trọng, nên nói là được thọ mạng lâu dài. Người phát tâm Đại thừa được quý kính. Vì sao? Vì do nhân duyên xả bỏ sự an vui của chính mình, và nguyện đem lại sự an vui cho người khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên vị Đế Thích sanh tâm đại hoan hỷ, đem hoa Mạn Đà La cúng dường Phật.

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích đem phước đức của mình để nguyện cho những người cầu Phật đạo đều được đầy đủ Phật pháp?*

Đáp: Tuy chẳng có thể đem phước đức của mình cho người khác được, nhưng vị Đế Thích đã dùng hảo tâm của mình để tùy hỷ công đức của những người cầu Phật đạo.

Vị Đế Thích bạch Phật rằng: "Tuy rằng con chỉ được Thanh Văn đạo, nhưng con trọn chẳng sanh niệm muốn Bồ tát thối tâm về Nhị thừa, vì Bồ tát thấy chúng sanh chịu khổ đau trong các đường sanh tử, mà nguyện độ chúng sanh thoát khổ, khiến họ được giải thoát.

-o0o-

Trong chúng hội, có người dấy niệm nghĩ rằng, "Tùy hỷ công đức của người sơ phát tâm Bồ tát, và tùy hỷ công đức

của Bồ tát đã phát tâm lâu có sai khác", nên Thiên Đế Thích bạch Phật: Người tùy hỷ công đức của Bồ tát sơ phát tâm được bao nhiêu phước đức? ... Dẫn đến người tùy hỷ công đức của Bồ tát nhất sanh bổ xứ được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy: Phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường mà biết được.

Thiên Đế Thích bạch Phật: Người nào biết được công đức của Bồ tát mà chẳng tùy hỷ, đều là quyến thuộc của ma. Vì do tu tập ác tâm, nên chẳng tùy hỷ công đức của người tu Bồ tát hạnh. Trái lại, người cầu Phật đạo là người đã quyết tâm phá cảnh giới ma, phá ái dục, thâm kính Tam Bảo, nên mới đem tâm tùy hỷ công đức của chư Bồ tát, và hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng là chẳng phải một, và cũng chẳng phải hai.

Vì sao? Vì các pháp chẳng có định hướng, và đều do nhân duyên sanh, nên nói hai tâm là chẳng phải một. Nhưng tâm tùy hỷ chẳng có phân biệt với tâm hồi hướng, nên nói hai tâm là chẳng phải hai.

Phật dạy: Người nào đem công đức của chư Bồ tát, của chư Phật ở trong 10 phương mà tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được sanh vào thời có Phật, trọn chẳng thấy ác sắc... dẫn đến chẳng chạm ác xúc, trọn chẳng xa rời chư Phật, chẳng đoạn Phật chủng.

Ở đây, Phật nói lên các nhân duyên người phát Bồ Đề tâm được đại quả báo, sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề, độ vô lượng chúng sanh.

Phật lại nói thêm rằng: Nếu y nơi thật tướng pháp mà tùy hỷ hồi hướng,và biết rõ thật tướng tâm cũng là bất khả đắc, thì sẽ thấy rõ tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng là chẳng phải một,

chẳng phải hai, là chẳng phải tâm (phi tâm), là chẳng phải rời tâm (phi ly tâm).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Tâm là chẳng phải tâm (phi tâm), là không, là vô sở hữu, là như huyễn. Như vậy, tâm đó làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông có thấy tâm như huyễn chăng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: "Nếu tâm là không, là như huyễn, thì chẳng có thể thấy được; còn trái lại, nếu thấy được tâm, thì tâm chẳng phải là không, là như huyễn". Nghĩ như vậy nên ngài đáp: Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Nếu tâm là không, là vô sở hữu, là như huyễn, thì nơi đó có thấy CÓ, có thấy KHÔNG chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Ly huyễn và ly tâm như huyễn, ông có thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề cả, chẳng thấy có pháp nào khả đắc cả. Vì các pháp là rốt ráo không, rốt ráo ly, nên chẳng đọa về CÓ, cũng chẳng đọa về KHÔNG. Nếu chẳng đọa về CÓ, chẳng đọa về KHÔNG, thì là vô sở hữu, nên chẳng có pháp được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly tướng. Thấy CÓ hoặc thấy KHÔNG đều là lỗi lầm cả. 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là như vậy cả. Nếu đều là rốt ráo ly tướng thì đều là bất khả đắc vậy.

Cho nên, thấy là bất khả đắc, tu là bất khả đắc, đoạn là bất khả đắc, chứng cũng là bất khả đắc vậy. Chứng đắc pháp như vậy là vô sở đắc, là rốt ráo ly vậy.

Ngài Bồ đề bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly. Như vậy làm sao có thể dùng rốt ráo ly để được rốt ráo ly? Nếu một pháp rốt ráo ly là đã chẳng được rồi, huống nữa là cả hai pháp đều rốt ráo ly. Ví như lấy ngón tay chạm vào hư không, mà hư không chẳng có chỗ chạm xúc, thì ngón tay cũng chẳng có thể xúc được. Hơn thế nữa, nếu Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, Niết bàn rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly, thì làm sao có thể dùng Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly để được Niết bàn rốt ráo ly, được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly?

Phật biết ngài Tu Bồ Đề đã dùng thật tướng pháp để nói, nên Phật tán thán: "Lành thay, lành thay! Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly và Vô Thượng Bồ Đề là rốt ráo ly, nên chẳng phải do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải do nơi ly mà được ly".

Vì sao? Vì nếu pháp có định tướng, thì chẳng phải là không, tức là thường; mà đã là thường, thì chẳng có sanh tướng. Nếu các pháp ở quá khứ, hiện tại và vị lai là không thì cũng chẳng có sanh tướng. Nếu chẳng có sanh tướng thì cũng chẳng có diệt tướng. Nếu chẳng có sanh diệt tướng thì chẳng có 4 thánh đế "khổ, tập, diệt, đạo" vậy.

Lại nữa, nếu nói "vô pháp" là thật pháp, là rốt ráo không, thì chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có Phật bảo, chẳng có Pháp bảo, chẳng có Tăng bảo.

Bởi các lỗi lầm trên đây, nên nói là rốt ráo ly tướng vậy.

Bồ tát biết rõ như vậy, nên ở nơi hết thảy pháp được thông đạt vô ngại. Rốt ráo ly là ly hết thảy tướng, kể cả "không tướng". Vì sao? Vì nếu chẳng ly "không", thì chẳng gọi là rốt ráo ly được vậy.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề là rốt ráo ly, chẳng phải do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lại cũng chẳng phải do nơi ly mà được ly; Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly mà được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly; cả hai pháp ly đó đều rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Phật dạy chỗ thâm tướng nên bạch Phật: Bồ tát hành đạo như vậy là hành thậm thâm nghĩa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát thường làm các việc rất khó làm, thường được thậm thâm nghĩa, nên chẳng tác chứng Nhị thừa. Vì sao? Vì Bồ tát nhất tâm làm việc lợi ích cho chúng sanh thâm nhập vào pháp không, mà chẳng chứng Niết bàn. Thật là việc rất khó làm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Như chỗ con hiểu, nương theo lời Phật dạy thì việc làm của Bồ tát chẳng phải là việc khó làm. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng đắc thâm nghĩa đó để tác chứng, chẳng đắc Bát nhã Ba-la-mật để tác chứng, cũng chẳng phải là người tác chứng vậy. Người chứng được thâm nghĩa, mà chẳng tác chứng, mới là chứng thâm nghĩa vậy.

Người dụng vô sở đắc mà hành Bồ tát đạo, mới là người sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát hành đạo như vậy, nên minh chiếu được hết thảy các pháp.

Hỏi: *Phật nói Bồ tát làm những việc rất khó làm; ngài Tu Bồ Đề lại nói việc làm của Bồ tát chẳng phải là việc khó làm. Như vậy, giữa Phật và vị đại đệ tử của Phật có quan điểm sai khác nhau chăng?*

Đáp: Phật vì đại chúng đã dùng thế đế, nên nói là khó làm. Ngài Tu Bồ Đề dùng đệ nhất nghĩa đế, nên nói là chẳng khó làm. Phật vì chúng sanh nói: "Bồ tát làm những việc rất

khó làm". Có người nghe nói như vậy liền phát tâm. Nhưng cũng có người nghe nói việc khó làm, liền thối tâm.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nói: "Chỗ sở hành của Bồ tát chẳng phải là khó".

Bồ tát dụng tâm vô sở đắc tu Bồ tát hạnh, trú trong hạnh vô sở đắc, nên ở nơi hết thảy pháp được thông đạt vô ngại. Nếu có Bồ tát nào nghe các pháp rốt ráo ly, chẳng có pháp khả chứng, chẳng có người thủ chứng, chẳng có Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng sanh tâm sợ hãi, thì phải biết vị Bồ tát ấy, ở nơi hết thảy pháp, đều được thông đạt, vô ngại vậy. Hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chánh hành thâm Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hành như vậy, Bồ tát chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có pháp Vô thượng Bồ Đề để đắc, vì hết thảy pháp đều là vô phân biệt.

Bồ tát trú trong thật tướng pháp, nên chẳng có dấy tâm phân biệt, chẳng nghĩ rằng: "Nhị thừa xa ta, ta gần Phật đạo". Ví như hư không, chẳng dấy niệm phân biệt, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng dấy niệm phân biệt, vì Bát nhã Ba-la-mật cũng như hư không đều là vô phân biệt. Ví như người thợ làm gỗ, do có chỗ đặt hàng mới làm ra các người gỗ, ngựa gỗ, dê gỗ v.v...; các tượng gỗ ấy tùy theo công việc mà được làm ra, nhưng đều là vô phân biệt. Cũng như vậy, do có chỗ tu tập mà thành tựu các công đức, nhưng Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt vậy.

Đến đây, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt, hay 5 Ba-la-mật kia cũng là vô phân biệt?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tất cả 5 Ba-la-mật kia cũng là vô phân biệt. Thế nhưng, đối với hàng Bồ tát sơ phát tâm, do

chưa được vô sanh pháp nhẫn, nên còn thấy có phân biệt. Ví như nhiều con sông chảy về biển; khi còn đang trên đường chảy về biển, thì mỗi con sông đều phân biệt, đều có tên riêng khác, khi đã chảy vào biển rồi, thì nước từ các con sông ấy đã hòa đồng với nhau, chẳng còn sai khác nhau nữa. Bồ tát cũng vậy, khi còn ở trong thế tục, thì còn thấy các pháp có sai khác; khi đã vào trong đệ nhất nghĩa đế rồi, thì chẳng còn thấy có sai khác nữa, chẳng còn có phân biệt nữa.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, vô vi tánh đều vô phân biệt, thì làm sao phân biệt được chúng sanh trong 6 đường sanh tử?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tuy các pháp là rốt ráo không, là vô phân biệt, nhưng chúng sanh điên đảo tạo nên 3 nghiệp ở thân khẩu và ý, rồi tùy theo nghiệp dẫn mà thọ thân vào trong 6 đường chúng sanh vậy. Các nghiệp báo mà chúng sanh gây nên đều do tham dục làm gốc. Chỉ vì bị dục tâm bức bách, mà chúng sanh khởi tâm chấp, chẳng biết rằng các pháp vốn là tự tướng không, chẳng có định tướng. Đã tạo nghiệp, thì phải thọ quả báo sanh vào 6 đường chúng sanh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Làm sao phân biệt có quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có quả Phật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tu-đà-hoàn là quả vị Thánh đầu tiên. Hành giả tu rốt ráo không, tu vô phân biệt, nên đoạn được 3 kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn. Đoạn 3 kiết sử tức là đoạn tâm điên đảo, tức là vào được nơi không, nơi vô sở hữu, nơi vô phân biệt vậy.

Do thế đế mà giả danh nói có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả vị Phật vậy. Do thế đế mà giả danh nói có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán,

quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật vậy. Tất cả các quả đó đều là rốt ráo không, đều là vô phân biệt cả. Chẳng phải chỉ hiện tại là vô phân biệt, mà quá khứ và vị lai cũng đều như vậy cả. Chư Phật trong quá khứ cũng do vô phân biệt mà vào được Vô Dư Niết bàn; chư Phật trong vị lai cũng sẽ do vô phân biệt, mà vào được Vô Dư Niết bàn. Chẳng có một pháp nào có thể phân biệt được, vì hết thảy các pháp rốt ráo không. Nếu biết được như vậy là vào được nơi thật tướng pháp, nơi như pháp tánh thật tế vậy. Bởi vậy nên Bồ tát phải hành vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật. Hành được vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật rồi, là liền được vô phân biệt Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phẩm Thứ Sáu Mươi Lăm

Độ Hư Không

KINH:

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp chân thật; hay là hành pháp không chân thật.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp không chân thật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp không chân thật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là pháp không chân thật.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp không chân thật, là hành pháp chẳng thể đắc... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí là hành pháp không chân thật, là hành pháp chẳng thể đắc vậy.

Lúc bấy giờ, hàng chư thiên cõi Dục và cõi Sắc nghĩ rằng: Các thiện nam, thiện nữ phát Vô Thượng Bồ Đề, đúng như thuyết, hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, trú nơi bình đẳng pháp, nên chẳng tác chứng thật tế, chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Những người như vậy đáng được chúng ta cung kính, đảnh lễ.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị thiên tử! Chư đại Bồ tát trú nơi bình đẳng pháp, mà chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa chẳng có gì là khó. Chư đại Bồ tát phát nguyện trang nghiêm "đại ngã", là độ vô lượng, vô biên chúng sanh; biết rõ chúng sanh là bất khả đắc, mà

nguyện độ vô lượng vô biên chúng sanh như vậy mới thật là khó.

Thưa Chư vị thiên tử! Chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, thệ nguyện rằng: "Ta phải độ hết thảy chúng sanh". Chúng sanh là bất khả đắc, mà Bồ tát muốn độ hết thảy chúng sanh chẳng khác gì muốn độ hư không vậy.

Vì sao? Vì hư không là ly, cho nên biết chúng sanh cũng là ly; hư không là không, cho nên biết chúng sanh cũng là không; hư không là chẳng kiên cố, cho nên biết chúng sanh cũng là chẳng kiên cố, hư không là hư vọng, cho nên biết chúng sanh cũng là hư vọng.

Này Chư vị thiên tử! Bởi nhân duyên vậy, nên biết chỗ làm của Bồ tát rất khó. Chúng sanh là chẳng có, nên làm lợi ích cho chúng sanh là đại trang nghiêm. Bồ tát vì chúng sanh mà kết thệ nguyện muốn cùng hư không đấu tranh. Khi đã kết thệ rồi, Bồ tát rõ chúng sanh là bất khả đắc, mà vẫn vì chúng sanh kết thệ.

Vì sao? Vì chúng sanh là ly, cho nên biết lời thệ nguyện cũng ly; vì chúng sanh là như hư không, cho nên biết lời thệ nguyện cũng như hư không.

Nếu Bồ tát nào nghe vậy, mà tâm chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì 5 ấm ly tức là chúng sanh ly; 5 ấm ly tức là 6 pháp Ba-la-mật ly; dẫn đến Nhất thiết chủng trí ly tức là 6 pháp Ba-la-mật ly.

Nếu Bồ tát nào nghe vậy, mà tâm chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nhân duyên gì mà Bồ tát ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, nên Bồ tát ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chìm đắm. Vì Bát nhã Ba-la-mật là ly, là tịch diệt, nên Bồ tát ở nơi Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chìm đắm. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có nhân duyên khả đắc, có pháp khả đắc, có trú xứ khả đắc, có người đắc pháp, vì hết thảy pháp đều là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào nghe vậy, mà tâm chẳng sợ hãi chẳng chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì người, việc và xứ đều là bất khả đắc cả.

Nếu Bồ tát nào y như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì các chư thiên cùng các vị thiên chủ đều đảnh lễ.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng những hàng chư thiên và chư thiên chủ đều đảnh lễ; mà hiện tại ở trong khắp 10 phương, chư Phật cũng đều hộ niệm vị Bồ tát ấy.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật rồi.

Nếu trong hằng sa thế giới đều có vô lượng ma biến hóa ra các thân đến quấy nhiễu vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật ấy, thì cũng chẳng sao có thể gây lưu nạn được.

LUẬN:

Nghe nói pháp tướng là vô phân biệt, ngài Xá Lợi Phất hết sức vui mừng, và hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp chân thật, hay là hành pháp chẳng chân thật?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: "Pháp chân thật là định pháp,

chẳng có biến đổi, có thể thủ, có thể chấp; còn pháp chẳng chân thật là pháp hư dối. Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường ưa hành pháp không, tâm chẳng chướng ngại, nên đáp lại: Hành Bát nhã Ba-la-mật tức là hành pháp chẳng chân thật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có định tướng, là vô phân biệt... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy. Bồ tát đã từ nhiều đời trước tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên nay trở lại trong sanh tử cũng tiếp tục hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát biết rõ pháp hữu vi là bất khả đắc, biết rõ 3 đời đều do nhân duyên sanh, đều là hư vọng, lại biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là pháp chẳng thể chấp, nên quán hết thảy chúng sanh đều là chẳng chân thật, chẳng thể chấp. Bồ tát cũng biết rõ Bát nhã Ba-la-mật, xét về thế đế, là pháp chân thật, còn xét về đệ nhất nghĩa đế là pháp bất khả đắc, chẳng chân thật.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có nhiều người phát Bồ Đề tâm, muốn đảnh lễ vị Bồ tát làm việc khó làm, đó là hành đệ nhất thâm nghĩa mà chẳng tác chứng. Hành đệ nhất nghĩa, ở nơi đây, cũng là hành bình đẳng pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bèn nói với hàng chư thiên rằng: Bồ tát trú trong bình đẳng pháp mà chẳng tác chứng, chưa phải là việc khó; biết chúng sanh là bất khả đắc, mà muốn độ vô lượng chúng sanh mới thật là khó làm. Vì sao? Vì Bồ tát muốn độ chúng sanh như độ hư không, mà hư không là ly, là không, lả chẳng kiên cố, là hư vọng, nên chúng sanh cũng là như vậy.

Hỏi: *"Trú nơi bình đẳng pháp mà chẳng tác chứng", "Biết chúng sanh là bất khả đắc mà muốn độ vô lượng chúng sanh" đều là những việc làm rốt ráo không. Vì sao nói có việc dễ làm, có việc khó làm?*

Đáp: Chúng sanh là hư dối, giả danh có, nên còn có chỗ chấp; bình đẳng pháp là vô vi, nên chẳng có chỗ chấp. Lại

nữa, chúng sanh từ nơi hữu vi mà giả danh sanh; còn vô vi là đệ nhất nghĩa. Như vậy, ở nơi chỗ điên đảo chấp, mà thường chẳng chấp mới là khó; còn ở nơi vô chấp mà chấp là chẳng thể có được vậy.

Vì sao? Vì chúng sanh là không, nên đại trang nghiêm cũng không. Nếu ở nơi đại trang nghiêm không, mà thường phát tâm mới thật là việc khó làm.

Bồ tát nghe "đệ nhất bình đẳng nghĩa" và "đại trang nghiêm độ vô lượng chúng sanh" đều rốt ráo là không, mà chẳng sanh tâm sợ hãi.

Ví như chim đà điểu thấy bóng mình in trên mặt đất mà chẳng sợ hãi, vì biết rõ bóng từ nơi thân nó mà có.

Cũng như vậy, Bồ tát biết rõ các pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp mà hư vọng được tạo lập ra, nhưng đều rốt ráo là không, là bất khả đắc, nên nghe nói đến các sự việc như trên mà chẳng sanh tâm sợ hãi.

Như vậy là Bồ tát do hành Bát nhã Ba-la-mật mà biết rõ các sắc pháp đều là ly, nên chúng sanh cũng là ly. Ly có nghĩa không. Nếu chúng sanh không mà các pháp chẳng phải là không, thì mới sợ hãi. Nay biết chúng sanh cùng hết thảy các pháp đều không, nên chẳng có sợ hãi vậy.

Bồ tát nào nghe nói hết thảy pháp đều ly tướng mà chẳng sanh tâm sợ hãi, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Các vị đệ tử của Phật đều là những bậc đại trí. Như vậy vì sao Phật còn nói: "Bồ tát nào nghe như vậy mà chẳng sanh tâm sợ hãi mới là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật?".*

Đáp: Vì trong chúng hội có nhiều người nghe nói đến

chỗ sở hành của Bồ tát như vậy, còn nghi, nhưng chẳng dám hỏi Phật, nên Phật phải nói như trên đây.

"Đệ nhất bình đẳng nghĩa" rất thâm sâu, khó biết, nên người nghe sanh tâm chìm đắm. Vì chẳng thấu hiểu được thâm nghĩa đó, nên người nghe sanh tâm sợ hãi. Chỉ có những bậc thượng trí mới biết chỗ nào cần thưa hỏi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật cử ngài Tu Bồ Đề làm vị pháp chủ, để những người tham dự pháp hội dễ dàng thưa hỏi.

Hỏi: *Phật là bậc Nhất Thiết Trí, sao chẳng tự làm vị pháp chủ, mà lại cử ngài Tu Bồ Đề làm thay?*

Đáp: Vì trong chúng hội có nhiều người nghĩ rằng, "Phật có trí huệ vô lượng, vô biên, mà mình chỉ có trí huệ hạn lượng", nên sợ chẳng dám thưa hỏi.

Lại nữa, có người thưa rằng: "Chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật đã được lậu tận, nói pháp dễ được người nghe theo; còn chư vị Bồ tát, tuy đã tu tập vô lượng công đức, nhưng chưa sạch kiết sử, nên nói pháp ít được người nghe theo. Người độn căn nghe Bồ tát nói pháp khó sanh tâm tín thọ".

Hỏi: *Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất. Vì sao Phật chẳng bảo ngài làm vị pháp chủ?*

Đáp: Vì ngài Tu Bồ Đề thường ưa nói về pháp không, mà Bát nhã Ba-la-mật giải rộng về pháp không, nên Phật bảo ngài Tu Bồ Đề làm vị pháp chủ, nói về pháp không.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Hết thảy pháp đều là rốt ráo không, đều là vô sở hữu, nên đều là tự tướng ly. Vì là ly

tướng, nên thường tịch diệt; vì là tịch diệt, nên chẳng có ức tưởng phân biệt vậy. Bồ tát biết rõ như vậy nên chẳng có sợ hãi, chẳng có chìm đắm. Bồ tát nào biết rõ các pháp đều là bất khả đắc, mà chẳng có sợ hãi, chẳng có chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành như vậy, thì các hàng chư thiên cùng các vị Thiên chủ đều phải đảnh lễ.

Vì sao? Vì chư thiên ở cõi Dục gần với chúng sanh, và được chúng sanh tôn kính, nên ngài Tu Bồ Đề nói: "Chư thiên phải đảnh lễ", để tạo niềm tin nơi chúng sanh, khiến họ sanh tâm tin kính chư vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Lại nữa, Bồ tát bỏ niềm vui riêng của mình, để làm việc lợi ích cho chúng sanh, khiến họ được an vui; còn hàng chư thiên thì thường chỉ cầu lợi ích cho riêng mình. Bởi vậy nên Bồ tát xứng đáng được sự cung kính, cúng dường của chư thiên, xứng đáng được chư thiên đảnh lễ vậy.

Phật dạy: Chẳng những hàng chư thiên ở cõi Dục, mà chư thiên ở các cõi khác, đã tu thanh tịnh hạnh, đều phải đảnh lễ chư Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì chư thiên ở cõi Dục chỉ mới được Sơ Thiền, giác quán còn tán loạn, có đến đảnh lễ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì đó chưa thể gọi là diệu. Chư thiên tu hành thanh tịnh ở các cõi khác, vì thán phục công đức của Bồ tát ấy, mà đến chúc lễ, mới là vi diệu. Phật dạy thêm: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm. Bồ tát tu tập như vậy được quả báo sẽ được làm Phật, nên được xem như là Phật rồi vậy. Bồ tát tu tập như vậy, quyết định sẽ đến Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng còn thối chuyển, khiến các ác ma chẳng còn có thể phá hoại được nữa.

(Hết quyển 78)

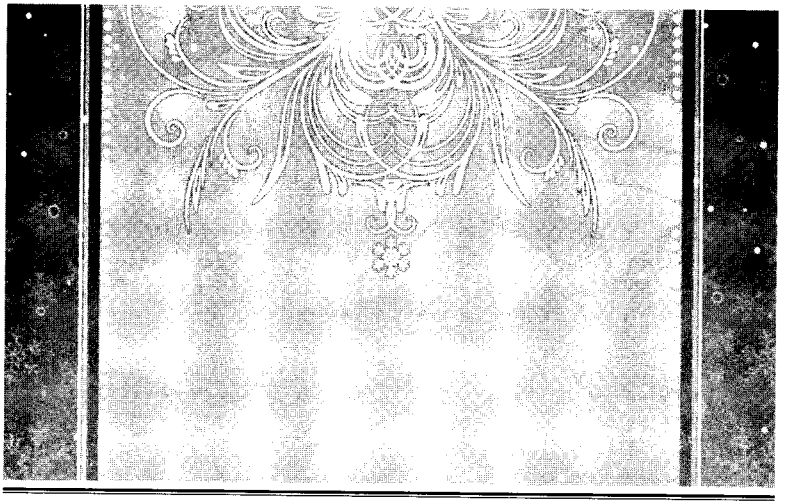

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Quyển 79

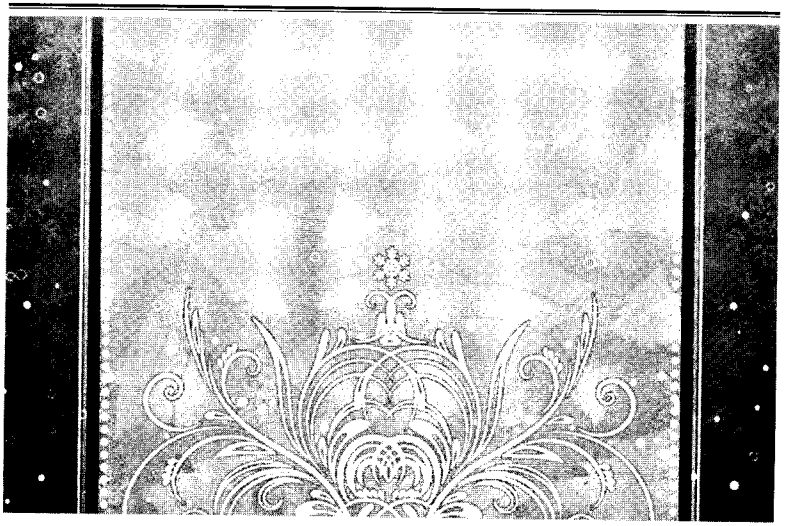

Phẩm Thứ Sáu Mươi Lăm

Độ Hư Không (tiếp theo)

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu hai pháp, khiến ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Quán hết thảy pháp không.

- Chẳng xả bỏ hết thảy chúng sanh.

Bồ tát lại thành tựu hai pháp nữa khiến ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Làm đúng như nói.

- Được chư Phật hộ niệm.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành như vậy, nên chư thiên đến thân cận, thăm hỏi và thưa rằng: Chẳng bao lâu nữa ngài sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, nên ngài phải hành "không, vô tướng và vô tác".

Vì sao? Vì hành các hạnh đó, ngài sẽ hộ cho những chúng sanh chẳng được hộ; sẽ làm chỗ y chỉ cho những chúng sanh chẳng có chỗ y chỉ; sẽ cứu những chúng sanh chẳng được cứu; sẽ làm con đường cứu cánh cho những chúng sanh chẳng có chỗ cứu cánh; sẽ làm chỗ quy y cho những chúng sanh chẳng có chỗ quy y; sẽ làm chỗ cồn đảo cho những chúng sanh chẳng có nơi trú ngụ; sẽ làm đuốc sáng cho những chúng sanh mê muội; sẽ làm đôi mắt sáng cho những chúng sanh bị đui mù.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy. Chư Phật trong khắp 10 phương, khi thuyết pháp trước đại chúng, đều xưng dương và tán thán danh tánh của vị Bồ tát ấy.

Vì sao? Vì do hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà Bồ tát ấy thành tựu được vô lượng công đức, khiến hạt giống Phật chẳng đoạn dứt.

Này Tu Bồ Đề! Như khi ta thuyết pháp trước đại chúng, ta cũng xưng dương và tán thán danh tánh của Bồ tát Bảo Tướng, Bồ tát Thi Khí... Lại nữa, ở thế giới Phật A Súc Bệ, có những Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng xưng dương và tán thán các Bồ tát ấy. Ở các thế giới Phật về bốn phương Đông, Tây, Nam và Bắc, về hai phương Trên và Dưới, về bốn phương chéo, ta cũng làm như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã muốn được đầy đủ Phật đạo, muốn được Nhất thiết chủng trí, nên khi chư Phật thuyết pháp thường xưng dương và tán thán các Bồ tát ấy.

Vì sao? Vì do hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà các Bồ tát ấy thành tựu được vô lượng công đức, khiến giống Phật chẳng đoạn dứt.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là các vị Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất thối chuyển nào được chư Phật xưng dương và tán thán?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tu tập như đức Phật A Súc

Bệ khi còn là Bồ tát. Chư Bồ tát bất thối chuyển cũng phải tu tập như vậy. Chư Bồ tát bất thối chuyển này được chư Phật, khi thuyết pháp xưng dương và tán thán.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, nhưng đã tín giải hết thảy pháp vô sanh, tín giải hết thảy pháp không, biết rõ hết thảy pháp đều là hư vọng, đều chẳng thật có, đều chẳng kiên cố.

Này Tu Bồ Đề! Các Bồ tát này được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp xưng dương và tán thán, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã diệt hẳn tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật, sẽ được được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán, sẽ được an trú trong Bất Thối Chuyển địa; trú ở địa này rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm được bừng sáng, chẳng nghi, lại tự niệm rằng: "Sự việc như vậy, nên Phật nói ra đúng như vậy", thì phải biết vị Bồ tát ấy đã được nghe Phật A Súc cùng hàng Bồ tát rộng nói về Bát nhã Ba-la-mật. Nghe xong, Bồ tát ấy liền tín giải, rồi đúng như thuyết tu hành, dẫn đến an trú trong Bất Thối Chuyển địa.

Này Tu Bồ Đề! Chỉ nghe Bát nhã Ba-la-mật đã được nhiều lợi ích, huống nữa là còn tín giải và đúng như thuyết tu hành. Người nghe, rồi tín giải, đúng như thuyết tu hành sẽ được bất thối chuyển... dẫn đến sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật dạy: "Nếu Bồ tát đúng như thuyết mà trú, đúng như thuyết mà hành, thì đó là trú trong Nhất thiết chủng trí". Như vậy, nếu Bồ tát chẳng đắc hết thảy pháp, thì làm sao mà trú trong Nhất thiết chủng trí được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát trú trong pháp "như" là trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trừ "như" ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc. Như vậy, thì ai trú trong "như", và trú trong "như" rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; ai trú trong "như" để thuyết pháp? "Như" còn bất khả đắc; huống nữa là trú trong "như" sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng có ai trú trong "như" để thuyết pháp vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Trừ "như" ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc cả. Chẳng ai trú trong như; chẳng ai trú trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng ai trú trong như rồi sẽ thuyết pháp. "Như" là bất khả đắc, huống nữa là trú trong như mà sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì "như" là chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt. Nếu pháp "như" là chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt thì chẳng ai có thể trú trong như, chẳng ai có thể trú trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng ai có thể trú trong như rồi sẽ thuyết pháp vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát làm việc rất khó làm, đó là trú trong thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì trong "như"chẳng có người trú, chẳng có

người trú rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người trú rồi sẽ thuyết pháp. Chư đại Bồ tát, ở nơi đây, chẳng sanh tâm sợ hãi, chẳng nghi ngờ, chẳng chìm đắm.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài nói đại Bồ tát làm các việc rất khó làm. Ở trong thâm pháp đó mà Bồ tát chẳng sợ hãi, chẳng nghi ngờ, chẳng chìm đắm.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Trong các pháp không, thì có ai sợ hãi, có ai nghi ngờ, có ai chìm đắm chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài chỉ thuyết về pháp "không", nên chẳng có gì chướng ngại. Ví như hướng lên không trung mà bắn tên, thì các mũi tên bay đi chẳng có gì chướng ngại. Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp "không" cũng được vô ngại vậy.

LUẬN:

Trong chúng hội có nhiều người khởi tâm nghi, chẳng hiểu vì nhân duyên gì mà Bồ tát có đại lực, khiến chúng ma chẳng phá hoại được, Phật nêu lên 2 nhân duyên làm cho Bồ tát có đại lực, khiến các ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Bồ tát thường quán các pháp không.

- Bồ tát chẳng xả bỏ chúng sanh.

Phải có đủ mặt trời lẫn mặt trăng, thì vạn vật mới sanh trưởng được. Nếu chỉ có mặt trăng mà chẳng có mặt trời, thì vạn vật sẽ bị ẩm ướt, khiến phải bị hư hoại. Nếu chỉ có mặt trời mà chẳng có mặt trăng, thì vạn vật sẽ bị thiêu cháy, khiến phải bị hư hoại.

Nếu mặt trăng và mặt trời hòa hợp, thì vạn vật mới được thấm nhuần lợi lạc.

Cũng như vậy, trong khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát phải

khéo hòa hợp "bi tâm" và "không tâm" mới đem lại đại lợi ích cho chúng sanh.

Có "bi tâm" mới lân mẫn chúng sanh, mới thệ nguyện độ hết thảy chúng sanh. Có "không tâm" mới diệt được tâm chấp có lân mẫn, có độ thoát chúng sanh. Vì sao? Vì nếu chỉ có "bi tâm" mà chẳng có "không tâm", chẳng dùng trí huệ để xả tâm chấp có lân mẫn, có cứu độ chúng sanh thì sẽ rơi về đoạn diệt. Bởi vậy nên Phật dạy: "phải song tu cả hai tâm", nghĩa là phải thường xuyên quán hết thảy pháp đều là không, mà chẳng rời bỏ chúng sanh. Tuy lân mẫn chúng sanh, mà chẳng rời bỏ hết thảy pháp không; tuy quán hết thảy pháp không, mà chẳng chấp không; vì chẳng chấp không, nên chẳng ngại việc lân mẫn chúng sanh.

Lại nữa, quán lân mẫn chúng sanh, mà chẳng chấp chúng sanh, chẳng chấp tướng chúng sanh, mà chỉ vì lân mẫn chúng sanh, muốn dẫn dắt chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, vào nơi rốt ráo không.

Bởi vậy nên, tuy hành "bi tâm", lân mẫn chúng sanh, mà chẳng ngăn ngại "không tâm"; tuy hành "không tâm" mà chẳng chấp "không", nên chẳng ngăn ngại "bi tâm", chẳng ngăn ngại việc lân mẫn chúng sanh. Ví như mặt trăng và mặt trời hòa hợp với nhau khiến vạn vật được sanh tồn và tăng trưởng vậy.

Chư thiên cũng như chư Thần thường khinh dễ người nói dối, người làm các việc chẳng đúng như lời nói. Còn Bồ tát thì y như chỗ nói mà hành, nên chấp Kim Cang Thần thường thủ hộ, khiến các ác ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Các ác ma thường sanh ác tâm phá hoại tâm của người hành Bồ tát đạo. Nếu Bồ tát chẳng nhờ chư Phật hộ niệm, thì các ác ma có thể đến quấy nhiễu, khiến thiện căn của Bồ tát

bị hư nát vậy. Ví như trứng cá, nếu chẳng được cá mẹ chăm sóc, thì cũng sẽ bị hư thối, chẳng nở thành cá con được.

Bởi vậy nên nói, "Nếu Bồ tát y như chỗ nói mà hành, thì được chư Phật hộ niệm". Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên được Bát nhã Ba-la-mật công đức, chẳng bị phá hoại, được trí huệ tăng trưởng, được chư thiên thân cận, thăm hỏi và khuyến dụ rằng, "Ngài sắp được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên ngài phải thường hành không, vô tướng và vô tác".

Hỏi: *Chư thiên chưa được Nhất thiết chủng trí, làm sao có thể tham dự việc thọ ký cho Bồ tát?*

Đáp: Chư thiên ở cõi trời Trường Thọ Thiên, ở trong quá khứ, đã được nghe nói, "Hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là nhân duyên dẫn đến việc được thọ ký". Nay chư thiên thấy có Bồ tát có hạnh như vậy, có nhân tu như vậy, nên biết rõ các vị Bồ tát ấy sẽ được thọ ký.

Chư thiên thấy các vị Bồ tát ấy hành ba giải thoát môn, là 3 pháp ấn, lại thường hành từ bi tâm đối với hết thảy chúng sanh, nên tán thán rằng: "Chẳng bao lâu nữa ngài sẽ thành Phật. Ngài sẽ hộ những chúng sanh chẳng được hộ; sẽ làm chỗ y chỉ cho những chúng sanh chẳng có chỗ y chỉ; sẽ làm chỗ quy y cho những chúng sanh chẳng có chỗ quy y v.v...

Nếu Bồ tát nào thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì sẽ được chư thiên hộ niệm; được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán danh tánh. Ví như trường hợp Bồ tát Bảo Tướng, và Bồ tát Thi Khí đã được Phật Thích Ca Mưu Ni, khi thuyết pháp xưng dương và tán thán vậy. Ở thế giới Phật A Súc Bệ, cũng như các thế giới Phật khác ở khắp trong 10 phương, cũng có những vị Bồ tát hành thâm

Bát nhã Ba-la-mật như vậy, và cũng được các đức Phật khi thuyết pháp xưng dương và tán thán như vậy. Do các vị Bồ tát ấy hành đúng như chỗ nói, nên danh tánh được chư Phật, khi thuyết pháp, nêu lên để làm thí dụ: "Ở thế giới Phật đó... có vị Bồ tát đó... tuy chưa thành Phật, mà đã được thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy. Thật là rất ít có!".

Ví như viên đại tướng chẳng tiếc thân mạng, xông pha vào giữa trận mạc dẹp phá quân địch, nên thường được vị quốc vương xưng dương và tán thán. Cũng như vậy, Bồ tát thường quán các pháp không, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tận dẹp các phiền não mà chẳng tác chứng Niết bàn, ra vào sanh tử để cứu độ chúng sanh mà chẳng tiếc thân mạng, nên được chư Phật xưng dương và tán thán danh tánh vậy.

Tuy các đức Phật chẳng có tâm chấp đắm, chẳng phân biệt thiện pháp hay bất thiện pháp; đối với chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, cũng như đối với hàng ngoại đạo chẳng có thương ghét; nhưng vì lợi ích cho chúng sanh, mà thường tán thán thiện nhân, xưng dương thiện pháp. Vì sao? Vì muốn chúng sanh y nơi người có thiện tâm, tùy thiện pháp mà tu tập, nhằm vượt ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Hỏi: *Kinh nào nói chư Phật, chư đại Bồ tát tán thán và xưng dương các vị Bồ tát ấy?*

Đáp: Sự việc này được nói trong kinh *Vô Lượng*. Thế nhưng, sau khi Phật nhập Niết bàn, có các vị vua tàn ác, tà kiến đem đốt phá rất nhiều kinh điển, phá hoại rất nhiều pháp tự, giết hại rất nhiều Sa môn, nên 500 năm sau, vào thời Tượng Pháp, có rất ít các vị đắc A-la-hán có đầy đủ thần thông, cũng như có rất ít các vị đại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên các thâm kinh chẳng còn đủ ở cõi Diêm Phù Đề, người tu thọ trì, và hành thâm pháp cũng rất ít, khiến chư Thiên Long, Thiên Thần Hộ Pháp phải đem các thâm kinh cất giữ ở cõi khác.

Hỏi: *Vì sao chẳng tán thán các đại Bồ tát như Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Di Lặc... mà chỉ tán thán hai vị Bồ tát Bảo Tướng và Thi Khí.*

Đáp: Hai vị Bồ tát ấy, tuy chưa được vô sanh pháp nhẫn, mà thường hành pháp tương tợ như Bồ tát đã được vô sanh pháp nhẫn. Vì hai Bồ tát ấy hành pháp như vậy, nên ma chẳng thể phá hoại tâm của các vị ấy. Do vậy, mà được Phật tán thán.

Lại nữa, vì hai vị Bồ tát ấy đại nguyện thanh tịnh hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, và phát tâm đại bi vô kỳ hạn, nên sẽ mau được thành Phật, độ thoát chúng sanh. Do vậy, mà được Phật tán thán.

Lại nữa, chư Bồ tát Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí v.v..., tuy có công đức vô lượng, nhưng công đức và danh tánh của các ngài đều được chúng sanh cõi Diêm Phù Đề biết đến, nên Phật chẳng nói đến.

Còn hai vị Bồ tát ấy chưa ai biết đến, nên Phật mới tán thán vậy, Phật nói thêm rằng, ở thế giới Phật A Súc, cũng như các thế giới Phật trong khắp 10 phương, có những vị Bồ tát, từ sơ phát tâm đã muốn được đầy đủ Phật đạo, muốn được Nhất thiết chủng trí, thường tu phạm hạnh, thường hành Bát nhã Ba-la-mật, nên được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán. Các vị Bồ tát ấy làm những việc khó làm như vậy, khiến hạt giống Phật chẳng đoạn dứt, nên được chư Phật xưng dương danh tánh và tán thán công đức vậy.

Hỏi: *Phật đã nêu những trường hợp Bồ tát được chư Phật xưng dương và tán thán rồi. Vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi: "Những Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán"?*

Đáp: Lúc ban đầu, Phật nói đến các vị đại Bồ tát, rồi sao Phật nói đến hết thảy các Bồ tát, từ sơ phát tâm... dẫn đến thập địa, nên ngài Tu Bồ Đề sanh nghi mà hỏi như trên.

Phật ái niệm hết thảy các Bồ tát, nhưng các vị Bồ tát nào có công đức thù thắng hơn, thì Phật mới xưng dương danh tánh, và tán thán công đức. Ví như, ở thế giới Phật A Súc Bệ có những Bồ tát, từ sơ phát tâm đã thường tịnh tu phạm hạnh; ở các thế giới Phật khác trong khắp 10 phương cũng có những vị Bồ tát, từ khi sơ phát tâm tịnh tu phạm hạnh như vậy, nên được chư xưng dương và tán thán.

Lại nữa, có những vị Bồ tát, tuy chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, chưa vào được Bồ tát vị, nhưng nhờ hành Bát nhã Ba-la-mật mà thường tư duy, trù lượng, cầu thật tướng pháp, thường tín giải nhẫn pháp, thông đạt hết thảy pháp không, biết rõ sanh tướng là hư vọng, là chẳng kiên cố. Các vị Bồ tát như vậy đều được chư Phật xưng dương và tán thán.

Lại nữa, khi mới tu tập, Bồ tát còn thấy 3 giải thoát môn "không, vô tướng và vô tác" có sai khác; khi đã vào được thật tướng pháp rồi, biết rõ hết thảy pháp đều là vô sanh, thì đoạn được hết các quán môn. Khi mới được nhu thuận nhẫn, chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, Bồ tát mới chỉ ra khỏi phàm phu pháp, tuy chưa tín giải và thọ Thánh Pháp, nhưng chưa vào được Thánh vị. Bởi vậy nên Phật tán thán Bồ tát vào được Thánh pháp như vậy thật là rất có ít; Bồ tát ấy đã được bất thối chuyển, đã đoạn dứt Nhị thừa tâm, được Phật dự thọ ký. Những Bồ tát, dù chưa được vô sanh pháp nhẫn,

nhưng đã có được trí huệ lực của bậc Bồ tát bất thối chuyển, có thắng tín lực cũng được Phật xưng dương và tán thán.

Hết thảy các Bồ tát nói trên đây nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền minh liễu, chẳng có nghi, chẳng có sợ, vì tự niệm rằng: "Sự việc như vậy, nên Phật nói ra đúng như vậy".

Hỏi: *Vì sao có những vị Bồ tát đã thâm tín giải Bát nhã Ba-la-mật, mà còn theo đức Phật A Súc Bệ để được nghe nữa?*

Đáp: Những vị Bồ tát ấy, từ khi mới hành Bồ tát đạo, đã theo Phật A Súc Bệ tu tập, hành thanh tịnh phạm hạnh. Những Bồ tát ấy thường chẳng rời Phật A Súc Bệ, để học theo hạnh của ngài, nên được tín lực và trí huệ lực của bậc Bồ tát bất thối chuyển; dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, nhưng cũng được Phật xưng dương và tán thán.

Phật dạy rằng: "Những người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà còn được đại lợi ích như vậy, huống nữa là người tín thọ, đúng như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Những người như vậy sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là không tướng, đều là bất khả đắc, thì vì sao nói Bồ tát trú trong "như" tức là trú trong Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Bồ tát trú trong "như", mà "như" là không; trú trong "như" là trú trong rốt ráo không. Bởi vậy nên nói Bồ tát trú trong "như" là trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trừ "như" ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc cả. Như vậy thì ai trú trong "như" sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Thật là vô lý vậy.

Phật ấn chứng lời nói của Tu Bồ Đề: "Như" là không, vì trong "như" chẳng có các tướng "sanh, trú, dị, diệt". Nếu chẳng có các tướng "sanh, trú, dị, diệt", thì chẳng có ai trú trong như; chẳng có ai trú trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng có ai trú trong như, rồi sẽ thuyết pháp vậy. "Như" đã là bất khả đắc rồi, huống nữa là trú trong "như" để được Vô Thượng Bồ Đề, để thuyết pháp.

-o0o-

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, do còn chấp Bát nhã Ba-la-mật là có định tướng, nên khi nghe Phật và ngài Tu Bồ Đề nói Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng, là bất khả đắc, liền bạch Phật rằng: Thật là hy hữu! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Bồ tát làm việc rất khó làm, đó là trú trong Bát nhã Ba-la-mật, mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Bát nhã Ba-la-mật là "như", mà "như" là rốt ráo không; ở trong "như" chẳng có người trú, chẳng có người trú rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người rồi sẽ thuyết pháp, chẳng có chúng sanh để độ, chẳng có việc độ chúng sanh, chẳng có việc đưa chúng sanh vào Niết bàn, vì hết thảy các pháp tướng là thường trú, là "như tướng" vậy.

Bồ tát nghe như vậy mà chẳng nghi, chẳng sợ là việc rất khó làm. Bồ tát tuy biết rõ hết thảy các pháp rốt ráo là không, mà vẫn cầu Vô Thượng Bồ Đề, vẫn tinh tấn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ngưng nghỉ, thật là việc rất khó làm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói với Đế Thích: Nếu các pháp đều là không, là vô sở hữu, thì chẳng có gì để nghi, chẳng có gì để sợ. Như vậy thì chẳng có gì gọi là việc khó làm cả.

Vị Đế Thích hoan hỷ dấy niệm rằng: Ngài Tu Bồ Đề ưa

nói pháp không; những gì ngài nói ra đều y nơi pháp không. Tuy nói có sắc, có các sự việc, mà pháp nghĩa đều dẫn đến "không", cho nên dù có người đến vấn nạn cũng chẳng thấy có gì ngăn ngại cả. Vì sao? Vì pháp không cũng là không. Nếu có đặt nghi vấn về "không", thì cũng tức là đã phá pháp "không" rồi vậy. Bồ tát biết rõ như vậy nên ở nơi CÓ, cũng như ở nơi KHÔNG đều được vô ngại. Ví như bắn tên lên không trung, thì mũi tên chẳng có bị ngăn ngại. Đến khi sức đẩy yếu hẳn, thì mũi tên mới rơi trở lại mặt đất; thế nhưng đó chẳng phải là vì hư không đã cùng tận vậy.

Cũng như vậy, ngài Tu Bồ Đề nói pháp chẳng có gì ngăn ngại. Khi các nhân duyên của sự biện thuyết đã xong, thì ngài liền dứt, chẳng nói thêm nữa; thế nhưng đó chẳng phải là pháp đã tận cùng rồi vậy.

Trên đây, mũi tên bắn lên không trung dụ cho mũi tên trí huệ của ngài Tu Bồ Đề thâm nhập vào pháp không. Nếu có người hướng mũi tên vào vách tường, thì mũi tên sẽ bị vách tường ngăn ngại, chẳng xuyên qua được, nên chẳng đi xa hơn được. Cũng như vậy, người có lợi trí, mà có tà kiến chấp, thì vẫn bị các tà kiến đó ngăn ngại, chẳng sao thông đạt được các pháp. Ngài Tu Bồ Đề thường trú trong pháp không, chẳng có gì ngăn ngại, nên thông đạt được pháp vô ngại vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Sáu Mươi Sáu

Chúc Lụy
(Phó Chúc)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đáp như vậy có phải là tùy thuận theo pháp chăng? Có phải là chánh đáp chăng?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Chỗ ông đáp đó đều tùy thuận theo pháp cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chỗ nói của ngài Tu Bồ Đề là không, là vô tướng, là vô tác, là 4 xứ niệm... dẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ông Tu Bồ Đề là vị Tỷ-kheo thường hành pháp không, nên biết rõ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều bất khả đắc, huống nữa là người hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật ; biết rõ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo bất khả đắc, huống nữa là người hành 4 niệm xứ... dẫn đến hành 8 thánh đạo, biết rõ thiền giải thoát tam muội bất khả đắc, 10 Phật lực bất khả đắc, 4 vô sở úy bất khả đắc, 4 vô ngại trí bất khả đắc, đại từ đại bi bất khả đắc, 18 bất cộng pháp bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, huống nữa là người hành các pháp ấy; biết rõ Như Lai bất khả đắc, vô

sanh pháp bất khả đắc, 32 tướng tốt bất khả đắc, 80 vẻ đẹp bất khả đắc, huống nữa là người đắc các pháp ấy... Vì sao? Này Kiều Thi Ca! Vị Tỷ-kheo Tu Bồ Đề ở nơi hết thảy pháp, thường hành ly, hành vô sở đắc, hành không, hành vô tướng, hành vô tác.

Này Kiều Thi Ca! Thế nhưng, chỗ hành pháp của Tỷ-kheo Tu Bồ Đề, nếu đem so sánh với chỗ hành pháp của Bồ tát Ma-ha-tát, thì ở trong trăm phần, ngàn phần, muôn ức phần... chẳng bằng được một; dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để sánh được.

Vì sao? Vì trừ công hạnh của Phật ra, thì công hạnh của Bồ tát Ma-ha-tát, so với công hạnh của hành Thanh Văn và Bích Chi Phật, là tối tôn, tối diệu, tối thượng. Vậy nên, Bồ tát muốn độ hết thảy chúng sanh, muốn có công hạnh tối thượng trong hết thảy chúng sanh, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhập vào Bồ tát vị, được đầy đủ các Phật pháp, được Nhất thiết chủng trí, đoạn sạch các phiền não tập khí... dẫn đến thành tựu Phật đạo.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, chư thiên cõi trời Đao Lợi đem hoa mạn đà la tán Phật và chúng tăng. Lại có 800 vị Tỷ-kheo, từ tòa đứng dậy, đem hoa cúng dường Phật, trịch vai, quỳ gối, chấp tay bạch Phật rằng: Chúng con nguyện hành vô thượng hạnh, là hạnh mà hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có thể hành được.

Phật biết rõ tâm niệm của các Tỷ-kheo này, liền mỉm cười. Tức thì, từ kim khẩu của Phật phóng ra vô lượng ánh sáng đủ màu sắc như xanh, vàng, đỏ, tím, hồng...

Các quang minh đó chiếu suốt khắp cõi đại thiên thế giới, trở về diễu 3 vòng quanh Phật rồi nhập vào đảnh Phật.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan từ tòa đứng dậy, trịch vai, quỳ gối và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười? Phật mỉm cười ắt là có đại sự nhân duyên, chẳng phải chẳng có nhân duyên vậy.

Phật dạy: Này A Nan! 800 vị Tỷ-kheo này, trong kiếp Tinh Tú, sẽ thành Phật, đồng một hiệu là Ngũ Sắc Thiên Hoa. Chúng sanh ở khắp thế giới các đức Phật này sẽ được thọ mạng đồng đều nhau, sau 10 vạn năm sẽ đều xuất gia làm Phật. Ở thế giới các đức Phật này thường mưa hoa trời 5 sắc.

Vậy nên, Bồ tát muốn có công hạnh tối thượng thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy đời trước đã từng ở trong loài người, đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung, lại trở về đây, sanh lại làm người; hoặc từ trên cung trời Đâu Suất, đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung, về đây, sanh làm người.

Này A Nan! Ta thấy các Bồ tát ấy thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, liền thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, rồi lại đem thâm Bát nhã Ba-la-mật dạy cho người khác tu Bồ tát đạo, thì phải biết người ấy đời trước đã từng nghe chư Phật thuyết về thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã từng thân cận chư Phật, gieo trồng thiện

căn, và tự niệm rằng: "Ta chẳng tu theo hạnh Thanh Văn, mà phải nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật".

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng thâm Bát nhã Ba-la-mật, lại tùy nghĩa và tùy pháp hành thâm Bát nhã Ba-la-mật mà được tín tâm thanh tịnh, thì phải biết người ấy đã từng ở trước chư Phật, nghe thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật mà được tín tâm thanh tịnh, thì phải biết người ấy đã từng cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn và đã từng cúng chư thiện tri thức tương đắc.

Này A Nan! Người trồng thiện căn nơi phước điền Phật, phải tu qua Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, mà vẫn phải cầu được giải thoát, nên phải biết rõ ràng 6 hạnh Ba-la-mật... dẫn đến biết rõ ràng Nhất thiết chủng trí. Người ấy thường hướng về giải thoát, ắt sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có thể bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Này A Nan! Nay ta đem thâm Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ông. Nếu thọ trì hết thảy các pháp khác mà có quên sót, thì chưa phải là lỗi lầm lớn. Nếu thọ trì thâm Bát nhã Ba-la-mật mà quên sót, dù chỉ là một câu, thì đó là lỗi lầm rất lớn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nay ta đem thâm Bát nhã Ba-la-mật này chúc lụy cho ông. Ông phải khéo thọ trì, đọc tụng.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết đó là người thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật trong 3 đời.

Này A Nan! Người mến thích Phật, chẳng muốn xa lìa Phật, phải là người mến thích thâm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng muốn xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến một câu trong kinh Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng để quên sót.

Này A nan! Ta có nhiều nhân duyên để chúc lụy cho ông. Nhưng ta chỉ lược nói: Ta là Thế Tôn, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là Thế Tôn.

Này A Nan! Nay giữa hết thảy thế gian, trời, người và a-tu-la, ta chúc lụy cho ông: Những ai chẳng muốn xa lìa Phật, chẳng muốn xa lìa Pháp, chẳng muốn xa lìa Tăng, chẳng muốn xa lìa Vô Thượng Bồ Đề của ba đời chư Phật, thì phải cẩn thận chớ xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Này A Nan! Đây là chánh pháp mà ta truyền dạy cho hàng đệ tử. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, rồi lại vì người khác rộng nói nghĩa, khai thị, phân biệt, khiến họ dễ hiểu, thì phải biết người ấy mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau gần Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra ba đời chư Phật; xuất sanh ra Vô Thượng Bồ Đề của ba đời chư Phật. Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai ở trong khắp mười phương đều từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra. Bởi vậy nên muốn được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải học sáu pháp Ba-la-mật.

Này A Nan! Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ sanh ra chư Bồ tát, nên các Bồ tát học sáu pháp Ba-la-mật sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Do vậy mà nay ta đem 6 pháp Ba-la-mật chúc lụy thêm cho ông.

Này A Nan! Sáu pháp Ba-la-mật này là pháp tạng vô tận của chư Phật. Ở hiện tại, trong khắp 10 phương, khi

thuyết pháp, chư Phật đều y trong pháp tạng này mà nói ra. Chư Phật quá khứ, khi thuyết pháp, cũng đã y trong pháp tạng này mà nói ra; chư Phật vị lai, khi thuyết pháp, cũng sẽ y trong pháp tạng này mà nói ra. Chư Phật 3 đời cùng hàng đệ tử đều học theo 6 pháp Ba-la-mật này mà được diệt độ; hoặc đã diệt độ, hoặc đang diệt độ, hoặc sẽ được diệt độ vậy.

Này A Nan! Nếu ông, vì hàng Thanh Văn, mà thuyết pháp, khiến chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới đều thành A-la-hán; đó chưa phải là việc làm của đệ tử của ta. Nếu ông đem một câu trong Bát nhã Ba-la-mật, đúng như thuyết mà dạy cho hàng Bồ tát, thì như vậy mới là việc làm của đệ tử của ta. Thấy như vậy, ta vui mừng hơn là thấy ông dạy cho chúng sanh khắp cõi đại thiên thế giới được quả A-la-hán nữa.

Này A Nan! Nếu hết thảy chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới đều được quả A-la-hán; được A-la-hán rồi lại hành bố thí, trì giới, thiền định, thì công đức ấy có nhiều chăng?

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Công đức ấy rất nhiều.

Phật dạy: Này A Nan! Công đức ấy chẳng sao bằng được công đức của người đệ tử của ta, đúng như pháp mà thuyết cho hàng Bồ tát nghe. Dù chỉ thuyết giảng trong một ngày, trong nửa ngày, trong một thời gian một bữa ăn... dẫn đến trong chốt lát, dù chỉ thuyết giảng một câu, thì cũng thành tựu được rất nhiều công đức. Vì sao? Vì công đức của Bồ tát này thù thắng hơn công đức của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, do Bồ tát này muốn được Vô Thượng Bồ Đề, và muốn làm lợi ích cho chúng sanh, dạy cho họ cũng được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này A Nan! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, hành bốn niệm xứ... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí như vậy, nên thiện căn càng lâu càng thêm tăng trưởng, ắt sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Khi nói phẩm kinh Bát nhã Ba-la-mật này, trước đại chúng, Phật hiện thần lực biến hóa, làm cho cả đại chúng đều được thấy đức Phật A Súc, với chúng Tỷ-kheo tăng vây quanh, đang thuyết pháp. Ở đây, chư Tỷ-kheo tăng nhiều vô lượng, đều là bậc lậu tận A-la-hán, đều được tự tại giải thoát, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tâm ý đã được điều phục nhu nhuyến; lại cũng có chư đại Bồ tát đã thành tựu vô lượng công đức.

Thuyết xong, Phật lại thu nhiếp thần lực, khiến đại chúng chẳng còn thấy thế giới Phật A Súc, như trước nữa.

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài A Nan: Này A Nan! Chẳng phải mắt nào cũng thấy được hết thảy các pháp, mà các pháp cũng chẳng thấy nhau, chẳng biết nhau. Thế nên, thế giới của Phật A Súc và hàng đệ tử Phật chẳng còn hiện ra trước mắt ông nữa, vì các pháp chẳng thấy nhau, chẳng biết nhau vậy.

Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều chẳng biết (vô tri), chẳng thấy (vô kiến), chẳng làm (vô tác), chẳng động (vô động), đều chẳng thể nghĩ bàn được (bất khả tư nghì) vậy.

Ví như người huyễn chẳng thọ, chẳng cảm giác, chẳng phải chân thật. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng chấp hết thảy pháp.

Này A Nan! Bồ tát học như vậy gọi là học Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì học như vậy là học đến chỗ đệ nhất, tối

thượng, vi diệu của sự học; học như vậy là an lạc hết thảy chúng sanh, là cứu độ những chúng sanh chẳng được ai cứu độ; học như vậy là học chỗ sở học của chư Phật. Chư Phật, trú nơi chỗ sở học đó, mà có thể dùng tay nâng cả đại thiên thế giới, rồi đặt lại chỗ cũ mà chúng sanh chẳng hay biết gì cả.

Vì sao? Vì Chư Phật, do học Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu được tri kiến vô ngại nơi hết thảy các pháp ở quá khứ, ở hiện tại và ở vị lai.

Nay A Nan! Trong hết thảy các môn học, thì Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất, tối thượng, vi diệu.

Này A Nan! Người muốn biết Bát nhã Ba-la-mật đến tận bờ mé là người muốn biết hư không đến tận bờ mé.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô hạn lượng, nên chẳng có danh tự, ngữ ngôn nào có thể diễn đạt được. Bát nhã Ba-la-mật là vô hạn lượng, còn danh tự, ngữ ngôn đều là hạn lượng vậy.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật là vô hạn lượng?

Phật dạy: Này A Nan! Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô tận, nên là vô hạn lượng. Vì Bát nhã Ba-la-mật là ly, nên là vô hạn lượng.

Này A Nan! Chư Phật quá khứ, do học Bát nhã Ba-la-mật, mà được độ, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô tận. Chư Phật hiện tại và vị lai cũng do học Bát nhã Ba-la-mật, mà đang được độ, sẽ được độ, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô tận.

Này A Nan! Như hư không chẳng cùng tận, Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng cùng tận, 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng cùng tận.

Vì sao? Vì hết thảy pháp đều là vô sanh; mà đã là vô sanh, thì cũng tức là vô tận vậy.

Lúc bấy giờ, Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, trùm cả mặt, và bảo ngài A Nan rằng: Từ nay, ở giữa 4 chúng, ta sẽ thuyết giảng rộng rãi Bát nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt, khiến tất cả đều hiểu được dễ dàng.

Vì sao? Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thảy các pháp tướng. Người cầu Thanh Văn đạo... dẫn đến người cầu Phật đạo đều cần phải học, và học ở trong đó, tất cả đều được thành tựu.

Này A Nan! Thâm Bát nhã Ba-la-mật này nhiếp hết thảy các "tự môn"; hành thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ vào được các đà la ni môn; Bồ tát được các đà la ni môn rồi, sẽ được biện tài vô ngại.

Này A Nan! Bát nhã Ba-la-mật là diệu pháp của chư Phật trong ba đời. Bởi vậy nên ta, vì ông, giảng dạy rõ ràng rằng: "Nếu có người nào thường thọ trì, đọc tụng, biên chép thâm Bát nhã Ba-la-mật này, thì phải biết đó là người thường thọ trì Vô Thượng Bồ Đề, là pháp tạng của chư Phật trong ba đời".

Này A Nan! Ta nói Bát nhã Ba-la-mật là đôi chân của người tu hành; người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là người vào được các đà la ni, thọ trì được hết thảy các pháp.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích hỏi Phật rằng, "Những lời ông đáp có tùy thuận theo pháp, có phải là chánh đáp chăng"? Vì sao Phật dạy: "Chỗ vị Đế Thích đáp đều tùy thuận theo pháp cả"?*

Đáp: Vì Đế Thích tự niệm rằng mình tuy có nhiều phước

đức, nhưng vì chưa được lậu tận, chưa khắp biết các pháp, lại sợ có lầm lỗi, nên đã thưa hỏi Phật như vậy. Hơn nữa, vì trong chúng hội có nhiều Bồ tát sơ phát tâm, nhiều vì chư thiên chưa ly dục, còn khởi nghi tâm, lại vì chính bản thân của mình cũng còn có chỗ nghi, nên vị Đế Thích mới đứng lên thưa hỏi Phật như vậy.

Phật biết rõ vị Đế Thích, tuy chỉ mới Tu-đà-hoàn, tuy chưa được Nhất thiết chủng trí, nhưng đã nhiều phen theo Phật nghe thuyết giảng về Bát nhã Ba-la-mật, đã từng thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, nên đã y theo lý trong Bát nhã Ba-la-mật mà nói ra. Do vậy mà Phật bảo vị Đế Thích rằng, "Chỗ ông đáp đó đều tùy thuận theo chánh pháp, đều đúng theo chánh lý".

Ở đây, nên biết rằng: "Có 3 thứ huệ. Đó là văn huệ, tư huệ, và tu huệ."

Người đã được "văn huệ" và "tư huệ" là người đã minh liễu được các pháp, nên có thể cùng người "tu huệ" pháp đàm vậy. Ví như người đi thuyền theo dòng nước, dù chẳng có dùng nhiều sức, cũng đã có thể đi mau hơn người đi bộ. Cũng như vậy, ví như ngài A Nan, tuy chưa ly dục, chưa vào được thâm thiền định, nhưng do đã có đầy đủ văn huệ và tư huệ, nên thường thưa hỏi Phật về nghĩa lý thâm sâu của Bát nhã Ba-la-mật, và những lời ngài nói ra đều tùy chánh pháp, chẳng có sai trái.

Vị Đế Thích bạch Phật: Trong hàng đại đệ tử của Phật, ngài Tu Bồ Đề là vị "đệ nhất không hành". Ngài Tu Bồ Đề ưa nói về pháp "không" nên chỗ ngài nói ra đều là không, là vô tướng, là vô tác. Khi ngài thuyết về 4 niệm xứ... dẫn đến khi ngài thuyết về Vô Thượng Bồ Đề ngài đã khéo hòa hợp với rốt ráo không.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ ở đời nay, mà trong nhiều đời trước, Tỳ-kheo Tu Bồ Đề đã từng tu pháp "không". Ông Tu Bồ Đề đã do "Không giải thoát môn" mà vào được đạo; rồi ông cũng dùng pháp môn ấy mà giáo hóa chúng sanh. Ông biết rõ 6 pháp Ba-la-mật bất khả đắc, 37 Phẩm Trợ Đạo bất khả đắc, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, huống nữa là người hành các pháp các pháp ấy; ông biết rõ Như Lai bất khả đắc, 32 tướng tốt bất khả đắc, 80 vẻ đẹp bất khả đắc, huống nữa là người đắc các pháp ấy.

Thế nhưng công hạnh của ông Tu Bồ Đề chẳng sao sánh bằng công hạnh của Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật; trong trăm phần, ngàn phần, muôn ức phần... chẳng sao bằng được một.

Hỏi: *Đã nói "pháp không" và "chúng sanh không", thì còn gì nữa nói đến chỗ tận cùng. Như vậy, vì sao còn nói trong trăm phần, ngàn phần v.v... chẳng sao bằng được một?*

Đáp: Trên đây nói trong hàng Thanh Văn, thì ngài Tu Bồ Đề là vị Tỳ-kheo hành pháp "không" vào bậc nhất. Thế nhưng, ngài cũng chưa thể nhập được vào nơi thật tướng pháp, vào nơi rốt ráo không. Phật dạy: Trừ Phật ra, thì các vị đại Bồ tát thù thắng hơn các vị Thanh Văn hành pháp "không".

Vì sao? Vì trí huệ có chỗ cạn, có chỗ sâu, nên vào pháp "không" cũng có cạn có sâu vậy. Chỉ những người lợi căn, lợi trí, mới vào được nơi thật tướng pháp; khi vào được rồi, thì mới minh liễu được hết thảy các pháp. Ví như đèn được thắp sáng, thì phá được bóng tối. Đèn sáng ít chỉ phá được một phần bóng tối, đèn càng sáng thêm nhiều, thì bóng tối càng bị phá nhiều hơn. Đèn trước phá được bóng tối, nhưng chưa tận phá; đèn sau cùng phá bóng tối đến chỗ cùng tận.

Bởi vậy nên, tuy đều được đạo, nhưng trí huệ của người

tu hành có độn, có lợi sai khác nhau; do vậy mà chỗ phá vô minh cũng phân biệt có chỗ chưa tận, có chỗ tận.

Chỉ có trí huệ Phật mới tận diệt được vô minh; còn trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chỉ mới trừ được một phần vô minh. Lại nữa, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chưa có đầy đủ từ bi, chưa đầy đủ nguyện độ hết thảy chúng sanh, nên chẳng có được vô lượng Phật pháp; chưa đầy đủ nguyện thanh tịnh Phật độ, nên chẳng chuyển được pháp luân. Trái lại, do hạnh nguyện độ sanh, nên Bồ tát khi hành Phật đạo, chẳng những hành "không" có hạn lượng của hàng Nhị thừa, mà còn dùng hạnh "không" vô hạn lượng của Phật và chư đại Bồ tát.

Ví như người đang khát nước, tìm đến sông để giải khát, bất quá chỉ uống no bụng rồi thôi, chẳng thể uống nhiều hơn nữa được. Cũng như vậy, công hạnh của hàng Nhị thừa, tuy rất nhiều, nhưng chẳng sao sánh được với công hạnh của hàng đại Bồ tát; trong trăm phần, ngàn phần, vạn ức phần... chẳng sao có thể bằng được một.

Sau khi đã phân biệt về hạnh "không" của hàng Nhị thừa và của chư đại Bồ tát, Phật nói với vị Đế Thích rằng, "Bồ tát muốn độ hết thảy chúng sanh, muốn có công hạnh tối thượng trong hết thảy chúng sanh, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật".

Nơi đây, Phật mật ý nói rằng: "Bồ tát học và hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng chấp có học, có hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng chấp "không", nên được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, thù thắng hơn hàng Nhị thừa; khi Bồ tát được đầy đủ hết thảy Phật pháp, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, thì được gọi là Phật.

Cũng nên biết rằng: "Tận đoạn hết thảy phiền não và tập khí là căn bản của việc hành không".

Hỏi: *Niết bàn là vô lượng. Vì sao nói chỗ hành của hàng Nhị thừa là có hạn lượng?*

Đáp: Đây là nói về trí huệ có phần hạn lượng, chẳng phải là nói tánh của các pháp có hạn lượng. Ví như bình chứa chỉ dung chứa số nước có hạn lượng, chẳng phải là nước trong biển lớn có hạn lượng vậy.

Lại nữa, "hữu lượng tướng" và "vô lượng tướng" chỉ là những tướng tương đãi giữa các pháp mà thôi.Ví như hàng phàm phu, do chẳng suy lường được về các pháp, nên nói có vô lượng pháp; còn đối với Phật, thì các pháp là hữu lượng. Lại ví như Thanh Văn pháp và Bích Chi Phật pháp là hữu lượng, còn Bồ tát trú nơi pháp tánh, nên nói Bồ tát pháp là vô lượng.

Hỏi: *Chư thiên tán hoa cúng dường Phật và Tăng. Vì sao 800 vị Tỳ-kheo lại đem hoa cúng dường riêng Phật.*

Đáp: Chư thiên đem thiên hoa cúng dường Phật và chư Tăng.

Các hoa với hương sắc vi diệu này rơi lên trên y của chư vị Tỳ-kheo. Số 800 vi Tỳ-kheo này phát tâm hành vô thượng hạnh, nên đã đem các thiên hoa rơi trên y của mình đến cúng dường Phật, và bạch với Phật rằng: "Chúng con nguyện hành vô thượng hạnh, là hạnh rốt ráo không, vô tướng và vô tác, bình đẳng độ hết thảy chúng sanh".

Phật mỉm cười và dạy: 800 Tỳ-kheo này đều là thiện tri thức của nhau, cùng hành tâm bình đẳng, đời đời cùng tu tập các công đức, sẽ cùng đem thiên hoa 5 sắc đến cúng dường chư Phật, sẽ đồng thời được thành Phật, cùng một hiệu là Ngũ Sắc Thiên Hoa.

Nhân dịp này, Phật nói với ngài A Nan rằng: Bồ tát muốn có được công hạnh tối thượng, thì phải hành Bát nhã Ba-

la-mật. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy đời trước đã ở trong loài người hoặc đã ở cõi trời Đâu Suất, đã từng nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung mới sanh về đây, để tiếp tục nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì chúng sanh ở 3 đường ác chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được; chư thiên cõi Dục, do chấp đắm 5 diệu dục lạc, cũng chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được, chư thiên các cõi Sắc và Vô Sắc, do chấp thiền vị, cũng chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được. Loài người vừa thọ khổ, vừa thọ lạc, chẳng phải như chư thiên chỉ toàn thọ lạc. Bởi vậy nên trong loài người có nhiều thuận lợi để hành Bát nhã Ba-la-mật hơn.

Những người hành Bát nhã Ba-la-mật thường từ cõi trời Đâu Suất, sau khi mạng chung, thọ sanh về đây. Vì sao? Vì ở cõi trời Đâu Suất thường có các Bồ tát nhất sanh Bổ xứ đến thuyết pháp. Chư thiên ở cõi trời Đâu Suất, tuy cũng hưởng thọ 5 diệu dục lạc, nhưng vì pháp lực thù thắng, nên có được thiện duyên nghe pháp. Hàng Nhị thừa ở các cõi trời khác cũng thường đến cõi trời Đâu Suất nghe pháp.

Phật dạy ngài A Nan rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà thường thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, lại thường thưa hỏi về Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy thường được chư Phật hộ niệm; ở đời trước, người ấy đã từng theo chư Phật, gieo trồng thiện căn, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa. Người có tín tâm bất hoại, có trí huệ thanh tịnh như vậy, thì phải biết người ấy đời trước đã cúng dường vô lượng Phật, và đã được vô lượng chư Phật và chư thiện tri thức hộ trì.

Hỏi: *Phật là phước điền vô lượng; người trồng thiện căn nơi phước điền Phật, dù hành thừa pháp nào trong 3 thừa*

pháp, cũng đều đến được Niết bàn cả. Vì như trong kinh Pháp Hoa nói, "Người cầm một cành hoa, một nén hương... cúng dường Phật, ... dẫn đến người chỉ biết niệm Nam mô Phật cũng đều được Phật độ cả". Như vậy, người hành 5 Ba-la-mật kia chỉ cần quán "không" là có thể vào Phật đạo rồi, đâu cần phải thường hành Bát nhã Ba-la-mật, là pháp khó hành, khó đắc?

Đáp: Phật dạy ngày A Nan rằng: "Phước điền Phật chẳng phải hư dối. Chúng sanh trồng thiện căn nơi đây đều được 3 thừa Niết bàn.

Tuy nhiên, khi tu hành 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, thì hành giả phải dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật để quán chiếu các pháp, mới thấu triệt được tánh không của các pháp, vào được thật tướng pháp; như vậy mới mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau thoát ra khỏi sanh tử, khổ đau. Bát nhã Ba-la-mật có công hạnh tối thượng như vậy, nên ta phó chúc cho các người phải hành Bát nhã Ba-la-mật".

Hỏi: *Phật là đấng vô ngại giải thoát, thanh tịnh, vi diệu, chẳng còn có lòng tham; chẳng có tham đắm Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy vì sao Phật lại đem Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ngài A Nan, tợ như có tham đắm Bát nhã Ba-la-mật vậy?*

Đáp: Chư Phật vì lợi ích chúng sanh mà xuất thế, lại cũng vì chúng sanh nói những điều lợi ích, nên chẳng có lỗi lầm gì cả. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật tận đoạn được các khổ; Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải do dùng lời nói mà có thể diễn đạt được thâm nghĩa, nên Phật mới đem kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ngài A Nan.

Lại nữa, những người có mặt trong chúng hội thấy Phật ân cần phó chúc cho ngài A Nan như vậy, đã tự niệm rằng,

"Phật đã làm xong đại sự, mà còn quý trọng Bát nhã Ba-la-mật, ắt pháp ấy phải là tôn quý, vi diệu", nên càng thâm tín Bát nhã Ba-la-mật nhiều hơn nữa.

Ví như có ông trưởng giả giàu có, khi sắp chết, đem tất cả của cải cho các con, nhưng riêng viên ngọc như ý bảo châu, thì ông ân cần phó chúc. Viên bảo châu này trrong suốt như hư không, nhưng khi đặt trước các vật lại hiện ra đủ màu sắc vi diệu. Giữ gìn các vật báu khác còn rất khó, huống nữa là gìn giữ như ý bảo châu này, nên ông trưởng giả phải ân cần phó chúc cho các con vậy.

Trong thí dụ này, ông trưởng giả dụ cho Phật; viên như ý bảo châu dụ cho Bát nhã Ba-la-mật.

Phật phó chúc các ngài A Nan rằng: "Ông nên giữ gìn Bát nhã Ba-la-mật, chớ nên để thất lạc. Nếu để mất 12 bộ kinh, thì lỗi ấy cũng nhỏ; còn để mất một câu trong kinh Bát nhã Ba-la-mật, thì phạm lỗi rất lớn". Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương chư Phật, khiến người tu hành thâm pháp ấy mau được Vô Thượng Bồ Đề. Như trong kinh nói chư Phật ở cả 3 đời đều hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác; cho nên dù thuyết pháp cho hàng Thanh Văn, khiến mọi người đều được A-la-hán cũng chẳng bằng được tự mình hành Bát nhã Ba-la-mật, và dạy người hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói thuyết pháp cho hàng Thanh Văn khắp cõi đại thiên thế giới cũng chẳng bằng được dạy cho hàng Bồ tát, hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ dạy một câu mà thôi?*

Đáp: Dạy pháp Thanh Văn trong khắp cõi đại thiên thế giới, thì cũng chỉ là dạy cho chúng sanh về pháp tự độ, nên chẳng sao có thể bằng được dạy cho Bồ tát một câu trong

kinh Bát nhã Ba-la-mật vậy. Vì sao? Vì dạy Bát nhã Ba-la-mật là dạy làm Phật, khiến chúng sanh được đại lợi ích, nên thù thắng hơn nhiều.

Ví như người trồng cây "như ý" sẽ có được quả "như ý". Pháp Thanh Văn chẳng dạy phát tâm đại bi; còn Bát nhã Ba-la-mật dạy phát tâm đại bi, nên thù thắng hơn nhiều. Thanh Văn tu Tiểu Thừa nhằm tự độ, còn Bồ tát tu Đại thừa nhằm độ tha, nên được công đức vô lượng. Ví như hạt kim cương, tuy nhỏ bé, nhưng có giá trị rất lớn so với các vật báu khác.

Phật dạy: "Bồ tát muốn được Vô Thượng đạo, và cũng muốn độ người, khiến họ được Vô Thượng đạo, nên tự mình hành 6 pháp Ba-la-mật và cũng dạy người hành 6 pháp Ba-la-mật". Như vậy, Bồ tát thành tựu cả 2 phần công đức, nên thù thắng hơn hàng Thanh Văn.

Phật cũng nêu đủ các điều dẫn chứng cho thấy Bồ tát hành "không" mà chẳng có chấp "không", nên được vô lượng công đức.

Phật vì thương xót 4 chúng, nên đã hiện thần lực, khiến cả đại chúng đều thấy được thế giới của Phật A Súc; nơi đó Phật A Súc đang thuyết pháp cho 7 chúng Tỷ-kheo tăng. Chỉ có huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn mới thấy được như vậy. Vì sao? Vì chư thiên dùng thiên nhãn và nhục nhãn cũng chẳng sao thấy được pháp vô tướng, vô vi, chẳng biết rằng thế giới ấy hiện ra như huyễn, như mộng. Bồ tát quán thế giới ấy là như vậy, và cũng quán các sắc pháp đều là như vậy cả.

Bởi vậy nên Phật phó chúc cho ngài Tu Bồ Đề rằng: "Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà vô sở trước, nên là vô sở hành". Phật tán thán, "Bồ tát vì lợi ích chúng sanh mà phát đại từ bi, hành Bát nhã Ba-la-mật, nhằm độ thoát chúng sanh". Phật cũng tán thán: "Bát nhã Ba-la-mật là bất khả

tư nghì, là vô tận tướng", nên đã phó chúc cho ngài A Nan, "Phải hành Bát nhã Ba-la-mật".

Kinh tán thán: "Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ bất khả tận của chư Phật, nên công đức Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả tận. Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng tướng, nên Bát nhã Ba-la-mật nghĩa cũng là vô lượng.

-o0o-

Ngài A Na hỏi Phật: Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng?

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là tự tướng ly; mà ly là vô sanh, nên là vô tận, vô diệt.

Phật nói tiếp: Trong quá khứ đã có vô lượng chúng sanh được độ, và đã vào Vô Dư Niết bàn. Ở hiện tại và ở vị lai, chúng sanh cũng là vô lượng, nên muốn độ chúng sanh như vậy chẳng khác gì muốn độ hư không. Hư không là vô tận, nên Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng vô tận. Vì các pháp vốn vô sanh, nên chẳng tận vậy. Số kinh điển có hạn lượng; một khi kinh điển bị thất lạc, thì người đời sau chẳng rõ được Bát nhã Ba-la-mật nghĩa, nên Phật mới ân cần phó chúc cho ngài A Nan giữ gìn Bát nhã Ba-la-mật.

Phật lại đem tướng lưỡi rộng dài, để chứng minh cho lời nói chân thật, và phó chúc cho 4 chúng rằng: "Các ngươi hãy vì chúng sanh thuyết giảng, khai thị, phân biệt, khiến chúng sanh dễ hiểu. Ta vì độ chúng sanh mà cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, nên ta muốn các ngươi tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, và thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cho chúng sanh nghe. Khi được Bát nhã Ba-la-mật rồi, các ngươi sẽ được vô quái ngại, như chim bay giữ hư không, chẳng gì ngăn ngại vậy".

Phật lại dạy ngài A Nan rằng: Hành Bát nhã Ba-la-mật là vào được các "tự môn", được các đà la ni môn; được các đà la ni rồi, là được biện tài vô ngại. Người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của 3 đời chư Phật. Bát nhã Ba-la-mật là đôi chân của người tu hành, vì vào được Bát nhã Ba-la-mật là minh liễu được hết thảy các pháp".

Hỏi: *Nhờ nghe, mà có được Văn Trì đà la ni. Sao lại nói nhờ hành Bát nhã Ba-la-mật, mà có được các đà la ni?*

Đáp: Nghe và học các pháp thế gian cũng có được Văn Trì đà la ni, nhưng công năng chỉ có hạn lượng. Ví như hàng ngoại đạo cũng có được Văn Trì đà la ni, nhưng vẫn dễ bị quên sót. Nếu có lực Bát nhã Ba-la-mật, thì được Văn Trì đà la ni rồi, sẽ có thể nghe và ghi nhớ hết các kinh điển, chẳng có quên sót.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật. Sao cũng gọi là đà la ni?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng pháp, có đại lợi ích cho chúng sanh, nên được nhiều người ái niệm, và đặt cho nhiều tên, ví như Phật có nhiều danh hiệu vậy. Bát nhã Ba-la-mật là thật trí huệ. Nhờ lực Bát nhã Ba-la-mật mà nghe là liền ghi nhớ, nên được đà la ni v.v... Bát nhã Ba-la-mật hợp với tất cả các pháp, như viên như ý bảo châu đặt trước vật gì liền biến thành sắc của vật ấy vậy.

(Hết quyển 79)

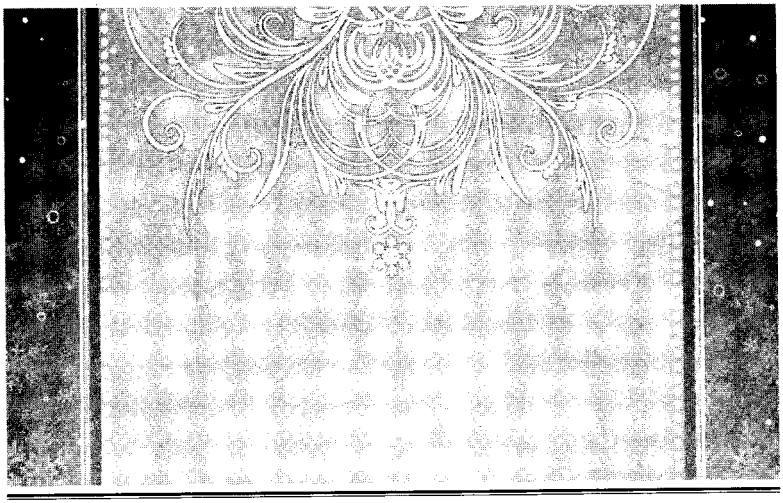

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Quyển 80

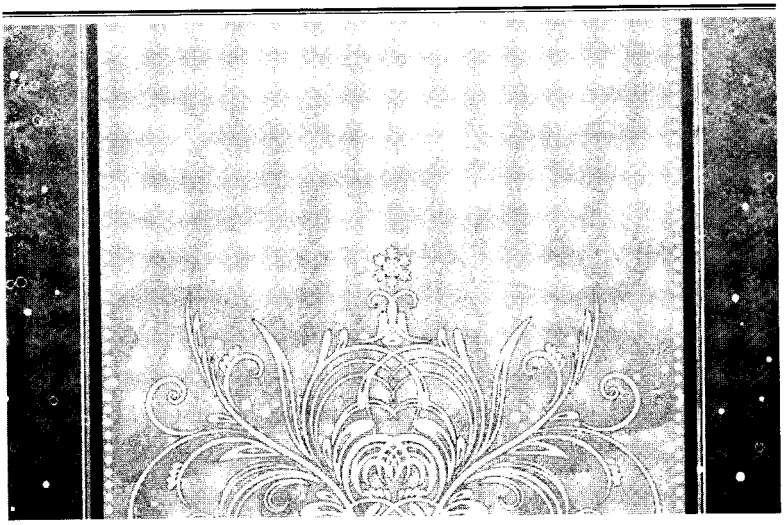

Phẩm Thứ Sáu Mươi Bảy

Bất Khả Tận
(Chẳng Cùng Tận)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng:"Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá thậm thâm, ta nên thưa hỏi Phật". Nghĩ như vậy rồi, ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật phải sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến thức bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; ... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh.

Này Tu Bồ Đề! Vì vô minh không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì hành không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì thức không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì danh sắc không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh, vì 6 nhập không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì xúc không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh, vì thọ không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải

sanh; vì ái không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì thủ không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì hữu không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì sanh không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì lão tử ưu bi khổ não không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh.

Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật của Bồ tát Ma-ha-tát phải sanh. Pháp quán 12 nhân duyên như vậy là pháp riêng của Bồ tát, hay trừ được các biên tế chấp điên đảo. Khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải quán như vậy mới được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Nếu khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát nào dùng pháp hư không bất khả tận để quán 12 nhân duyên, mà chẳng lạc về Nhị thừa địa, thì phải biết Bồ tát ấy đã được an trú nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Bồ tát đạo mà thối chuyển là người đã xa rời Bát nhã Ba-la-mật. Người ấy chẳng biết, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, phải dùng pháp hư không bất khả tận như thế nào để quán 12 nhân duyên.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Bồ tát đạo mà chẳng có các lực phương tiện mới thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát do có đầy đủ các lực phương tiện, nên ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng còn thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải dùng pháp hư không bất khả tận để quán Bát nhã Ba-la-mật; phải dùng pháp hư không bất khả tận để sanh khởi Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi quán 12 nhân duyên, chẳng thấy có pháp nào chẳng phải chẳng do 12 nhân duyên mà sanh; chẳng thấy có pháp nào thường

còn, chẳng có diệt; chẳng thấy có pháp nào có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ giả... dẫn đến có tri giả, có kiến giả; chẳng thấy có pháp nào là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tịch diệt, là chẳng tịch diệt.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải như vậy mà quán 12 nhân duyên.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, chẳng thấy sắc là khổ hay lạc, chẳng thấy sắc là ngã hay vô ngã, chẳng thấy sắc là tịch diệt hay chẳng tịch diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có dùng pháp ấy khi hành Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có dùng pháp ấy để được Vô Thượng Bồ Đề. Hết thảy pháp bất khả đắc như vậy, là đúng với hạnh Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát hành vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì các ác ma sẽ sầu khổ, như bị mũi tên đâm thủng tim, như có cha mẹ mới chết vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thảy các ác ma đều sầu khổ như vậy chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khắp cõi đại thiên thế giới, hết thảy các ác ma đều sầu khổ như bị mũi tên đâm thủng tim, chẳng được an ổn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên hết thảy thế gian, trời, người và a-tu-la chẳng thể phá hoại được. Bởi nhân duyên vậy nên Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nếu có được bao nhiêu công đức, Bồ tát cũng đều hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật.

LUẬN:

Phật lần lượt giải rộng về các tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Trước hết, Phật nói tướng của Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không; kế đó, Phật đem Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ngài A Nan, tợ như Bát nhã Ba-la-mật có tướng; sau hết, Phật lại rộng thuyết về nghĩa "không" là nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy thì Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng nghĩa, mà văn tự ngữ ngôn thì có hạn lượng, nên các kinh điển chẳng sao có thể diễn bày hết được.

Ngài A Nan tự nghĩ rằng: "Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá thậm thâm, phải nên thưa Phật để được rõ". Nghĩ như vậy, nên ngài hỏi Phật: Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận chăng?

Phật dạy với nội dung: Ta chỉ nói có một phần ít để phá chấp điên đảo của chúng sanh, mà chẳng nói đầy đủ nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì có rất ít người nghe mà thọ hết được. Đối với người còn chấp "như tướng", thì ta nói với họ rằng "như" cũng là "không", là chẳng có "sanh, trụ, dị, diệt". Nếu pháp chẳng có

"sanh, trụ, dị, diệt", thì tức là "vô pháp", là pháp tánh thật tế. Đối với người chấp "rốt ráo không", thì ta nói với họ rằng "rốt ráo không" là "chẳng có rốt ráo không". Vì sao? Vì nếu là rốt ráo không, thì chẳng có định tướng, nên cũng chẳng có tướng "rốt ráo không" vậy. Cho nên nói Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm.

Ngài Tu Bồ Đề lại tự nghĩ rằng: "Chư Phật, trong ba đời và khắp 10 phương, do hành Bát nhã Ba-la-mật mà được đạo. Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật phải là bất khả tận". Nghĩ như vậy, nên ngài hỏi Phật về nghĩa bất khả tận.

Phật dạy: Như hư không bất khả tận, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả tận. Như hư không là chẳng phải pháp, chỉ có ở nơi danh tự, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Như hư không là vô sở hữu, nên là bất khả tận, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Vì sao Bát nhã Ba-la-mật phải sanh? Vì sao Bồ tát sanh tâm hành Bát nhã Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Sắc bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh. Sắc sanh, sắc trú, sắc dị, sắc diệt đều là bất khả đắc, thì sắc ở nơi sắc sanh cũng bất khả đắc, mà ly sắc sanh, thì sắc cũng bất khả đắc.

Sanh bất khả đắc, thì sắc sanh cũng bất khả đắc. Cho nên nơi sanh bất khả đắc, thì sắc bất khả đắc; sắc bất khả đắc, thì sanh bất khả đắc. Cả hai pháp đó đều bất khả đắc, nên sắc là như huyễn, như mộng, chỉ làm cho người lầm chấp mà thôi. Sắc có sanh, mới có tận; nếu sắc là vô sanh, thì cũng là vô tận vậy. Thật tướng của sắc là thật tướng của Bát nhã Ba-la-mật, nên nói sắc bất khả tận, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

Lại nữa, vì vô minh của chúng sanh bất khả tận cũng như hư không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh. Vì sao? Vì chỉ quán rốt ráo không, thì rơi về chấp đoạn; nếu chỉ chấp thường, thì do thường kiến mà phải bị rơi về chấp thường. Phải xa lìa cả hai chấp đoạn và thường, thì mới chẳng có lỗi lầm. Cho nên nói phải dùng pháp hư không bất khả tận để quán 12 nhân duyên. Vì sao? Vì các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh là chẳng có định tướng; mà pháp chẳng có định tướng tức là pháp rốt ráo không, là tịch diệt tướng, là lìa cả hai bên, nên mới giả danh nói đến "trung đạo". Nếu dùng pháp hư không bất khả tận, tức là dùng vô pháp, để quán 12 nhân duyên, thì cũng biết rõ "si tánh" cũng do nhân duyên sanh, nên cũng chẳng có tự tướng; mà đã chẳng có tự tướng, thì cũng là rốt ráo không, như hư không vậy.

Lại nữa, các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên là chẳng có thật. Như trong kinh nói: "Do mắt thấy trần mà khởi sanh niệm về xúc". Thế nhưng "xúc niệm" ấy là do "si tâm" sanh ra, chẳng phải ở nơi sắc trần, chẳng phải ở nơi nội tâm, chẳng phải ở nơi ngoại cảnh, cũng chẳng phải ở chặng giữa, nên là bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp đều là "như tánh". Người có trí huệ biết rõ phàm phu, do bị vô minh che tâm trí, mà chấp có "si tánh"; biết rõ thật tướng của si mê chính là thật tướng của trí huệ. Phàm phu, do chấp tướng, mà thành si mê, mà chẳng biết rằng "si mê" và "trí huệ", ở nơi thật tướng, vốn là thanh tịnh, là như hư không. Bởi vậy, nên nói: "Người quán được như vậy mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, đó là người hành Bát nhã Ba-la-mật".

Hỏi: *Nếu nói chẳng có vô minh, chẳng có hành... thì như vậy vì sao lại nói đến 12 nhân duyên?*

Đáp: Ở đây, phải xét "12 nhân duyên" theo 3 trường hợp khác nhau. Đó là:

1. Phàm phu dùng nhục nhãn chỉ thấy một cách điên đảo. Do tâm chấp ngã, chấp pháp, mà phải qua lại trong 6 đường sanh tử.

2. Chư Thánh Hiền dùng pháp nhãn phân biệt các pháp, nên nhàm chán sanh tử, muốn ra khỏi thế gian, vì biết rõ nhân duyên phiền não kết thành nghiệp mà có "sanh"; trái lại, nếu chẳng có phiền não thì cũng chẳng có "sanh. Lại nữa, do biết rõ nhân duyên sanh ra phiền não là vô minh, nên phải xả; biết rõ nhân duyên tu trì giới, thiền định, trí huệ là gốc của thiện căn dẫn đến Niết bàn, nên phải thủ. Lại nữa, do biết các pháp chẳng có định tướng, theo nhân duyên mà hư vọng tương tục sanh, nên xả các chấp về tri giả, kiến giả. Người tu hành biết rõ các pháp đều là hư giả, chẳng thật có, nên chẳng khởi sanh hý luận. Do vậy mà diệt được các khổ.

3. Chư vị đại Bồ tát là những bậc lợi căn, thượng trí, quán rõ căn bản của 12 nhân duyên, nên chẳng lo, chẳng sợ; biết rõ các pháp chẳng có định tướng, đều là rốt ráo không, chỉ giả danh có; biết rõ do khởi tâm phân biệt mới có các pháp tướng, mà các pháp tướng đều là bất khả đắc cả. Ví như nói đầu tóc bạc là tướng già, nhưng tướng đầu tóc bạc và tướng già đều là bất khả đắc cả, nên là chẳng có tướng già vậy. Người thế gian thường nói người già có đầu bạc, răng long, mặt nhăn, cơ thể suy nhược, các căn ám độn v.v..., nhưng thật ra tướng già chẳng phải là hoàn toàn như vậy. Vì sao? Vì đầu bạc chẳng phải chỉ người già mới có, mà rất nhiều người trẻ cũng có; lại có người già mà còn sáng suốt, lanh lợi, trong lúc đó có rất nhiều người trẻ ám độn, si mê; lại có người già vẫn còn mạnh mẽ, tráng kiện, trong lúc đó có rất nhiều người trẻ suy nhược, gầy yếu. Như vậy là "già" và "trẻ" đều chẳng

có định tướng, chỉ do các nhân duyên hòa hợp, mà giả danh có tướng già hay tướng trẻ đó thôi.

Lại có thuyết nói: "Tướng hoại của 5 ấm là tướng già". Cũng chẳng phải là như vậy. Vì sao? Vì hết thảy pháp hữu vi đều niệm niệm sanh diệt, chẳng có trú, nên là vô tướng; nếu các pháp chẳng có tướng, thì chẳng có tướng già vậy. Còn nếu nói các pháp hữu vi có trú, thì chẳng phải là vô thường, nếu chẳng phải là vô thường thì tức là thường; nếu là thường, thì chẳng có phân biệt già với trẻ; nếu các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, thì là rốt ráo không, mà trong rốt ráo không, thì chẳng có tướng sanh, huống nữa là tướng già, nên chẳng có già hay trẻ vậy.

Như vậy là Bồ tát biết rõ hết thảy các nhân duyên cầu pháp đều là bất khả đắc; vì là bất khả đắc, nên là vô tướng, là như hư không; vì là bất khả đắc, nên là bất khả tận. Tất cả 12 nhân duyên, từ vô minh... dẫn đến lão tử đều là như vậy cả.

Bởi vậy nên muốn phá vô minh, Bồ tát quán các pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, là bất khả đắc, mà cũng chẳng sanh tâm chấp các pháp là như vậy, nên ở nơi hết thảy chúng sanh thường trải rộng tâm đại bi, chẳng rời bỏ chúng sanh vậy.

Những lời giải bày trên đây cho thấy rõ phàm phu, Nhị thừa và Bồ tát có cách nhìn hoàn toàn khác nhau về 12 nhân duyên:

- Phàm phu, do ngu si, nên ở các pháp hư vọng mà khởi các chấp điên đảo, khiến phải thọ bao nhiêu khổ não, chẳng sao thoát ra khỏi chu trình khép kín của 12 nhân duyên được.

- Hàng Nhị thừa, do chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, nên ở nơi 12 nhân duyên, chẳng rốt ráo cầu CÓ, hay cầu KHÔNG.

- Bồ tát, từ khi vào được vô sanh pháp nhẫn... dẫn đến khi tọa đạo tràng, thường dùng pháp hư không bất khả tận

để quán 12 nhân duyên, từ vô minh... dẫn đến lão tử, đều bất khả đắc, đều là như hư không bất khả tận. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thâm quán 12 nhân duyên như vậy, nên ly được cả hai biên điên đảo, ly CÓ và cũng ly KHÔNG, ly thường và cũng ly đoạn.

-o0o-

Ở nơi đây, cũng nên biết có hai loại phiền não:

- Hàng ngoại đạo, do tà kiến chấp, mà sanh phiền não.

- Chúng sanh, do si mê điên đảo, mà sanh phiền não. Khi Bồ tát, tọa đạo tràng, dùng pháp hư không bất khả tận, quán 12 nhân duyên như đã nói trên đây, thì cả hai loại phiền não đều diệt sạch. Bởi vậy nên nói pháp quán 12 nhân duyên như vậy là thâm pháp. Trong kinh *Thí Dụ*, Phật dạy rằng: "Khi chưa được đạo, ta tư duy về trường hợp đáng thương xót của chúng sanh cứ mãi qua lại trong các đường sanh tử, mà chẳng sao tìm được lối thoát". Tức thời, ta tự nghĩ, "Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết? Từ đó, ta tầm cầu được thật trí huệ bằng 3 pháp quán, đó là quán không, quán giả và quán trung đạo. Đến khi tọa đạo tràng, ta mới đầy đủ 3 pháp đó".

Phật quán các pháp nhân duyên như vậy, nên vượt qua hàng Nhị thừa, thẳng đến Nhất thiết chủng trí. Nếu người cầu Phật đạo, mà chẳng tu được pháp quán thậm thâm này, thì sẽ bị thối tâm; trái lại, nếu tu được pháp quán này, thì sẽ chẳng bị thối tâm.

Vì sao? Vì khi đã thâm nhập vào nơi rốt ráo không, mà chẳng trú trong không, để quán các nhân duyên pháp sanh, thì chẳng thấy bất cứ pháp nào mà chẳng do nhân duyên hòa hợp sanh ra cả. Nhưng nếu biết rõ các pháp đều chẳng tự tại,

đều do nhân duyên sanh, mà tà chấp về nhân duyên, chẳng thấy được rằng nhân duyên sanh cũng là vô nhân duyên sanh, là như hư không bất khả tận, thì như vậy cũng chẳng thấy rõ được thật tướng các pháp vậy.

Bồ tát quán biết các pháp đều do nhân duyên sanh là chẳng tự tại, mà chẳng chấp về nhân duyên sanh pháp, nên biết rõ các pháp đều chẳng có ngã... dẫn đến chẳng có tri giả, kiến giả.

Bồ tát quán 12 nhân duyên như vậy, nên an trú trong rốt ráo không; ở trong 12 nhân duyên, Bồ tát chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có dụng hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là Bồ tát dụng vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, được vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật, nên ở nơi hết thảy pháp đều được vô quái ngại.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy khiến các ác ma phải ưu sầu, khổ não. Vì sao? Vì do thâm nhập vào quán pháp 12 nhân duyên rốt ráo không như vậy, nên Bồ tát chẳng còn chấp CÓ, chẳng còn chấp KHÔNG, ở nơi các pháp được bình đẳng, chẳng lọt vào 62 tà kiến chấp của ngoại đạo, ra khỏi lưới ma.

Bồ tát quán hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc, chẳng có pháp nào lọt vào trong lưới ma, khiến các ác ma phải ưu sầu, tuyệt vọng. Cũng như người đánh cá căng lưới, mà nếu cá đều hoặc lặn sâu xuống đáy biển, hoặc nhảy qua khỏi lưới, chẳng có con cá nào lọt vào lưới, thì người ấy sẽ rất ưu sầu, tuyệt vọng vậy. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được đầy đủ các Ba-la-mật khác, vì mọi tà chấp đều bị tiêu trừ.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Vì sao hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà được đầy đủ các Ba-la-mật khác?

Phật dạy: Khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nếu có được bao nhiêu công đức, Bồ tát đều hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật được đầy đủ các Ba-la-mật khác.

Ví như người lợi căn khi hành bố thí, dù nhiều hay ít, đều đem công đức bố thí hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nhằm phá các hý luận điên đảo. Khi đã được đầy đủ các tín lực nơi pháp "không" rồi, thì chẳng còn niệm Nhất thiết chủng trí nữa, mà chỉ trực nhập vào thật tướng pháp.

Nên biết có 2 hạng người chẳng được đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Đó là:

- Người có tín lực nhiều mà huệ lực ít.

- Người có huệ lực nhiều mà tín lực ít.

Bởi vậy nên Phật dạy: Phải có tín lực và huệ lực bình đẳng, mới có thể hồi hướng Nhất thiết chủng trí được.

Niệm Nhất thiết chủng trí là phương tiện dẫn sanh tín lực. Y theo Nhất thiết chủng trí mà hồi hướng là phương tiện dẫn sanh huệ lực. Đối với Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Sáu Mươi Tám

Lục Độ Tương Nhiếp
(Sáu Độ Nhiếp Lẫn Nhau)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thi Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ tát đem tất cả công đức bố thí hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, và dùng từ tâm để khởi các từ nghiệp ở "thân, khẩu và ý" đối với tất cả chúng sanh.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thi Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Sẵn Đề Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, dù bị người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát vẫn nhẫn chịu, chẳng hề sanh tâm sân hận.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Sẵn Đề Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, dù bị người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát tự nghĩ rằng: "Ta vẫn phải hành bố thí, chẳng nên hối tiếc, chẳng nên thối tâm". Nghĩ như vậy rồi, tức thời Bồ tát khởi sanh thân tâm tinh tấn.

Như vậy gọi là Bồ tát trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thiền Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ tát đem tất cả công đức bố thí hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chỉ nhất tâm niệm Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thiền Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ tát biết rõ bố thí là không, là như huyễn, lại cũng chẳng thấy vì chúng sanh mà bố thí là có ích hay chẳng có ích.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi

Ba-la-mật, khởi sanh công đức bố thí ở nơi cả 3 nghiệp "thân, khẩu và ý", rồi đem công đức bố thí hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu, chẳng ỷ ngữ, chẳng xan tham, chẳng sân nhuế, chẳng tà kiến, lại thường hành bố thí, như thấy người đói thì cho họ ăn, thấy người khát thì cho họ uống, thấy người cần áo quần thì cho họ áo quần, thấy người cần chăn mền thì cho họ chăn mền, thấy người cần đèn thắp thì cho họ đèn để thắp sáng, thấy người cần thuốc men thì cho họ thuốc men..., dẫn đến thấy người thiếu các vật dụng cần thiết gì thì cung cấp cho họ đầy đủ; rồi đem công đức bố thí hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật biết có kẻ ác đến mắng nhiếc hay hành hung, mà vẫn chẳng hề sanh một niệm sân hận, vì tự nghĩ rằng: "Người ấy đem lại đại lợi ích cho ta, giúp ta chẳng dấy một niệm sân hận".

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật, mà nhiếp Sẵn Đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật, thường giữ thân tâm tinh tấn, tự nghĩ rằng: "Chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử, ta phải cứu vớt họ, giúp họ được vị Cam Lồ".

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi Ba-la-mật, nhập vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền mà chẳng chứng quả Nhị thừa, mà lại tự nghĩ rằng: "Ta phải trú trong Thiền Ba-la-mật để độ hết thảy chúng sanh".

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Thiền Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp khả đắc, dù là pháp hữu vi, dù là pháp vô vi, thấy hết thảy pháp tợ có sanh diệt, mà đều là như tướng cả. Do có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Ở phẩm trước, ngài Tu Bồ Đề đã nêu câu hỏi, "Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào để được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?". Ở phẩm này, ngài Tu Bồ Đề lại nêu câu hỏi, "Thế nào gọi là hành một pháp Ba-la-mật mà nhiếp được cả 5 Ba-la-mật kia?"*

Cả 6 pháp Ba-la-mật đều có tướng niệm riêng khác. Như vậy là sao có thể hành một pháp Ba-la-mật mà nhiếp được cả 5 pháp Ba-la-mật kia?

Đáp: Do Bồ tát có lực phương tiện, nên hành một pháp Ba-la-mật là có thể nhiếp được 5 pháp Ba-la-mật kia.

Lại nữa, các nhân duyên quả báo hữu vi tương tục nối tiếp; do vậy các pháp mới nương vào nhau mà tương sanh, tương khởi.

Bát nhã Ba-la-mật là thiện pháp, 5 pháp Ba-la-mật kia

cũng là thiện pháp, nên hành một thiện pháp, là nhiếp được cả 5 thiện pháp kia.

Khi có một Ba-la-mật làm chủ tác, thì 5 Ba-la-mật kia cũng giúp phần vào sự tác hành của Ba-la-mật đó.

-o0o-

Ví như khi Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật, thì đồng thời cũng nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia:

* Khi bố thí, Bồ tát dùng tâm từ, khởi các từ nghiệp ở "thân, khẩu và ý" đối với hết thảy chúng sanh.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thi La Ba-la-mật vậy. Vì sao? Vì "từ" là gốc của 3 thiện căn "vô tham, vô sân và vô si", thường dẫn sanh các từ nghiệp "thân, khẩu và ý". Các từ nghiệp này có thế lực đem lại sự an lạc, lợi ích cho chúng sanh.

* Khi bố thí, nếu gặp trường hợp người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát vẫn nhẫn chịu, chẳng khởi sân hận, vì tự nghĩ rằng: "Ta chẳng nên khởi sân nhuế với họ. Vì ta phước mỏng, chẳng có được đủ tài vật để hành bố thí, nên họ mới mắng nhiếc, hành hung ta. Nếu ta sân với họ, thì ta sẽ tự làm mất hết công đức bố thí của ta. Do vậy, ta phải nhẫn nhục đối với họ".

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Sẵn Đề Ba-la-mât vậy.

* Khi hành Bố thí, nếu gặp kẻ ác đến mắng nhiếc, hành hung. Bồ tát vẫn chẳng xả tâm bố thí, vẫn tinh tấn hành bố thí, vì tự nghĩ rằng: "Ở đời trước, khi hành bố thí ta có những ý niệm chẳng được tốt, nên nay ta chẳng làm cho người thọ

thí được vừa lòng. Mặc dù vậy, ta vẫn phải siêng năng, tinh tấn hành tịnh thí".

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật vậy.

* Khi bố thí, Bồ tát chẳng cầu phước lạc ở đời này và cả đời sau, chẳng cầu thế gian thiền định lạc, chẳng nhiếp ý chúng sanh, chẳng để tâm tán loạn, mà chỉ nhiếp Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Thiền Ba-la-mật vậy.

* Khi hành bố thí, Bồ tát thường quán các pháp hữu vi là chẳng kiên cố, là như huyễn, như mộng. Bồ tát cũng chẳng cho việc bố thí là có ích hay chẳng có ích. Vì sao? Vì Bồ tát biết rằng việc bố thí chưa chắc đã đem lại sự an vui cho người thọ thí. Ví như: Cho họ quá nhiều thức ăn có thể làm họ bị bội thực mà chết, cho họ quá nhiều tiền của có thể khiến họ bị kẻ xấu cướp bóc hay làm hại đến thân mạng; cho họ quá nhiều tiền của có thể khiến họ trở thành xan tham, dẫn đến quả báo phải đọa ngạ quỷ v.v...Bồ tát cũng biết rõ tài vật là pháp hữu vi, niệm niệm sanh diệt, là vô thường, là tán hoại, là nhân sanh các khổ; lại cũng biết rõ, ở nơi thật tướng, thì tài vật là rốt ráo không. Do vậy mà Bồ tát chẳng sanh tâm phân biệt việc bố thí có lợi hay chẳng có lợi cho người thọ thí. Khi bố thí, Bồ tát chẳng cầu người thọ thí đền ơn đáp nghĩa, chẳng cầu quả phước báo, nên dù người thọ thí chẳng muốn trả ơn, cũng chẳng có sanh tâm sân hận, chấp trước, vì nghĩ rằng: "Các pháp đều là rốt ráo không, ta cần phải hành bố thí như tướng vậy".

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Vì sao người tu thường đặt "giới" lên hàng đầu?*

Đáp: Người ở cõi Dục thường bị tâm tán loạn, nên cần phải trì giới. Khi đã được đầy đủ trì giới rồi mới phát khởi được các thiện nghiệp ở "thân, khẩu và ý". Có trì giới thanh tịnh mới sanh thiền định, trí huệ, dẫn đến được Niết bàn, giải thoát.

Hàng Thanh Văn còn chấp có tịnh thiền định, có "học pháp", có "vô học pháp", còn Bồ tát trì giới bình đẳng, chẳng chứng Nhị thừa, mà chỉ an trú trong Thi La Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật hồi hướng các công đức bố thí và trì giới về Phật đạo, nên chẳng lạc về Nhị thừa địa. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng làm hai việc phá giới là:

- Theo các nghiệp đạo bất thiện.

- Hồi hướng về Nhị thừa đạo.

Vì Bồ tát chẳng chấp tướng, nên ở hai việc đó, đều được thanh tịnh trì giới cả.

Lại nữa, vì có thêm các pháp Ba-la-mật khác trợ giúp, nên Bồ tát an trú nơi Thi La Ba-la-mật chẳng còn sanh một niệm sân, huống nữa là khởi các ác nghiệp.

Hỏi: *Bất cứ vật sở hữu nào của mình bị xâm phạm mà mình nhẫn được, cũng đều là hành nhẫn nhục cả. Vì sao chỉ nói riêng về thân thể mà thôi?*

Đáp: Nói về vật sở hữu, nên phân biệt có nội vật sở hữu và ngoại vật sở hữu. Nội vật sở hữu liên hệ đến thân thể của mình, như đầu, mắt, tay, chân, tủy, não v.v... Còn ngoại vật sở hữu là những vật sở hữu ở bên ngoài thân thể của mình, như nhà cửa, ruộng vườn, tiền của v.v....

Của cải dù nhiều đến đâu, cũng chỉ dùng để phục vụ

cho đời sống. Người đời thường rất tham đắm của cải. Thế nhưng, khi gặp cơn nguy biến bức bách, do tham sống sợ chết, nên lại sẵn sàng vứt bỏ hết của cải, để bảo toàn mạng sống của mình.

Bồ tát, vì lợi ích chúng sanh, sẵn sàng bố thí thân mạng của mình. Đó là việc mà người đời khó có ai làm được.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát chịu nhẫn nhục, mà chẳng sanh một niệm sân hận? Nếu là thân biến hóa, thì bố thí thân ấy chẳng phải là việc khó làm. Nhưng nếu là thân do cha mẹ sanh ra, thì khi bố thí thân ấy làm sao mà chẳng sanh một niệm sân được?*

Đáp: Trong vô lượng kiếp, Bồ tát đã vì chúng sanh khởi từ tâm, thương chúng sanh như mẹ thương đàn con dại.

Dù con cái có làm những điều sai trái, cha mẹ vẫn chẳng sân hận. Cũng như vậy, dù chúng sanh có làm điều ác đối với mình, Bồ tát chẳng khởi niệm sân đối với họ, vì biết rằng do si mê mà họ có hành động như vậy.

Lại nữa, trải qua vô lượng kiếp tu tập pháp "không", Bồ tát biết người thiện, kẻ ác đều là như huyễn, như hóa; biết rõ sân nhuế là do ngu si, nên chẳng khởi sân nhuế đối với chúng sanh.

Bồ tát nghĩ rằng, "Chỗ đáng sân mà ta chẳng sân, thì như vậy mới có đại lợi ích".

Bồ tát hành Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, an trú trong Thi La Ba-la-mật. Với thâm tâm thường tinh tấn, Bồ tát giữ tất cả các giới của hàng xuất gia và hàng tại gia, thâm nhập vào thật tướng pháp, thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nên được đầy đủ Thi La Ba-la-mật.

Bồ tát tự nghĩ rằng: "Ta nay đã xuất gia, hành Bồ tát đạo, chẳng nên nói trì giới suông, mà phải trú trong các công đức".

Ví như người trèo lên núi để tìm ngọc quý, mà chỉ lượm nhặt toàn hạt thủy tinh, thì chẳng có lợi ích gì. Cũng như vậy, Bồ tát muốn được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật, phải giữ thân tâm tinh tấn, thường hành bố thí, dù phải bố thí thân mạng để làm lợi ích cho chúng sanh. Do tinh tấn hành bố thí như vậy, nên Bồ tát chẳng để cho xan tham, sân hận dấy khởi, dù chỉ là 1 niệm thôi.

Do thường giữ thân tâm tinh tấn, lại do biết rõ chúng sanh đang chìm đắm trong bể khổ sanh tử, nên Bồ tát tự nguyện, "Ta phải nhiếp độ chúng sanh, đưa chúng sanh đến đất Cam Lồ".

Hàng Thanh Văn tu tập vì tự độ, mà còn chẳng giải đãi, huống nữa là Bồ tát tu tập vừa phải tự độ và độ tha. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng bao giờ được giải đãi; dù thân mệt nhọc, vẫn phải giữ tâm tinh tấn. Vì nếu chẳng vận dụng được pháp Đại thừa, nếu chẳng có được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng được chư Phật hộ niệm, mà chỉ muốn thủ chấp thiền vị.

Bồ tát trú trong Thi La Ba-la-mật mà chưa có được vô sanh pháp nhẫn, thì cũng còn dễ bị cơn gió phiền não thổi trốc gốc nguyện Bồ Đề, khiến Thi La Ba-la-mật cũng bị hoại luôn. Trong trường hợp này, Bồ tát phải cầu thiền định lạc nhằm trừ 5 dục lạc; khi trừ được 5 dục lạc rồi, thì giới mới được thanh tịnh; dù chưa đoạn sạch phiền não mà đã có quyết tâm dẹp phiền não, nên chẳng còn sanh tâm tán loạn nữa.

Ví như rắn độc bị lực của chú thuật chế ngự, thì chẳng thể dùng nọc độc để gây tai họa được.

Cũng như vậy, người tu thiền định, khi đã có đầy đủ thiền định lực rồi, thì chẳng còn lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, chẳng còn trú chấp Niết bàn Tiểu thừa mà chỉ trú Thiền Ba-la-mật, quyết tâm độ hết thảy chúng sanh, nên chỉ

hành thật tướng pháp; lại còn chẳng bị sân nhuế và tham dục làm ô trược, nên giữ được tâm thanh tịnh, nhu nhuyến, thường sanh thật trí huệ.

Bồ tát trú Thi La Ba-la-mật, nhập vào thâm thiền định, được tâm thanh tịnh, nhu nhuyến, mới như thật biết các pháp. Ví như biết rõ các pháp hữu vi đều do duyên hòa hợp sanh; nếu lấy huệ nhãn mà quán, thì thấy rõ các pháp hữu vi đều là hư vọng, chẳng có thật, chỉ giả danh có, chỉ là tướng pháp mà thôi. Bồ tát cũng biết rõ do đối đãi với hữu vi mà giả lập có vô vi; biết rõ hữu vi tướng là bất khả đắc, thì vô vi tướng cũng là như vậy.

Hỏi: *Hữu vi pháp có tướng, vô vị pháp chẳng có tướng. Vì sao nói hữu vi pháp cũng là vô tướng?*

Đáp: Phải hiểu "vô vi" theo hai nghĩa. Đó là:

- Vô tướng tịch diệt Niết bàn.

- Tương đãi với hữu vi, là chẳng do duyên sanh.

Pháp hữu vi đã là tự tướng không, thì cũng chẳng có pháp vô vi vậy.

Phàm phu do chấp tướng, mà thấy các pháp có "hữu vi", có "vô vi", mà chẳng biết rằng ở nơi thật tướng, thì các pháp, dù là hữu vi hay là vô vi, cũng đều là vô tướng, là như pháp tánh thật tế cả.

Hỏi: *Trước nói hữu vị pháp là chẳng thật có, nên cũng chẳng có vô vi pháp. Nay vì sao nói hữu vi pháp và vô vi pháp đều là như pháp tánh thật tế?*

Đáp: Có người nghe nói pháp hữu vi là vô tướng, mà chẳng còn chấp "vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh", nhưng nếu

còn chấp "thường, lạc, ngã, tịnh", thì cũng là lầm lạc. Phải vì họ nói các pháp tướng ấy đều là hư vọng, chẳng thật có.

Lại có người nghe nói "không", mà nghi rằng: "Nếu là không, thì sao các pháp có sanh". Phải vì họ nói phải ly "hữu sanh pháp", mà cũng chẳng chấp "vô sanh pháp", vì đều chẳng có định tướng có thể chấp.

Bồ tát có trí huệ và lực phương tiện như vậy, lại thêm có bổn nguyện đại bi, nên chẳng tác chứng Nhị thừa đạo, mà thẳng đến Vô Thượng đạo. Như vậy gọi là Bồ tát trú Thi La Ba-la-mật, mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia.

(Hết quyển 80)